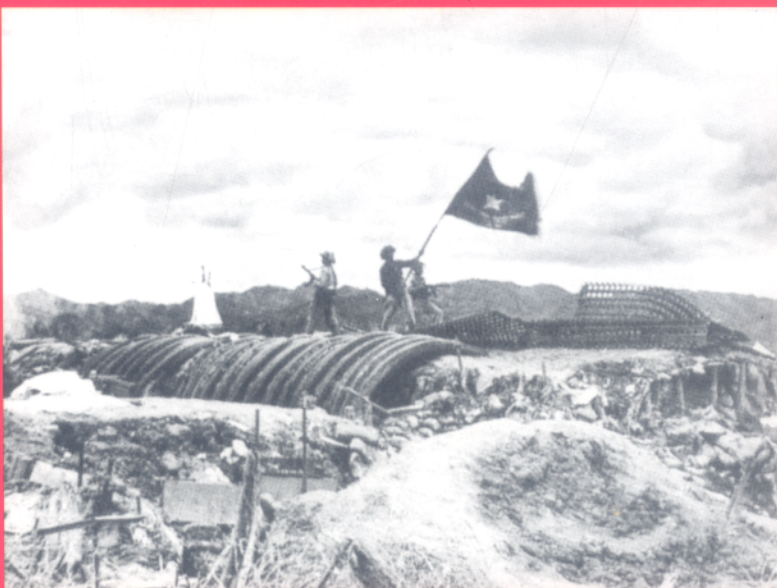


NGUYỄN ĐỨC HẠNH - LƯƠNG THỊ HIỀN - NGUYỄN MẠNH HƯỞNG
LƯU NGỌC KHẢI - NGUYỄN HOÀNG MINH - TRẦN ĐẠI NGHĨA
LƯƠNG THƯƠNG QUYẾN - ĐỖ XUÂN TẢO - HOÀNG KHẮC THÔNG
TẠ NGỌC VĂNG - NGUYỄN TỬ VƯỢNG

GIÁO TRÌNH **GIÁO DỤC** **QUỐC PHÒNG - AN NINH**

(DÙNG CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP)

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

NGUYỄN ĐỨC HẠNH – LƯƠNG THỊ HIỀN – NGUYỄN MẠNH HƯỜNG
LƯU NGỌC KHẢI – NGUYỄN HOÀNG MINH – TRẦN ĐẠI NGHĨA
LƯƠNG THƯƠNG QUYẾN – ĐỖ XUÂN TẢO – HOÀNG KHẮC THÔNG
TẠ NGỌC VĂNG – NGUYỄN TỬ VƯỢNG

Giáo trình GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH

(DÙNG CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP)

TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Bản quyền thuộc HEVOBCO – Nhà xuất bản Giáo dục

Lời nói đầu

Giáo dục quốc phòng – an ninh cho học sinh là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Qua đó tạo điều kiện cho thế hệ trẻ có điều kiện tu dưỡng phẩm chất đạo đức và rèn luyện năng lực thực tế để sẵn sàng thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược : xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh đã được xác định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và gần đây nhất Bộ Chính trị đã có Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03-5-2007 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới ; Chính phủ cũng có Nghị định số 116/2007/NĐ-CP ngày 10-7-2007 về Giáo dục quốc phòng – an ninh.

*Quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục quốc phòng, an ninh nhằm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của mục tiêu giáo dục và thực tiễn, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nghiên cứu, biên soạn bộ sách **Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh** dùng cho học sinh trung cấp chuyên nghiệp, gồm hai tập. Bộ sách này đã được Hội đồng thẩm định liên Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Quốc phòng – Bộ Công an nghiệm thu. Nội dung sách đã cập nhật được những vấn đề mới, phù hợp với chương trình mới ban hành, Quyết định số 80/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24-12-2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

Các tác giả biên soạn bộ sách này được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an lựa chọn. Bản thảo sau khi hoàn chỉnh đã được Hội đồng thẩm định Quốc gia thẩm định và giao cho Nhà xuất bản Giáo dục xuất bản để phục vụ các trường. Hi vọng bộ sách này sẽ giúp ích được nhiều cho giáo viên, học sinh và nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, an ninh toàn dân. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song khó tránh khỏi những sơ suất nhất định. Chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các đồng chí giáo viên, cán bộ chỉ đạo để bộ sách ngày càng hoàn thiện. Các ý kiến đóng góp xin gửi về Nhà xuất bản Giáo dục 81 Trần Hưng Đạo, Hà Nội. Xin chân thành cảm ơn.

Bài 1

TRUYỀN THỐNG ĐÁNH GIẶC

GIỮ NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, ông cha ta luôn phải chống lại kẻ thù xâm lược mạnh hơn nhiều lần về quân sự, kinh tế. Song với tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường, với cách đánh mưu trí, sáng tạo, ông cha ta đã đánh thắng tất cả kẻ thù xâm lược, viết nên những trang sử hào hùng của dân tộc như chiến thắng Bạch Đằng, Như Nguyệt, Chương Dương, Hàm Tử... Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tinh thần yêu nước và truyền thống đánh giặc của quân dân ta lại được phát huy lên một tầm cao mới và đã đánh thắng hai kẻ thù xâm lược có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh là thực dân Pháp và đế quốc Mĩ. Từ trong thực tiễn chống giặc ngoại xâm của dân tộc, các thế hệ ông cha ta đã viết nên truyền thống vẻ vang rất đáng tự hào và những bài học quý báu đối với các thế hệ mai sau.

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam. Hiểu được giá trị truyền thống của ông cha ta trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước.

– Xây dựng ý thức trách nhiệm trong việc tham gia giữ gìn truyền thống của dân tộc ; ý thức trân trọng và bảo vệ truyền thống dân tộc, truyền thống quê hương đất nước.

II - NỘI DUNG

1. Lịch sử đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam

a) Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên

Từ thời các vua Hùng dựng nước Văn Lang cách đây hàng nghìn năm, lịch sử dân tộc Việt Nam bước vào thời đại dựng nước và giữ nước.

Nhà nước Văn Lang là nhà nước đầu tiên của dân tộc ta. Lãnh thổ Văn Lang khá rộng và ở vào vị trí địa lí quan trọng, nằm trên đầu mối những

đường giao thông qua bán đảo Đông Dương và vùng Đông Nam Á. Từ buổi đầu, ông cha ta đã xây dựng nên nền văn minh sông Hồng, còn gọi là văn minh Văn Lang mà đỉnh cao là văn hoá Đông Sơn rực rỡ, là thành quả tự hào của người Việt thời đại Hùng Vương.

Do vị trí địa lí và điều kiện kinh tế của mình, nước ta luôn bị các thế lực ngoại xâm nhòm ngó. Các thế lực bành trướng phương Bắc luôn có âm mưu thôn tính, mở rộng lãnh thổ của chúng. Do đó, yêu cầu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập đã sớm xuất hiện trong lịch sử dân tộc ta. Người Việt muốn tồn tại, bảo vệ cuộc sống và nền văn hoá của mình chỉ có con đường đoàn kết dân tộc, đứng lên đánh giặc, giữ nước.

Cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên mà sử sách ghi lại là cuộc kháng chiến chống quân Tần. Năm 214 trước Công nguyên, nhà Tần mang quân sang xâm lược nước ta. Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của vua Hùng và sau đó là Thục Phán đứng lên kháng chiến. Thục Phán, một thủ lĩnh người Âu Việt đã thay thế vua Hùng thống nhất hai bộ tộc Lạc Việt và Âu Việt, lập ra nhà nước Âu Lạc, dời đô về Cổ Loa, Hà Nội. Nhà nước Âu Lạc kế thừa nhà nước Văn Lang trên mọi lĩnh vực.

Sau cuộc kháng chiến chống quân Tần, cuộc kháng chiến của nhân dân Âu Lạc do An Dương Vương lãnh đạo chống quân xâm lược của Triệu Đà từ năm 184 đến 179 trước Công nguyên bị thất bại. Từ đây, đất nước ta rơi vào thảm hoạ hơn một nghìn năm phong kiến Trung Hoa đô hộ, lịch sử gọi là thời kì Bắc thuộc.

b) Cuộc đấu tranh giành độc lập (từ thế kỉ I đến thế kỉ X)

Dưới ách thống trị của chính quyền đô hộ, trải qua nhiều triều đại, phong kiến phương Bắc luôn tìm cách vơ vét của cải, áp bức và đồng hoá dân ta, biến nước ta thành quận, huyện của chúng.

Dân ta quyết không chịu khuất phục, đã nêu cao tinh thần bất khuất, kiên cường và bền bỉ chống áp bức, bóc lột, giữ gìn bản sắc dân tộc và quyết tâm đứng lên đấu tranh giành độc lập, tự do. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40), Bà Triệu (năm 248), Lí Bí (năm 542), Triệu Quang Phục (548), Mai Thúc Loan (722), Phùng Hưng (766), Khúc Thừa Dụ (905). Năm 906, nhân dân ta đã giành lại quyền tự chủ. Tiếp đó, là hai cuộc chiến tranh chống quân Nam Hán xâm lược dưới sự lãnh đạo của Dương Đình Nghệ (931) và Ngô Quyền (938). Với chiến thắng Bạch Đằng năm 938, dân tộc ta giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc.

c) Các cuộc chiến tranh giữ nước (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX)

Sau khi chiến thắng giặc ngoại xâm, Ngô Quyền lên ngôi vua, bắt tay vào xây dựng nhà nước độc lập. Từ đó, trải qua các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ và Lê Sơ (từ thế kỉ X đến thế kỉ XV), quốc gia thống nhất ngày càng được củng cố. Nước Đại Việt thời Lý, Trần và Lê Sơ với kinh đô Thăng Long (Hà Nội) là một quốc gia cường thịnh ở châu Á, là một trong những thời kì phát triển rực rỡ nhất, thời kì văn minh Đại Việt.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này, dân tộc ta vẫn phải đứng lên đấu tranh chống xâm lược. Năm 981, dưới sự lãnh đạo của Lê Hoàn, nhân dân ta đánh tan cuộc xâm lăng lần thứ nhất của quân Tống. Thế kỉ XI, dưới triều Lý, dân tộc ta một lần nữa lại giành được thắng lợi vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống quân Tống (1075–1077). Thế kỉ XIII, trong 30 năm (1258–1288), quân dân ta đã chiến thắng oanh liệt cả ba lần chống quân Nguyên – Mông. Những chiến thắng lừng lẫy ở Đông Bộ Đầu, Hàm Tử, Chương Dương, Tây Kết, Vạn Kiếp và Bạch Đằng mãi được lưu truyền trong sử sách, là niềm kiêu hãnh của dân tộc Việt Nam.

Đầu thế kỉ XV, nước ta bị quân Minh xâm lược, nhà Hồ lãnh đạo kháng chiến không thành công. Tuy vậy, phong trào yêu nước vẫn phát triển rộng khắp. Nổi bật là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi và Nguyễn Trãi lãnh đạo. Sau 10 năm chiến đấu kiên trì, anh dũng và mưu trí, nhân dân cả nước đã giành được thắng lợi oanh liệt, kết thúc bằng thắng lợi của trận Chi Lăng – Xương Giang năm 1427.

Cuối thế kỉ XVIII, dân tộc ta lại hai lần chống ngoại xâm. Năm 1785, quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy tài tình của Nguyễn Huệ đã lập nên chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút, đánh tan 5 vạn quân Xiêm. Đầu xuân năm Kỷ Dậu (1789) quân dân ta dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Huệ lại đánh bại 29 vạn quân xâm lược Mãn Thanh cùng bè lũ Lê Chiêu Thống bán nước. Lịch sử dân tộc đã ghi thêm một trang sử hào hùng với chiến công bất diệt : Chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa.

Trong những cuộc chiến tranh giữ nước từ thế kỉ X đến XIX, nhân dân ta dưới sự chỉ huy của các vị tướng tài giỏi đã thực hiện toàn dân đánh giặc ; biết dựa vào địa hình, địa thế có lợi cho ta, bất lợi cho địch ; vận dụng "vườn không nhà trống" và mọi cách đánh phù hợp làm cho địch đi đến đâu cũng bị đánh, bị tiêu hao, tiêu diệt. Nét đặc sắc nghệ thuật quân sự của ông cha ta trong các cuộc chiến tranh giữ nước kể trên là tích cực, chủ động tiến công địch. Điển hình như Lý Thường Kiệt (1075) đã dùng biện pháp "tiên phát chế nhân" (không ngồi chờ giặc đến mà chủ động đánh trước vào hậu phương địch

rồi rút lui để phá vỡ kế hoạch của chúng) ; lấy đoàn binh thắng trường trận ; "yếu chống mạnh hay đánh bất ngờ, ít địch nhiều thường dùng mai phục"⁽¹⁾. Đến thời vua Quang Trung năm 1788 – 1789, đã thực hiện lúc địch mạnh ta có thể lui quân để bảo toàn lực lượng, lúc địch suy yếu ta bất ngờ chuyển sang đánh đòn quyết định tiêu diệt địch trong một thời gian ngắn.

d) Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, lật đổ chế độ thực dân nửa phong kiến (thế kỉ XIX đến 1945)

Tháng 9 –1858, Thực dân Pháp nổ súng tiến công Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Triều Nguyễn từng bước đầu hàng giặc và đến năm 1884 thì hoàn toàn công nhận quyền đô hộ của Pháp trên toàn nước ta. Khuất phục được triều đình nhà Nguyễn, nhưng thực dân Pháp đã vấp phải một phong trào kháng chiến sôi nổi và bền bỉ của nhân dân ta từ Bắc đến Nam. Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa do Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực, Đinh Công Tráng, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX phát triển sôi nổi, nhưng cuối cùng đều thất bại. Nguyên nhân cơ bản do thiếu sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến và chưa có đường lối đúng đắn, phù hợp với điều kiện mới của thời đại.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng nước ta trải qua các cao trào Xô Viết – Nghệ Tĩnh 1930 – 1931, phong trào Dân chủ đòi tự do, cơm áo và hoà bình 1936 – 1939, phong trào Phản đế và phát động toàn dân tổng khởi nghĩa 1939 – 1945, đỉnh cao là thắng lợi rực rỡ của Cách mạng tháng Tám 1945, lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà – Nhà nước dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á.

e) Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954)

Không chịu từ bỏ dã tâm cai trị nước ta, ngày 23-9-1945, được quân Anh giúp sức, thực dân Pháp lại tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Nam Bộ anh dũng đứng lên chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Trong điều kiện nước ta còn nhiều khó khăn,

⁽¹⁾ Nguyễn Trãi, *Toàn tập*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1969, tr. 65.

phải đánh với nhiều kẻ thù cùng một lúc, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sách lược tài tình, khéo lợi dụng mâu thuẫn nội bộ của địch, tranh thủ hoà hoãn với Pháp, đẩy nhanh 20 vạn quân Tưởng về nước để chuẩn bị kháng chiến lâu dài với thực dân Pháp.

Nhưng "chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới". Ngày 19-12-1946, trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ : "Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"⁽¹⁾. Cả dân tộc hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhất tề đứng lên, đoàn kết chặt chẽ, quyết chiến đấu đến cùng vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc.

Từ năm 1947-1954, quân dân ta đã lập được nhiều chiến công, làm thất bại nhiều cuộc hành binh lớn của Pháp trên khắp các mặt trận. Tiêu biểu là chiến thắng Việt Bắc - Thu Đông (năm 1947), chiến thắng Biên Giới (1950), chiến thắng Tây Bắc (1952), chiến cuộc Đông Xuân (1953-1954) mà đỉnh cao là trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã giáng một đòn quyết định, đánh bại chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ, buộc Pháp phải kí hiệp định Giơnevơ năm 1954, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.

Thắng lợi của nhân dân ta trong kháng chiến chống Pháp là do ta có đường lối kháng chiến độc lập và tự chủ, thực hiện lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít đánh nhiều, động viên, tổ chức lực lượng toàn dân đánh giặc, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, nhằm tạo sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc chống giặc ngoại xâm.

g) Cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954-1975)

Đế quốc Mĩ phá hoại hiệp định Giơnevơ, hất cẳng Pháp để độc chiếm miền Nam, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và là căn cứ quân sự của Mĩ, nhằm chia cắt lâu dài nước ta.

Nhân dân miền Nam lại một lần nữa đứng lên chống Mĩ, cứu nước. Từ năm 1959 - 1960, phong trào đồng khởi ở miền Nam bùng nổ và lan rộng. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam được thành lập. Từ năm 1961-1965, quân và dân ta đã đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 480.

Từ năm 1965–1968, Mĩ tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ", ô ạt đưa quân viễn chinh Mĩ vào miền Nam, đồng thời, tiến hành chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", quân và dân cả nước đánh thắng Mĩ ngay từ trận đầu ở cả hai miền Nam, Bắc. Cuộc tổng tiến công tết Mậu Thân 1968 trên toàn lãnh thổ miền Nam làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ", buộc Mĩ phải xuống thang đàm phán với ta ở Hội nghị Pari (Pháp).

Để cứu vãn thất bại, Mĩ thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia. Quân và dân ba nước Đông Dương đã kề vai sát cánh cùng nhau chiến đấu đánh bại các cuộc hành quân của Mĩ – Ngụy sang Campuchia và đường 9 Nam Lào. Cùng với thắng lợi ở chiến trường miền Nam, năm 1972 miền Bắc đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mĩ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương đã buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Đại thắng mùa xuân năm 1975, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị hơn 100 năm của chủ nghĩa thực dân, đế quốc ở Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống Mĩ xâm lược là cuộc kháng chiến vĩ đại nhất trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, mọi tinh hoa truyền thống đánh giặc, giữ nước qua mấy nghìn năm của cả dân tộc đã được vận dụng một cách sáng tạo. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta đã tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân phát triển đến trình độ cao ; vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa tiến hành chiến tranh giải phóng miền Nam, gắn cuộc kháng chiến của nhân dân ta với phong trào cách mạng thế giới ; triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ địch để tăng cường lực lượng cách mạng ; đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa vừa đánh, vừa đàm, giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và đấu tranh ngoại giao ; đánh địch bằng 3 mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận), trên cả 3 vùng chiến lược (đồng bằng, miền núi, thành thị) ; thực hiện trọn vẹn lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh là "đánh cho Mĩ cút, đánh cho Ngụy nhào".

Từ năm 1975 đến nay, quân và dân ta tiếp tục phát huy truyền thống trong đấu tranh cách mạng, hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Truyền thống về vang của dân tộc ta trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước

a) Truyền thống dựng nước đi đôi với giữ nước

Do ở vị trí chiến lược trọng yếu trong vùng Đông Nam Á và có nhiều tài nguyên phong phú, nên nước ta trở thành mục tiêu xâm lược của nhiều nước lớn trong khu vực và trên thế giới từ trước đến nay. Bởi vậy, ngay từ buổi đầu dựng nước, chống giặc ngoại xâm đã trở thành một nhiệm vụ cấp thiết. Dựng nước đi đôi với giữ nước là một quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta. Thực tế cho thấy, nạn giặc ngoại xâm là mối đe dọa thường xuyên và nguy hiểm nhất đối với sự sống còn của đất nước ta.

Kể từ cuối thế kỉ thứ III trước Công nguyên đến nay, dân tộc ta đã tiến hành gần 20 cuộc chiến tranh chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc, cùng với hàng trăm cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc.

Nhân dân ta thời nào cũng vậy, luôn nêu cao cảnh giác, chuẩn bị lực lượng đề phòng giặc ngay từ thời bình ; trong chiến tranh, vừa chiến đấu, vừa sản xuất, xây dựng đất nước và sẵn sàng đối phó với âm mưu của kẻ thù. Vì vậy, đánh giặc, giữ nước là nhiệm vụ thường xuyên, cấp thiết và luôn gắn liền với nhiệm vụ xây dựng đất nước.

b) Truyền thống lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều

Trong lịch sử, những cuộc đấu tranh, giữ nước của dân tộc ta đều diễn ra trong điều kiện so sánh lực lượng chênh lệch. Kẻ thù thường là những nước lớn, có tiềm lực kinh tế, quân sự hơn ta nhiều lần.

Về binh lực, bao giờ quân xâm lược cũng có ưu thế hơn hẳn quân ta. Thế kỉ XI, trong chiến tranh chống quân Tống, Nhà Lý có 10 vạn quân, địch có 30 vạn quân. Trong kháng chiến chống quân Nguyên – Mông, ở thế kỉ XIII, lúc cao nhất nhà Trần có khoảng 15 vạn quân, nhưng quân địch có tới 50 – 60 vạn quân. Thời Quang Trung có 10 vạn quân, quân xâm lược Thanh có tới 29 vạn quân. Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, về tiềm lực kinh tế và quân sự thì Pháp và Mỹ mạnh hơn chúng ta nhiều lần.

Vì thế, lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông, tạo sức mạnh tổng hợp của toàn dân để đánh giặc trở thành truyền thống trong lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc.

c) Truyền thống cả nước chung sức đánh giặc, toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện

Để chiến thắng giặc ngoại xâm có tiềm lực kinh tế, quân sự hơn ta nhiều lần, nhân dân Việt Nam phải đoàn kết cả dân tộc, đoàn kết toàn dân tạo thành nguồn sức mạnh to lớn của cả dân tộc, chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược.

Thời Trần có vua tôi đồng lòng, anh em hoà thuận, cả nước góp sức chiến đấu, nên ba lần đại thắng quân Nguyên – Mông. Thời chống Minh, nghĩa quân Lam Sơn, tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt ngào. Thời chống Pháp, chống Mĩ, quân với dân một ý chí, mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, cả nước là một chiến trường diệt giặc.

Trong kháng chiến chống Pháp, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "bất kì dân ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì đứng lên đánh Pháp cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, ai không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân cứu nước"⁽¹⁾. Nhân dân cả nước đã sát cánh cùng bộ đội chiến đấu, ra sức xây dựng quân đội, sản xuất ở hậu phương, chăm lo tiếp tế hậu cần, thực hiện "toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến", giành thắng lợi vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, Đảng ta đã đưa cuộc chiến tranh nhân dân lên tầm cao mới. Đẩy mạnh chiến tranh toàn dân, toàn diện, kết hợp đấu tranh của nhân dân trên các mặt trận chính trị, kinh tế với đấu tranh quân sự của lực lượng vũ trang lên một quy mô chưa từng có trong lịch sử. Vì thế, quân và dân Việt Nam đã giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

Hồ Chí Minh, đã chỉ rõ : Dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.

Nhân dân ta đã sớm nhận thức, non sông đất nước ta là do bàn tay lao động của biết bao thế hệ xây đắp nên, là tài sản chung của mọi người, ai cũng hiểu nước mất, thì nhà tan. Vì thế, lớp lớp các thế hệ người dân đã không sợ hi sinh gian khổ, liên tục đứng lên đánh giặc, giữ nước.

Trong lịch sử đánh giặc, giữ nước của dân tộc ta đã có nhiều tấm gương anh dũng chiến đấu, hi sinh vì độc lập dân tộc. Hình ảnh Hai Bà Trưng với lời thề sông Hát, Bà Triệu cưỡi voi chỉ huy đánh giặc và nói "Ta muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn cõi ách nô lệ, chứ không chịu khom lưng làm tì thiếp người". Trần Quốc Toản bóp nát quả cam vì hận mình còn nhỏ tuổi

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 480.

không được dự bàn kế đánh giặc ở Bình Than ; Trần Bình Trọng "Thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc" ; Nguyễn Trung Trực đã hiên ngang tuyên bố trước mặt quân thù : "Bao giờ người Tây nhỏ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây" ; hình ảnh Bế Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện, Phan Đình Giót đã xả thân mình vì nước, Nguyễn Viết Xuân "Nhằm thẳng quân thù mà bắn"... là những biểu tượng sáng ngời về lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu hi sinh vì độc lập dân tộc.

Với tinh thần "Thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" đã sớm trở thành tư tưởng và tình cảm lớn nhất, là lẽ sống thiêng liêng của mỗi người dân Việt Nam.

d) Truyền thống thắng giặc bằng trí thông minh, sáng tạo, bằng nghệ thuật quân sự độc đáo

Dân tộc ta chiến đấu và chiến thắng giặc ngoại xâm không chỉ bằng tinh thần chiến đấu dũng cảm, hi sinh vì Tổ quốc, mà còn bằng trí thông minh sáng tạo, bằng nghệ thuật quân sự độc đáo.

Mưu trí sáng tạo được thể hiện trong kho tàng kinh nghiệm phong phú của cuộc đấu tranh giữ nước, trong tài thao lược kiệt xuất của dân tộc ta. Chúng ta biết lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông, tự tạo vũ khí, cướp súng giặc để giết giặc, phát huy uy lực của mọi thứ vũ khí có trong tay, biết kết hợp nhiều cách đánh thích hợp. Nghệ thuật quân sự Việt Nam là nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân, nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc.

Lịch sử ông cha ta đã có nhiều cách đánh địch độc đáo, Lý Thường Kiệt biết "tiên phát chế nhân", rồi lui về phòng ngự vững chắc và phản công đúng lúc, Trần Quốc Tuấn biết "dĩ đoản chế trường", biết chế ngự sức mạnh của kẻ địch và phản công khi chúng suy yếu, mệt mỏi. Thời Lê Lợi, biết đánh lâu dài, từng bước tạo thế và lực, tạo thời cơ giành thắng lợi. Thời Quang Trung biết đánh thần tốc, tiến công mãnh liệt bằng nhiều mũi, nhiều hướng, khiến hơn 29 vạn quân Thanh không kịp trở tay.

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các lực lượng vũ trang ba thứ quân đã cùng toàn dân đứng lên đánh giặc bằng mọi phương tiện và hình thức. Kết hợp đánh địch trên các mặt trận quân sự, kinh tế, chính trị và binh vận. Kết hợp đánh du kích và đánh chính quy. Đánh địch trên cả ba vùng chiến lược : rừng núi, đồng bằng và đô thị. Nghệ thuật quân sự của ta tạo ra một hình thái chiến tranh cài răng lược,

xen kẽ triệt để giữa ta và địch ; buộc quân địch phải phân tán, đông mà hoá ít, mạnh hoá yếu, luôn bị động đối phó theo cách đánh của ta.

Với trí thông minh, sáng tạo, với nghệ thuật quân sự độc đáo, dù kẻ thù từ phương Bắc hay từ Âu, Mĩ sang, dù chúng có tiềm lực kinh tế, đông quân, có trang thiết bị hiện đại, lắm mưu mô xảo quyệt đến mấy cũng không thể phát huy được sở trường và sức mạnh vốn có của chúng trên chiến trường của ta ; buộc chúng phải đánh theo cách của ta và cuối cùng đều chịu thất bại thảm hại.

Dám đánh, biết đánh và biết thắng giặc bằng mưu trí và nghệ thuật độc đáo là một đặc điểm nổi bật của truyền thống đánh giặc của dân tộc ta.

e) Truyền thống đoàn kết quốc tế

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc ta luôn có sự đoàn kết giữa các nước trên bán đảo Đông Dương và các nước khác trên thế giới, vì độc lập dân tộc của mỗi quốc gia, chống lại sự thống trị của các nước lớn.

Cuộc kháng chiến chống Pháp, Nhật, nhất là cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta, đã tạo được sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ quốc tế lớn lao. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ cũng là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia. Tình thân đoàn kết đó là chỗ dựa vững chắc cho mỗi dân tộc trong cuộc đấu tranh giành và củng cố nền độc lập của mình.

Nhờ thực hiện đường lối đoàn kết quốc tế đúng đắn, nên cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã giành được sự ủng hộ và giúp đỡ nhiệt tình của nhân dân các nước anh em và trước hết là nhân dân Liên Xô (trước đây) và Trung Quốc, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, của phong trào độc lập dân tộc và nhân dân yêu chuộng hoà bình, công lí trên toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Pháp, Mĩ.

Đoàn kết quốc tế trong sáng, thuỷ chung đã trở thành truyền thống, là một nhân tố thành công trong sự nghiệp đánh giặc, giữ nước cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

g) Truyền thống một lòng theo Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời đến nay, đã lãnh đạo nhân dân ta đứng lên lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp, tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công ; đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, giành độc lập dân tộc, thống nhất toàn quốc và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong giai đoạn mới của cách mạng, để giữ vững độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, ổn định về chính trị xã hội, đòi hỏi phải nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng đối với mọi vấn đề của xã hội.

Thực tế cho thấy, sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975, đất nước ta đứng trước bao thử thách gian nan như chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới, nền kinh tế còn nhiều khó khăn, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta từng bước vượt qua khó khăn, thử thách, vững bước đi lên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Lịch sử Việt Nam trải qua hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước gian khổ nhưng vinh quang, tự hào. Truyền thống đánh giặc, giữ nước của dân tộc ta ngày càng được các thế hệ tiếp theo kế thừa và vận dụng sáng tạo. Thế hệ trẻ Việt Nam đã và đang thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Hãy nêu tóm tắt quá trình đánh giặc, giữ nước của dân tộc Việt Nam.
2. Hãy nêu truyền thống đánh giặc, giữ nước của dân tộc Việt Nam.
3. Trách nhiệm của học sinh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bài 2

LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THANH NIÊN

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Trang bị cho học sinh những nội dung cơ bản của Luật Nghĩa vụ quân sự, xác định rõ trách nhiệm đối với nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Có thái độ học tập tốt, chấp hành đầy đủ các quy định về đăng kí nghĩa vụ quân sự, sẵn sàng nhập ngũ và phục vụ trong ngạch dự bị động viên.

II - NỘI DUNG

1. Những nội dung cơ bản của Luật Nghĩa vụ quân sự

a) Nghĩa vụ quân sự của công dân

Thực hiện nghĩa vụ quân sự là nhiệm vụ vẻ vang của công dân phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam, bao gồm phục vụ tại ngũ và phục vụ trong ngạch dự bị của quân đội.

– Phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ trong quân đội

Công dân nam, không phân biệt dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, nơi cư trú, có nghĩa vụ phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Luật Nghĩa vụ quân sự cũng quy định : công dân nữ có chuyên môn cần cho quân đội, trong thời bình phải đăng kí nghĩa vụ quân sự và được huấn luyện ; nếu tình nguyện thì có thể được phục vụ tại ngũ.

Độ tuổi gọi nhập ngũ trong thời bình từ đủ 18 đến hết 25 tuổi. Thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ thời bình là 18 tháng. Với hạ sĩ quan chỉ huy, hạ sĩ quan binh sĩ chuyên môn kĩ thuật do quân đội đào tạo, hạ sĩ quan, binh sĩ trên tàu hải quân là 24 tháng. Khi cần thiết, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được quyền kéo thêm thời gian phục vụ không quá 6 tháng so với thời gian quy định. Thời gian đào ngũ (nếu có) không được tính vào thời gian phục vụ tại ngũ.

Thực hiện nghĩa vụ quân sự không chỉ là nghĩa vụ thiêng liêng mà còn là quyền cao quý của công dân. Công dân đang trong thời kì bị tước quyền phục vụ trong các lực lượng vũ trang nhân dân hoặc đang bị giam giữ, cấm cư trú, quản chế đều không được làm nghĩa vụ quân sự.

– Phục vụ của hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị

Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị chia thành quân nhân dự bị hạng một và hạng hai.

Quân nhân dự bị hạng một gồm hạ sĩ quan, binh sĩ đã phục vụ tại ngũ đủ thời gian hoặc trên hạn định ; hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn, nhưng đã phục vụ tại ngũ trên 6 tháng ; hạ sĩ quan, binh sĩ đã qua chiến đấu ; nam quân nhân dự bị hạng hai đã qua huấn luyện tập trung đủ 6 tháng.

Quân nhân dự bị hạng hai gồm hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn nhưng đã phục vụ tại ngũ dưới 6 tháng ; công dân nam chưa phục vụ tại ngũ từ 26 tuổi trở lên được chuyển sang ngạch dự bị ; công dân nữ đã đăng kí nghĩa vụ quân sự. Quân nhân dự bị ở mỗi hạng được chia làm 2 nhóm.

Nhóm A : Nam đến hết 35 tuổi ; nữ đến hết 30 tuổi.

Nhóm B : Nam từ 36 tuổi đến hết 45 tuổi ; nữ từ 31 đến hết 40 tuổi.

Quân nhân dự bị hạng một phải tham gia huấn luyện tổng thời gian nhiều nhất là 12 tháng. Quân nhân chuyên nghiệp và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập và kiểm tra sẵn sàng chiến đấu, bản thân và gia đình được hưởng chế độ chính sách do Chính phủ quy định.

b) Đăng kí nghĩa vụ quân sự và chuẩn bị cho thanh niên phục vụ quân đội

– Đăng kí nghĩa vụ quân sự

Đăng kí nghĩa vụ quân sự được tiến hành tại nơi cư trú theo hai cấp : xã, phường, thị trấn và huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) do Ban Chỉ huy quân sự của các cấp đó phụ trách.

Tháng tư hàng năm, theo lệnh gọi của Chỉ huy Trưởng quân sự huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), công dân nam đủ 17 tuổi trong năm đó phải đến cơ quan quân sự để đăng kí nghĩa vụ quân sự. Công dân đã đăng kí nghĩa vụ quân sự gọi là công dân sẵn sàng nhập ngũ.

Quân nhân dự bị và công dân sẵn sàng nhập ngũ, khi chuyển chỗ ở đến ở địa phương khác phải đến Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và Ban Chỉ huy quân sự huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) để xoá tên trong sổ đăng kí ; khi đến nơi ở mới, trong thời hạn 7 ngày, phải đến Ban Chỉ huy quân sự xã (phường, thị trấn) và trong thời hạn 10 ngày phải đến Ban Chỉ huy quân sự huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) để ghi tên vào sổ đăng kí. Khi quân nhân dự bị và công dân sẵn sàng nhập ngũ có thay đổi về địa chỉ, nơi làm việc hoặc nơi học tập, chức vụ công tác, trình độ văn hoá, thì trong thời hạn 10 ngày, phải đến cơ quan quân sự để đăng kí bổ sung.

– Chuẩn bị cho thanh niên nhập ngũ

Công dân nam trước khi nhập ngũ phải được huấn luyện quân sự phổ thông. Huấn luyện quân sự trước khi nhập ngũ là nội dung chủ yếu chuẩn bị cho thanh niên nhập ngũ ; tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên tiếp thu chương trình huấn luyện cơ bản của người chiến sĩ. Thanh niên là học sinh, sinh viên thực hiện nội dung huấn luyện quân sự phổ thông được quy định trong chương trình Giáo dục quốc phòng – an ninh của các cấp học và trình độ đào tạo. Các trường tổ chức thực hiện chương trình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Quốc phòng.

c) Nhập ngũ, xuất ngũ

– Gọi nhập ngũ

Hàng năm, việc gọi công dân nhập ngũ được tiến hành từ một đến hai lần. Do đặc điểm về tính mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp, trong học tập của học sinh, đặc điểm về khí hậu, thời tiết nước ta nên việc gọi công dân nhập ngũ thường được tiến hành vào khoảng tháng 2 đến tháng 3 và tháng 8 đến tháng 9. Lệnh gọi nhập ngũ phải được đưa trước 15 ngày. Công dân được gọi nhập ngũ phải có mặt đúng thời gian và địa điểm ghi trong lệnh gọi nhập ngũ ; nếu có lí do chính đáng, không thể đến đúng thời gian và địa điểm phải có giấy xác nhận của uỷ ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nơi cư trú.

– Xuất ngũ

Hạ sĩ quan và binh sĩ đã phục vụ tại ngũ đủ thời hạn quy định thì được xuất ngũ. Thời gian xuất ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ phải được thông báo trước một tháng cho quân nhân. Người chỉ huy đơn vị cấp trung đoàn và tương đương trở lên phải tổ chức tiễn và đưa quân nhân được xuất ngũ về bàn giao cho Uỷ ban nhân dân địa phương đã giao quân. Uỷ ban nhân dân cấp huyện ở địa phương có trách nhiệm tiếp nhận hạ sĩ quan, binh sĩ về địa phương chu đáo, tạo điều kiện cho họ nhanh chóng ổn định đời sống.

Hạ sĩ quan, binh sĩ có thể được xuất ngũ trước thời hạn, nếu hội đồng giám định y khoa kết luận không đủ sức khoẻ tiếp tục phục vụ tại ngũ hoặc hoàn cảnh gia đình quá khó khăn.

Hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ về địa phương, trong thời hạn 15 ngày phải đến Ban Chỉ huy quân sự xã (phường, thị trấn) và Ban Chỉ huy quân sự huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) để đăng kí vào ngạch dự bị.

– Hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình

Công dân nam được hoãn gọi nhập ngũ trong các trường hợp :

Chưa đủ sức khoẻ phục vụ tại ngũ theo kết luận của hội đồng khám sức khoẻ.

Là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi người khác trong gia đình không còn sức lao động hoặc chưa đến tuổi lao động.

Có anh, chị hoặc em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ.

Giáo viên, nhân viên y tế, thanh niên xung phong đang làm việc ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn và cán bộ, công chức, viên chức được điều động đến làm việc ở những vùng này.

Đang nghiên cứu công trình khoa học cấp Nhà nước được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ hoặc người có chức vụ tương đương chứng nhận.

Đang học ở các trường phổ thông, dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học ; trường phổ thông dân tộc nội trú, trường chuyên, trường năng khiếu, dự bị đại học ; học sinh, sinh viên du học nước ngoài có thời gian đào tạo từ 12 tháng trở lên.

Hàng năm, những trường hợp nói trên đều được kiểm tra, nếu không còn lí do tạm hoãn thì được gọi nhập ngũ. Tuy nhiên, Luật Nghĩa vụ quân sự cũng quy định công dân thuộc diện được tạm hoãn gọi nhập ngũ, nếu tình nguyện thì có thể được tuyển chọn gọi nhập ngũ.

– Miễn gọi nhập ngũ trong thời bình

Công dân được miễn gọi nhập ngũ trong thời bình gồm các trường hợp :

Con liệt sĩ, con thương binh hạng một, con bệnh binh hạng một.

Là anh hoặc em trai của liệt sĩ, con trai của thương binh hạng hai.

Thanh niên xung phong, cán bộ, công chức, viên chức đã phục vụ trên 24 tháng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn.

Người tàn tật, người mắc bệnh tâm thần và mãn tính khác theo danh mục bệnh tật do Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định được miễn làm nghĩa vụ quân sự.

d) Nghĩa vụ và quyền lợi của hạ sĩ quan, binh sĩ

– Nghĩa vụ

Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, nhân dân và Nhà nước, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu hi sinh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, kiên quyết bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tính mạng, tài sản nhân dân. Gương mẫu chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, điều lệnh, điều lệ của quân đội. Ra sức học tập chính trị, quân sự, văn hoá, kĩ thuật, nghiệp vụ, rèn luyện tính tổ chức, kỉ luật và thể lực, không ngừng nâng cao bản lĩnh chiến đấu.

– Quyền lợi

Được cung cấp kịp thời, đủ số lượng, đúng chất lượng về lương thực, thực phẩm, quân trang, thuốc chữa bệnh, được đảm bảo chỗ ở, phụ cấp hàng tháng và nhu cầu văn hoá, tinh thần phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của quân đội theo chế độ, tiêu chuẩn, định lượng được quy định. Từ năm thứ 2 trở đi được nghỉ phép theo quy định ; từ tháng thứ 19 trở đi được hưởng thêm 200% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hàng tháng, từ tháng thứ 25 trở đi được hưởng thêm 250% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hàng tháng ; được tính

nhân khẩu ở gia đình khi gia đình được cấp hoặc điều chỉnh diện tích nhà ở, đất xây dựng hoặc canh tác ; được tính thời gian phục vụ tại ngũ vào thời gian công tác. Khi xuất ngũ được cấp tiền tàu xe, phụ cấp đi đường, được hưởng trợ cấp xuất ngũ, trợ cấp tạo việc làm do Chính phủ quy định.

Quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự khi xuất ngũ trở về địa phương được chính quyền các cấp giải quyết ưu tiên trong tuyển sinh, tuyển dụng hoặc sắp xếp việc làm ; được vào học tại các trường đã trúng tuyển trước khi nhập ngũ.

– Quyền lợi đối với gia đình hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ

Bố, mẹ, vợ và con được hưởng chế độ trợ cấp khó khăn đột xuất theo chính sách chung của Nhà nước ; được miễn viện phí khi khám bệnh và chữa bệnh tại các bệnh viện của Nhà nước. Con gửi trẻ hoặc học các trường của Nhà nước, được miễn tiền học phí và tiền đóng góp xây dựng trường.

e) Xử lý các vi phạm

Người nào vi phạm các quy định về đăng kí nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, gọi quân nhân dự bị tập trung huấn luyện ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái hoặc cản trở việc thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý kỉ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Quân nhân nào vi phạm các quy định về việc tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, xuất ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ, về chế độ, quyền lợi của quân nhân hoặc vi phạm các quy định khác của Luật Nghĩa vụ quân sự thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý theo điều lệnh kỉ luật của quân đội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Trách nhiệm của học sinh trong chấp hành Luật Nghĩa vụ quân sự

a) Tích cực học tập chính trị, quân sự, rèn luyện thể lực theo quy định

Trong thời gian học tập tại trường, học sinh phải hoàn thành Chương trình Giáo dục quốc phòng – an ninh, nhằm xây dựng tinh thần yêu nước, yêu chế độ xã hội chủ nghĩa, rèn luyện tác phong, nếp sống tập thể, có kỉ luật, nắm được những kiến thức phổ thông về quân sự để khi nhập ngũ có điều kiện thuận lợi tiếp tục học tập, rèn luyện trở thành người chiến sĩ tốt của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Học sinh phải có thái độ nghiêm túc, trách nhiệm đầy đủ trong học tập, rèn luyện, phấn đấu đạt kết quả cao trong môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh. Biết vận dụng kết quả học tập vào xây dựng nền nếp sinh hoạt tập thể có kỉ luật, văn minh trong nhà trường và ngoài xã hội.

b) Chấp hành đúng quy định về đăng kí nghĩa vụ quân sự, kiểm tra và khám sức khoẻ

Học sinh phải chấp hành đúng quy định về đăng kí nghĩa vụ quân sự của Ban Chỉ huy quân sự huyện (quận, thành phố thuộc tỉnh) nơi cư trú và hướng dẫn của nhà trường. Tháng tư hằng năm, theo lệnh gọi của Chỉ huy Trưởng quân sự huyện (quận, thành phố thuộc tỉnh), công dân nam đủ 17 tuổi phải đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu và kiểm tra sức khoẻ.

Kiểm tra sức khoẻ để kiểm tra thể lực, phát hiện những bệnh tật và hướng dẫn công dân phòng bệnh, chữa bệnh để giữ vững và nâng cao sức khoẻ chuẩn bị cho việc nhập ngũ. Khám sức khoẻ nhằm tuyển chọn những công dân đủ tiêu chuẩn vào phục vụ tại ngũ. Học sinh phải có mặt đúng thời gian, địa điểm theo quy định trong giấy báo gọi khám sức khoẻ. Trong khi kiểm tra hoặc khám sức khoẻ phải thực hiện đầy đủ các quy định ở phòng khám.

c) Chấp hành nghiêm lệnh gọi nhập ngũ

Công dân được gọi nhập ngũ phải có mặt đúng thời gian và địa điểm ghi trong lệnh gọi nhập ngũ, nếu không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ thì sẽ bị xử lí kỉ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày nội dung cơ bản của Luật Nghĩa vụ quân sự hiện hành ?
2. Trách nhiệm của học sinh trong việc chấp hành Luật Nghĩa vụ quân sự như thế nào ?

Bài 3

XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa cần phải có sức mạnh tổng hợp. Một trong những yếu tố tạo nên sức mạnh tổng hợp là phải có được nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh. Điều đó chỉ có được khi mọi công dân, mọi tổ chức, mọi lực lượng, mọi cấp, mọi ngành ý thức đầy đủ được nghĩa vụ, trách nhiệm đối với việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Từ đó, vận dụng vào thực hiện tốt trách nhiệm của mình trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm, quan điểm, nội dung, biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

– Xây dựng ý thức trách nhiệm, tự giác tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II - NỘI DUNG

1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

a) Vị trí

– Một số khái niệm

+ Quốc phòng toàn dân là nền quốc phòng mang tính chất "vì dân, do dân, của dân", phát triển theo phương hướng toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng hiện đại, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí, điều hành của Nhà nước, do nhân dân làm chủ, nhằm giữ vững hoà bình, ổn định của đất nước, sẵn sàng đánh bại mọi hành động xâm lược và bạo loạn lật đổ của các thế lực đế quốc, phản động ; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa."⁽¹⁾

⁽¹⁾ Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự, *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội. 2004, tr. 848.

+ "Nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh quốc phòng của đất nước được xây dựng trên nền tảng nhân lực, vật lực, tinh thần mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường"⁽¹⁾.

+ An ninh nhân dân :

• "Là sự nghiệp của toàn dân, do nhân dân tiến hành, lực lượng an ninh nhân dân làm nòng cốt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lí của Nhà nước. Kết hợp phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng chuyên trách, nhằm đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, cùng với quốc phòng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

• Bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam có vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia. An ninh quốc gia có nhiệm vụ : đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, chính quyền, các lực lượng vũ trang và nhân dân"⁽²⁾.

+ Nền an ninh là sức mạnh về tinh thần, vật chất, sự đoàn kết và truyền thống dựng nước, giữ nước của toàn dân tộc được huy động vào sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh nhân dân làm nòng cốt.

– *Vị trí*

Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân vững mạnh là tạo ra sức mạnh để ngăn ngừa, đẩy lùi, đánh bại mọi âm mưu, hành động xâm hại đến mục tiêu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đảng ta đã khẳng định : "Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không một chút lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi trọng quốc phòng – an ninh, coi đó là nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ"⁽³⁾.

b) Đặc trưng

Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân của ta có những đặc trưng :

– *Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân chỉ có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng*

⁽¹⁾ Luật Quốc phòng, Điều 3, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.

⁽²⁾ Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự. Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr. 26.

⁽³⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 39.

Đặc trưng thể hiện sự khác nhau về bản chất trong xây dựng nền quốc phòng, an ninh của những quốc gia có độc lập chủ quyền đi theo con đường xã hội chủ nghĩa với các nước khác. Chúng ta xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân vững mạnh là để tự vệ, chống lại thù trong, giặc ngoài, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân.

– Đó là nền quốc phòng, an ninh vì dân, của dân và do toàn thể nhân dân tiến hành

Đặc trưng vì dân, của dân, do dân của nền quốc phòng, an ninh nước ta là thể hiện truyền thống, kinh nghiệm của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Đặc trưng vì dân, của dân, do dân và mục đích tự vệ của nền quốc phòng, an ninh cho phép ta huy động mọi người, mọi tổ chức, mọi lực lượng để thực hiện xây dựng nền quốc phòng, an ninh. Nền quốc phòng, an ninh luôn xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân, là đặc trưng trong đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

– Đó là nền quốc phòng, an ninh có sức mạnh tổng hợp do nhiều yếu tố tạo thành

Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng, an ninh nước ta tạo thành bởi rất nhiều yếu tố như chính trị, kinh tế, văn hoá, tư tưởng, khoa học, quân sự, an ninh,... cả ở trong nước, ngoài nước, của dân tộc và của thời đại, trong đó những yếu tố bên trong của dân tộc bao giờ cũng giữ vai trò quyết định. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là cơ sở, tiền đề và là biện pháp để nhân dân đánh thắng kẻ thù xâm lược.

– Nền quốc phòng, an ninh nhân dân được xây dựng toàn diện và từng bước hiện đại

Việc tạo ra sức mạnh quốc phòng, an ninh không chỉ ở sức mạnh quân sự, an ninh mà phải huy động được sức mạnh của toàn dân về mọi mặt chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hoá, khoa học. Phải kết hợp hữu cơ giữa quốc phòng, an ninh với các mặt hoạt động xây dựng đất nước, kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại.

Xây dựng nền quốc phòng, an ninh toàn diện phải đi đôi với xây dựng nền quốc phòng, an ninh hiện đại là một tất yếu khách quan. Xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân từng bước hiện đại. Kết hợp giữa xây dựng con người có giác ngộ chính trị, có tri thức với vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại. Phát triển công nghiệp quốc phòng, từng bước trang bị hiện đại cho các

lực lượng vũ trang nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh.

– Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân

Nền quốc phòng và nền an ninh nhân dân của chúng ta đều được xây dựng nhằm mục đích tự vệ, đều phải chống thù trong, giặc ngoài để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Giữa nền quốc phòng toàn dân với nền an ninh nhân dân chỉ khác nhau về phương thức tổ chức lực lượng, hoạt động cụ thể, theo mục tiêu cụ thể được phân công mà thôi. Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng và an ninh phải thường xuyên và tiến hành đồng bộ, thống nhất từ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch xây dựng, hoạt động của cả nước cũng như từng vùng, miền, địa phương, mọi ngành, mọi cấp.

2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

a) Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay

– Tạo sức mạnh tổng hợp của đất nước cả về chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, công nghệ để giữ vững hoà bình, ổn định, đẩy lùi, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô.

– Tạo thế chủ động cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa ; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước ; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc ; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hoá, xã hội ; giữ vững ổn định chính trị, môi trường hoà bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay

– Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Lực lượng quốc phòng, an ninh là những con người, tổ chức và những cơ sở vật chất, tài chính đảm bảo cho các hoạt động đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh. Từ đặc trưng của nền quốc phòng, an ninh ở nước ta thì lực lượng quốc phòng, an ninh của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân bao gồm lực lượng toàn dân (lực lượng chính trị) và lực lượng vũ trang nhân dân.

Lực lượng chính trị bao gồm các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị – xã hội và những tổ chức khác trong đời sống xã hội đã được phép thành lập và quần chúng nhân dân. Lực lượng vũ trang nhân dân bao gồm quân đội nhân dân, dân quân tự vệ, công an nhân dân.

– Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh là xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

c) Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh

Tiềm lực quốc phòng, an ninh là khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tiềm lực quốc phòng, an ninh được thể hiện ở trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng tập trung ở tiềm lực chính trị, tinh thần ; tiềm lực kinh tế ; tiềm lực khoa học, công nghệ ; tiềm lực quân sự, an ninh. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh là tập trung xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần ; tiềm lực kinh tế ; tiềm lực khoa học, công nghệ và xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh.

– Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần

+ Tiềm lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về chính trị, tinh thần có thể huy động tạo nên sức mạnh để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tiềm lực chính trị, tinh thần được biểu hiện ở năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước ; ý chí, quyết tâm của nhân dân, của các lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, tình huống. Tiềm lực chính trị tinh thần là nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng, an ninh, có tác động to lớn đến hiệu quả xây dựng và sử dụng các tiềm lực khác, là cơ sở, nền tảng của tiềm lực quân sự, an ninh.

+ Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân cần tập trung : Xây dựng tình yêu quê hương đất nước, niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, đối với chế độ xã hội chủ nghĩa. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ; nâng cao cảnh giác cách mạng ; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt giáo dục quốc phòng, an ninh.

– Xây dựng tiềm lực kinh tế

+ Tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về kinh tế của đất nước có thể khai thác, huy động nhằm phục vụ cho quốc phòng, an ninh. Tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh

nhân dân được biểu hiện ở nhân lực, vật lực, tài lực của quốc gia có thể huy động cho quốc phòng, an ninh và tính cơ động của nền kinh tế đất nước trong mọi điều kiện hoàn cảnh. Tiềm lực kinh tế tạo sức mạnh vật chất cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, là cơ sở vật chất của các tiềm lực khác.

+ Xây dựng tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là tạo nên khả năng về kinh tế của đất nước. Do đó, cần tập trung vào : đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh ; phát triển công nghiệp quốc phòng, trang bị kĩ thuật hiện đại cho quân đội và công an. Kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với cơ sở hạ tầng quốc phòng ; không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các lực lượng vũ trang nhân dân. Có kế hoạch chuyển sản xuất từ thời bình sang thời chiến và duy trì sự phát triển của nền kinh tế.

– *Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ*

+ Tiềm lực khoa học, công nghệ của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là khả năng về khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội – nhân văn) và công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy động để phục vụ cho quốc phòng, an ninh. Tiềm lực khoa học, công nghệ được biểu hiện ở : Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật, cơ sở vật chất kĩ thuật có thể huy động phục vụ cho quốc phòng, an ninh và năng lực ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học có thể đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh...

+ Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là tạo nên khả năng về khoa học, công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy động phục vụ cho quốc phòng, an ninh. Do đó, phải huy động tổng lực các khoa học, công nghệ quốc gia, trong đó khoa học quân sự, an ninh làm nòng cốt để nghiên cứu các vấn đề về quân sự, an ninh, về sửa chữa, cải tiến, sản xuất các loại vũ khí trang bị. Đồng thời phải thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học, kĩ thuật.

– *Xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh*

+ Tiềm lực quân sự, an ninh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về vật chất và tinh thần có thể huy động tạo thành sức mạnh phục vụ cho nhiệm vụ quân sự an ninh, cho chiến tranh.

Tiềm lực quân sự, an ninh được biểu hiện ở khả năng duy trì và không ngừng phát triển trình độ sẵn sàng chiến đấu, năng lực và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân ; nguồn dự trữ về sức người, sức của

trên các lĩnh vực đời sống xã hội và nhân dân có thể huy động phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, an ninh, cho chiến tranh. Tiềm lực quân sự, an ninh là nhân tố cơ bản, là biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh quân sự, an ninh của nhà nước giữ vai trò nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

+ Tiềm lực quân sự, an ninh được xây dựng trên nền tảng của các tiềm lực chính trị tinh thần, kinh tế, khoa học công nghệ. Do đó, xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh, cần tập trung vào : Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh toàn diện. Gắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với quá trình tăng cường vũ khí trang bị cho các lực lượng vũ trang nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ trong lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Bố trí lực lượng luôn đáp ứng yêu cầu của đất nước về mọi mặt, sẵn sàng động viên thời chiến. Tăng cường nghiên cứu khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc hiện nay và nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh.

d) Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc

– Thể trận quốc phòng, an ninh là sự tổ chức, bố trí lực lượng, tiềm lực mọi mặt của đất nước và của toàn dân trên toàn bộ lãnh thổ theo yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

– Nội dung xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân gồm : Phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh kết hợp với vùng kinh tế trên cơ sở quy hoạch các vùng dân cư theo nguyên tắc bảo vệ đi đôi với xây dựng đất nước. Xây dựng hậu phương, tạo chỗ dựa vững chắc cho thể trận quốc phòng, an ninh. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) tạo nền tảng của thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Triển khai các lực lượng trong thể trận ; tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp cải tạo địa hình với xây dựng hạ tầng và các công trình quốc phòng, an ninh.

3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay

a) Thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục quốc phòng – an ninh

Thực hiện Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị và Nghị định 116/2007/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ. Nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh phải toàn diện, coi trọng giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, chế độ xã hội chủ nghĩa ; nghĩa vụ công dân đối với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ; âm mưu, thủ đoạn của địch ; đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh. Làm cho mọi người, mọi tổ chức biết tự bảo vệ trước sự chống phá của các

thế lực thù địch. Phải vận dụng nhiều hình thức, phương pháp giáo dục tuyên truyền để nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh.

b) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Cụ thể hoá các nội dung lãnh đạo về quốc phòng, an ninh và bổ sung cơ chế hoạt động của từng cấp, từng ngành, từng địa phương, đặc biệt chú trọng khi xử trí các tình huống phức tạp. Điều chỉnh cơ cấu quản lý Nhà nước về quốc phòng, an ninh của bộ máy Nhà nước các cấp từ Trung ương đến cơ sở. Tổ chức phân công cán bộ chuyên trách để phát huy vai trò làm tham mưu trong tổ chức, thực hiện công tác quốc phòng, an ninh. Chấp hành nghiêm Quy chế 107/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phối hợp quân đội với công an và Nghị quyết 51-NQ/TW của Bộ Chính trị về việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với chế độ chính uỷ, chính trị viên trong quân đội nhân dân Việt Nam.

c) Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho học sinh trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là trách nhiệm của toàn dân. Mọi công dân, mọi tổ chức, lực lượng đều phải tham gia theo phạm vi và khả năng của mình. Đối với học sinh, phải tích cực học tập nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt, nắm vững kiến thức quốc phòng, an ninh, nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Trên cơ sở đó, tự giác, tích cực luyện tập các kỹ năng quân sự, an ninh và chủ động tham gia các hoạt động về quốc phòng, an ninh do nhà trường và địa phương triển khai.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
2. Trình bày mục đích, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh. Liên hệ thực tiễn và trách nhiệm của bản thân ?

Bài 4

TÁC HẠI CỦA MA TUÝ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH TRONG PHÒNG, CHỐNG MA TUÝ

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Giúp cho học sinh có hiểu biết cơ bản về các chất ma túy và tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và cuộc sống cộng đồng để có ý thức tự phòng, tránh ; có ý thức cảnh giác, phát hiện và tố giác tội phạm.

– Mỗi học sinh phải tự liên hệ với bản thân ; tự điều chỉnh hành vi, lối sống của mình cho phù hợp với yêu cầu của pháp luật và đạo đức xã hội ; có ý thức phòng, chống ma túy, phát hiện tố giác tội phạm ma túy.

II - NỘI DUNG

1. Hiểu biết cơ bản về ma túy

a) Khái niệm chất ma túy

Có nhiều quan điểm khác nhau về ma túy

Theo Từ điển tiếng Việt : "*Ma túy là tên gọi chung cho tất cả các chất có tác dụng gây trạng thái ngây ngất, dờ dẩn, dùng quen thành nghiện*".

Theo quan điểm của Tổ chức y tế Thế giới (WHO) : Ma túy là bất cứ chất nào khi đưa vào cơ thể con người có tác dụng làm thay đổi một số chức năng của cơ thể.

Theo quan điểm của Liên Hợp Quốc : Ma túy là những chất có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp, khi xâm nhập vào cơ thể con người có tác dụng làm thay đổi ý thức và trí tuệ, làm cho con người lệ thuộc vào nó.

Bộ Luật Hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 đã xác định rõ : *ma túy bao gồm nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa, cao cô ca ; lá, hoa, quả, cây cần sa ; lá cây cô ca ; quả thuốc phiện khô, quả thuốc phiện tươi, heroine, cocaine ; các chất ma túy khác ở thể lỏng và thể rắn*. Các chất ma túy khác nêu trong các điều luật, đó là những chất ma túy tuy không nêu tên cụ thể nhưng nó được quy định trong Danh mục các chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định 67/2001/NĐ-CP ngày 01/10/2001 và Nghị định 133/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ.

Dựa theo các quy định trên, Luật Phòng chống ma túy của nước ta đã đưa ra khái niệm về chất ma túy như sau :

"Ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần, được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành."

"Chất gây nghiện là chất kích thích, ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng."

"Chất hướng thần là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng".

Nghiên cứu, làm rõ khái niệm chất ma túy với ý nghĩa phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ; giáo trình "Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy – Học viện Cảnh sát nhân dân" đưa ra khái niệm về ma túy như sau :

Chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần, có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp, được quy định trong Danh mục do Chính phủ ban hành, các chất này khi xâm nhập vào cơ thể người sẽ làm thay đổi trạng thái ý thức và sinh lí, có thể dẫn đến nghiện và từ đó gây tác hại về nhiều mặt đối với xã hội.

b) Phân loại các chất ma túy

Hiện nay có rất nhiều cách phân loại các chất ma túy. Tuy nhiên, có một số cách phân loại cơ bản như :

– Phân loại dựa theo nguồn gốc sản xuất ra các chất ma túy

Theo cách phân loại này, người ta dựa vào nguồn gốc của nguyên liệu dùng để sản xuất và nguồn gốc của sản phẩm tạo thành các chất ma túy. Trong phương pháp này người ta chia ra ba nhóm chất ma túy :

Các chất ma túy có nguồn gốc tự nhiên : là các chất ma túy có sẵn trong tự nhiên, là những ancaloit của một số loài thực vật như cây thuốc phiện, cây cô ca, cây cần sa... Điển hình cho các chất ma túy thuộc nhóm này là : nhựa thuốc phiện, thảo mộc cần sa, tinh dầu cần sa,...

Các chất ma túy bán tổng hợp : là các chất ma túy mà một phần nguyên liệu dùng để sản xuất ra chúng được lấy từ tự nhiên. Từ những nguyên liệu này, người ta cho phản ứng với các chất hoá học (tiền chất) để tổng hợp ra chất ma túy mới. Những chất ma túy mới này được gọi là chất ma túy bán tổng hợp, có độc tính cao hơn, có tác dụng tâm lí mạnh mẽ hơn so với chất ma túy ban đầu.

Ví dụ : Lấy morphine (là chất ma túy có nguồn gốc tự nhiên) cho tác dụng với anhydric axêtic (là hoá chất đã được điều chế trong phòng thí nghiệm) sẽ tạo thành heroine là chất ma túy bán tổng hợp.

Các chất ma túy tổng hợp : là các chất ma túy mà nguyên liệu dùng để điều chế và các sản phẩm đều được tổng hợp trong phòng thí nghiệm, như : Amphetamine, metamphetamine...

– *Phân loại dựa theo đặc điểm cấu trúc hoá học của các chất ma túy*

– *Phân loại dựa theo mức độ gây nghiện và khả năng bị lạm dụng*

Theo phương pháp phân loại này, người ta chia các chất ma túy ra làm 2 nhóm cơ bản :

+ Nhóm các chất ma túy có hiệu lực cao : là những chất ma túy có độc tính cao, hoạt tính sinh học mạnh, gây nhiều nguy hiểm cho người sử dụng như : heroine, cocaine, ecstasy...

+ Nhóm các chất ma túy có hiệu lực thấp : là những chất ma túy có độc tính thấp hơn, mức độ hoạt tính sinh học của chúng cũng thấp, thường là những chất an thần như : diazepam, clordiazepam...

– *Phân loại các chất ma túy dựa vào tác dụng của nó đối với tâm, sinh lý người sử dụng*

Theo cách phân loại này các chất ma túy được chia ra các nhóm sau :

Nhóm các chất ma túy an thần : Các chất ma túy thuộc nhóm này, sau khi được đưa vào cơ thể khoảng từ 5 đến 10 phút thì người sử dụng nó có cảm giác bồng bênh trôi nổi, êm dịu, bị đánh lừa bởi cảm giác êm dịu đó, thấy mình như trong các cuộc du ngoạn ngắn, hết mệt mỏi, nhọc nhằn... Nhưng sau khoảng 6–18 giờ khi các chất ma túy hết tác dụng, đối với người nghiện nếu không tiếp tục đưa thêm ma túy vào cơ thể thì họ trở nên vật vã, hoa mắt, đổ mồ hôi, sùi bọt mép, có cảm giác đòi bỏ trong xương, nổi da gà, đau mỗi cơ bắp, mất ngủ, ngáp vặt, thèm muốn chất ma túy không thể cưỡng lại được. Điển hình trong nhóm này có thuốc phiện, các chế phẩm từ thuốc phiện và một số chất ma túy tổng hợp khác có cùng công thức.

Nhóm các chất ma túy gây kích thích : Các chất ma túy thuộc nhóm này sau khi đưa vào cơ thể từ 10 đến 15 phút, sẽ có tác dụng gây kích thích thần kinh, gây hưng phấn ; người sử dụng bị đánh lừa bởi các cảm giác hoạt bát, tự tin và không cảm thấy đói, mệt. Nếu dùng liều cao gây nên cảm giác giả tạo về sức mạnh và ảo tưởng, đây chính là hậu quả đối với người sử dụng các chất kích thích. Điển hình cho các chất ma túy thuộc nhóm này là : cocaine, crack, amphetamine, methamphetamine, dexamphetamine,...

Nhóm các chất ma túy gây ảo giác : Bao gồm nhiều loại chất có nguồn gốc và có cấu tạo hoá học khác nhau. Có loại là sản phẩm tự nhiên, có loại là sản phẩm tổng hợp toàn phần. Khi được đưa vào cơ thể các chất gây ảo giác tác động lên hệ thần kinh trung ương, gây nên những thay đổi trong thái độ và nhận thức, từ ảo ảnh đến ảo giác, còn được gọi là hiện tượng loạn tâm thần. Người sử dụng các chất này (người nghiện) mất đi những tiếp xúc với thực tế, có những cơn hoang tưởng giống như bệnh nhân mắc bệnh tâm thần thể hoang tưởng. Người nghiện bị cảm giác giả tạo về sức khỏe, về vị trí trong xã hội, có những hành động bạo lực...

Ví dụ : Họ có thể nhảy từ trên tầng cao của nhà cao tầng xuống đất hoặc tự lao đầu vào đoàn tàu đang chạy nhưng không có cảm giác sợ. Đây chính là hậu quả rất nguy hiểm đối với người sử dụng loại ma túy gây ảo giác. Điển hình cho nhóm ma túy này là : lysergide (LSD), các sản phẩm của cần sa, mescaline, phencyclidin...

c) Các chất ma túy thường gặp

– Các chất ma túy trong nhóm an thần

+ Thuốc phiện :

Theo phân loại của phòng thí nghiệm ma túy của Liên Hợp Quốc thì thuốc phiện có các dạng sau :

- Thuốc phiện sống (còn gọi là thuốc phiện tươi) : là nhựa thuốc phiện đông đặc, màu đen sẫm, không tan trong nước, được lấy từ vỏ quả thuốc phiện, chưa qua một quá trình chế biến nào nên còn gọi là thuốc phiện thô.
- Thuốc phiện chín (còn gọi là thuốc phiện khô) : là thuốc phiện đã được bào chế từ thuốc phiện sống, bằng phương pháp sấy khô. Thuốc phiện khô được sử dụng chủ yếu ở các nước Đông Nam Á dùng để hút và sử dụng điều chế ra morphine và heroine.
- Xái thuốc phiện : là phần sản phẩm cháy còn lại trong tẩu sau khi thuốc phiện đã được hút.
- Thuốc phiện y tế (còn gọi là thuốc phiện bột) : được chiết xuất và sấy khô trong điều kiện nhiệt độ ổn định, thường có hàm lượng morphine từ 9,5 – 10,5%.

Các đối tượng sản xuất thuốc phiện thường đóng thành những gói nhỏ (quả thuốc phiện) để cất giấu, vận chuyển, mua bán hoặc được chia nhỏ thành chỉ, bị để hút hoặc chung cất để có được dung dịch thuốc phiện cho người nghiện tiêm chích.

Hậu quả của việc sử dụng thuốc phiện là tạo ra cảm giác êm dịu, mê mẩn kéo dài từ 3 đến 6 giờ. Khi đã nghiện thuốc phiện thì suy sụp về sức khoẻ, da xám dần, không muốn ăn, ăn không ngon, tiêu hoá kém, người gầy yếu, hốc hác, sợ nước, sợ rượu, đi đứng không vững, thân hình tiêu tụy. Người nghiện có thể chết do suy tim mạch và kiệt sức.

+ *Morphine* :

Morphine là một ancaloit chính của nhựa thuốc phiện. Trong điều kiện bình thường morphine kết tinh dạng bột tinh thể màu trắng, không mùi, có vị đắng.

Người nghiện sử dụng morphine nhiều lần thì morphine sẽ tích lũy ở các tế bào sừng như : tóc, móng tay, móng chân. Nếu sử dụng morphine quá liều sẽ dẫn tới bị ngộ độc.

Trên thị trường, morphine thường tồn tại ở dạng bột, viên nén hoặc ống tiêm, phổ biến là dạng ống (morphine tiêm).

+ *Heroine* :

Bình thường heroine tinh khiết tồn tại ở dạng tinh thể màu trắng, nếu có lẫn tạp chất thì có các màu sắc khác nhau, từ màu trắng đến màu xám, không mùi, có vị đắng.

Heroine có tác dụng giảm đau mạnh, nhưng độc hơn và gây nguy hiểm nhiều hơn so với morphine. Heroine là một trong những chất ma túy nguy hiểm và phổ biến nhất hiện nay.

Trên thị trường buôn bán bất hợp pháp, heroine thường được đóng thành bánh có trọng lượng khoảng 330g–350g, in hình nổi 3 số 9 (999), hình con sư tử châu quả cầu trên vỏ ni lon bọc ngoài. Các đối tượng buôn bán nhỏ, lẻ thường chia heroine thành những gói nhỏ (liều, tép) để bán cho người nghiện sử dụng.

+ *Các chất ma túy tổng hợp toàn phần trong nhóm có thể thay thế morphine, heroine và các opiat khác : methadon, pethidine, phenazocine, diazepam, dolagan...*

– *Nhóm các chất ma túy gây kích thích*

Các chất kích thích hệ thần kinh trung ương còn gọi là các chất "doping". Đây là những chất độc mạnh thuộc bảng A, rất nguy hiểm và khả năng gây nghiện cao. Phổ biến là các loại ma túy tổng hợp MDMA, ESTASY như :

+ *Amphetamine* : Có nhiều dạng với kích thước, màu sắc, kí hiệu khác nhau, ta thường gặp ở dạng bột, viên con nhộng, viên nén, dạng ống thuốc tiêm.

+ *Methamphetamine* : Methamphetamin tồn tại ở dạng bột kết tinh màu trắng, dễ tan trong nước, khó tan trong dung môi hữu cơ. Đây là chất ma túy rất nguy hiểm, khi sử dụng con người luôn có xu hướng hành động mang tính bạo lực, hay còn gọi là "ma túy bạo lực", ta thường gặp ở dạng viên nén, viên con nhộng, dạng thuốc tiêm hay dạng bột.

Amphetamine và methamphetamine là những chất ma túy mà các đối tượng đang chú ý khai thác để vận chuyển, mua bán và tổ chức sử dụng tại các vũ trường, nhà hàng, nhà nghỉ, quán cà phê giải khát, quán karaoke... Đối tượng sử dụng loại ma túy này chủ yếu là thanh, thiếu niên (ham chơi đua đòi, sống thực dụng, tha hoá về nhân cách), trong đó có cả học sinh rèn luyện kém hoặc bị dụ dỗ, lôi kéo.

– *Các chất ma túy trong nhóm gây ảo giác*

+ *Cần sa và các sản phẩm của nó*

Cây cần sa có tên khoa học là : *Cannabis – Sativa L.*, còn có các tên gọi khác như : cây gai dầu, cây lanh mèo, cây gai mèo, cây đại ma, cây lanh mán, cây hỏa ma, cây bồ đà...

Sản phẩm của cây cần sa bao gồm :

+ *Thảo mộc cần sa* : Gồm lá, hoa và quả cần sa. Những người sản xuất cần sa thu hoạch ba bộ phận trên của cây cần sa đem phơi khô, ép thành từng bánh giống bánh thuốc Lào, rồi đưa ra bán ở thị trường hoặc nghiền nhỏ cuộn thành điếu giống điếu thuốc lá, mỗi điếu nặng từ 2 – 4g rồi mang bán cho người nghiện để hút. Nhiều người còn dùng cần sa thảo mộc để pha nước uống hoặc luộc cần sa thảo mộc tươi để ăn.

+ *Nhựa cần sa* : Nhựa cần sa được chiết xuất từ tất cả các bộ phận của cây cần sa bao gồm : lá, rễ, thân, vỏ, hoa, quả đều chiết xuất trên máy ép. Nhựa cần sa thu được có màu đen sẫm giống như thuốc phiện. Nhựa cần sa thường có nồng độ các chất gây nghiện cao gấp 8 – 10 lần so với cần sa thảo mộc. Nhựa cần sa được đưa vào khuôn, đóng thành từng bánh, đóng nhãn hiệu rồi đưa ra thị trường tiêu thụ.

+ *Tinh dầu cần sa* : Tinh dầu cần sa có màu hơi tối và mùi hắc, được chiết xuất từ cần sa thảo mộc hoặc nhựa cần sa. Nồng độ các chất gây nghiện trong tinh dầu cần sa rất cao. Tinh dầu cần sa có độc tính gấp 3 – 4 lần so với nhựa cần sa.

Hiện nay, cần sa là một trong những chất ma túy được sử dụng phổ biến. Tác dụng nguy hiểm nhất của cần sa là gây ảo giác, làm cho người

sử dụng có nhận thức và hành động sai lệch. Tùy thuộc vào thần kinh của từng người nghiện mà cần sa có những tác động gây ảo giác khác nhau.

+ *Lysergide (LSD)* : LSD tồn tại dưới dạng bột tinh thể màu trắng, là một trong các loại ma túy gây ảo giác mạnh nhất. LSD là một chất bán tổng hợp và rất nguy hiểm. Chỉ cần dùng 1 liều từ 20 – 50 microgam là đủ gây ra những hoang tưởng.

2. Tác hại của tệ nạn ma túy

Khoản 8, Điều 2, Luật Phòng chống ma túy năm 2000 của nước ta ghi rõ : Tệ nạn ma túy bao gồm tình trạng nghiện ma túy, tội phạm về ma túy và các hành vi trái phép khác liên quan đến ma túy. Như vậy, nói đến tác hại của tệ nạn ma túy được hiểu là tác hại do tình trạng nghiện ma túy, tội phạm về ma túy và các hành vi khác liên quan đến ma túy gây ra đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cụ thể là :

a) Tác hại của ma túy đối với bản thân người sử dụng

– Gây tổn hại về sức khoẻ

Ma túy được sử dụng dưới nhiều hình thức khác nhau như : Hút thuốc phiện, cần sa ; hút heroine, tiêm chích morphine, heroine, dùng dịch thuốc phiện ; uống, ngâm các loại ma túy tổng hợp...

Như vậy, ma túy được đưa vào cơ thể theo đường tiêu hoá, đường hô hấp, đường máu – tuần hoàn hoặc thẩm thấu qua da, niêm mạc và gây tổn hại trực tiếp cho các cơ quan này.

+ Hệ tiêu hoá : Người nghiện luôn có cảm giác no, vì vậy họ không muốn ăn, tiết dịch của hệ tiêu hoá giảm, họ thường có cảm giác buồn nôn, đau bụng, đại tiện lúc lỏng, lúc táo bón.

+ Hệ hô hấp : Những đối tượng hít ma túy thường bị viêm mũi, viêm xoang, viêm đường hô hấp trên và dưới.

+ Hệ tuần hoàn : Người nghiện thường bị loạn nhịp, huyết áp tăng giảm đột ngột, mạch máu bị xơ cứng đặc biệt là hệ mạch não làm ảnh hưởng đến hoạt động của bộ não. Do việc tiêm chích thường không vô trùng nên dễ dẫn đến nhiễm trùng máu, viêm tắc tĩnh mạch, thường gặp viêm tắc tĩnh mạch hai chi dưới. Có trường hợp viêm tắc tĩnh mạch quá nặng, thầy thuốc phải cưa chân người bệnh để cứu tính mạng hoặc sau khi khỏi sẽ để lại di chứng teo cơ vĩnh viễn.

+ Các bệnh về da : Người nghiện ma túy bị rối loạn cảm giác da nên không cảm thấy bẩn, sợ nước, vì vậy họ rất ngại tắm rửa, đây là điều kiện thuận lợi cho các bệnh về da phát triển như ghẻ lở, hắc lào, viêm da...

Các chất ma túy khi được đưa vào cơ thể cùng với những tác dụng của nó thì đều gây hại nghiêm trọng đối với cơ thể con người. Ma túy chính là nguyên nhân phát sinh nhiều loại bệnh tật huỷ hoại sức khoẻ của người nghiện. Tuy nhiên các chất này tác động và gây hại đối với sức khoẻ như thế nào và ở mức độ nào còn phụ thuộc vào một số yếu tố như :

Chất ma túy sử dụng : Như loại ma túy nào (cocaine, cần sa, heroine, ma túy tổng hợp), độ tinh khiết ; mức độ nguyên chất hoặc pha tạp ; số lượng và chất lượng.

Lượng ma túy sử dụng : Ma túy được sử dụng với liều càng cao thì gây hậu quả càng lớn đối với sức khoẻ của người sử dụng. Đối với người nghiện ma túy việc sử dụng quá liều còn có thể gây sốc thuốc dẫn đến tử vong.

Tần số sử dụng càng cao, mức gây hậu quả càng lớn. Việc sử dụng kết hợp các chất ma túy với rượu hoặc với các chất ma túy khác nhằm mục đích tăng tác dụng của ma túy có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với sức khoẻ (ví dụ : Sử dụng heroine kết hợp với các loại chất khác hoặc loại ma túy khác như rượu, benzodiazepines, cần sa) rất dễ gây sốc thuốc.

Việc sử dụng ma túy theo những con đường khác nhau cũng gây ra những hậu quả khác nhau. Tuy nhiên việc sử dụng ma túy theo đường tiêm chích thường gây hậu quả nghiêm trọng hơn, vì sử dụng ma túy bằng hình thức tiêm chích dễ gây viêm tắc tĩnh mạch, nhiễm trùng máu do dụng cụ bơm kim tiêm không sạch. Việc sử dụng chung bơm kim tiêm để tiêm chích ma túy là nguyên nhân chính làm lây lan một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như HIV/AIDS và viêm gan B.

+ **Làm suy giảm chức năng thải độc :** Trong cơ thể gan, thận là cơ quan chủ yếu đào thải các chất độc. Khi nghiện ma túy nhất là heroine, hai cơ quan này suy yếu ảnh hưởng đến chức năng thải độc làm các chất độc tích tụ trong cơ thể, càng làm cho gan, thận và toàn cơ thể suy yếu, thường người nghiện hay bị các bệnh như : áp xe gan, viêm gan, suy gan, suy thận... dẫn đến tử vong.

+ **Đối với hệ thần kinh :** Khi đưa ma túy vào cơ thể, ma túy sẽ tác động trực tiếp lên hệ thần kinh trung ương, gây nên tình trạng kích thích hoặc ức chế từng phần ở bán cầu đại não. Người nghiện nặng có biểu hiện rối loạn phản xạ thần kinh, đau đầu, chóng mặt, trí nhớ giảm sút, viêm dây thần kinh, rối loạn cảm giác, run chân, tay, chậm chạp, u sầu, ngại vận động, dễ bị kích động dẫn tới tội ác, nếu dùng liều cao có thể bị ngộ độc cấp, biểu hiện rối loạn tâm thần nặng, hôn mê.

+ Nghiện ma túy dẫn đến tình trạng suy nhược toàn thân, suy giảm sức lao động.

Nghiện ma túy dẫn đến tình trạng nhiễm độc ma túy mãn tính, suy nhược toàn thân, người gầy gò, xanh xao, mắt trắng, môi thâm, nước da tái xám, đáng đi xiêu vẹo, cơ thể gầy đét do suy kiệt hoặc phù nề do thiếu dinh dưỡng, rối loạn nhịp sinh học, thức đêm ngủ ngày, sức khỏe giảm sút rõ rệt.

Người nghiện ma túy bị suy giảm hoặc mất khả năng lao động và khả năng tập trung trí óc. Trường hợp sử dụng ma túy quá liều có thể bị chết đột ngột.

– *Gây tổn hại về tinh thần* : Các công trình nghiên cứu về người nghiện ma túy khẳng định rằng, nghiện ma túy gây ra một loại bệnh tâm thần đặc biệt. Người nghiện thường có hội chứng quên, hội chứng loạn thần kinh sớm (ảo giác, hoang tưởng, kích động...) và hội chứng loạn thần kinh muộn (các rối loạn về nhận thức, cảm xúc, về tâm tính, các biến đổi về nhân cách đặc trưng cho người nghiện ma túy). Ở trạng thái loạn thần kinh sớm, người nghiện ma túy có thể có những hành vi nguy hiểm cho bản thân và người xung quanh.

Ví dụ : LSD một chất gây ảo giác mạnh, khi sử dụng con người có ảo giác khác thường dẫn đến những trường hợp nhảy từ nhà cao tầng xuống, lao người vào đoàn tàu... Hay việc sử dụng các loại ma túy gây kích thích mạnh như cocain, amphetamin... sẽ tác động lên người sử dụng, gây ra những sai lệch về nhận thức dẫn đến những hành vi cuồng loạn như hò hét, nhảy nhót thâu đêm, cướp của giết người, thậm chí tự sát...

Ở trạng thái loạn thần kinh muộn, người nghiện ma túy bị méo mó về nhân cách tạo nên sự ích kỷ, sự đòi hỏi hưởng thụ, mất dần tính cách, trách nhiệm của cá nhân trong đời sống. Họ dần trở thành những con người liều lĩnh và tàn nhẫn.

– *Gây tổn hại về kinh tế* : Sử dụng ma túy tiêu tốn nhiều tiền bạc. Khi đã nghiện, người nghiện luôn có xu hướng tăng liều lượng dùng, chi phí về tiền của ngày càng lớn, dẫn đến họ bị khánh kiệt về kinh tế.

– *Về nhân cách* : Sử dụng ma túy làm cho người nghiện thay đổi trạng thái tâm lý, sa sút về tinh thần. Họ thường xa lánh nếp sống, sinh hoạt lành mạnh, xa lánh người thân, bạn bè tốt. Khi đã lệ thuộc vào ma túy thì nhu cầu cao nhất đối với người nghiện là ma túy, họ dễ dàng bỏ qua những nhu cầu

khác trong cuộc sống đời thường. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu bức bách về ma túy của bản thân, họ có thể làm bất cứ việc gì kể cả trộm cắp, lừa đảo, cướp giật, thậm chí giết người, miễn là có tiền mua ma túy để thỏa mãn cơn nghiện. Hành vi, lối sống của họ bị sai lệch so với chuẩn mực đạo đức của xã hội và luật pháp. Họ là những người bị tha hoá về nhân cách.

b) Gây tổn hại về kinh tế, tình cảm, hạnh phúc gia đình

Nghiện ma túy làm tiêu tốn tài sản, đây cũng là một hậu quả dễ nhận thấy nhất đối với những gia đình có người nghiện ma túy. Thiệt hại về kinh tế do sử dụng ma túy là một trong những nguyên nhân làm đổ vỡ mối quan hệ tốt đẹp giữa những người trong gia đình với người nghiện. Mặt khác người nghiện lại có xu hướng sống "thu mình" ngại tiếp xúc, lẩn tránh với người thân. Do quá trình sử dụng ma túy làm cho người nghiện thay đổi tính cách, như hay gây gổ, cáu gắt, lừa dối, trộm cắp... đến một lúc nào đó, bản thân họ không còn hoà hợp với những người trong gia đình. Khi lên cơn nghiện thì người nghiện thường mất hết lí trí, không còn điều khiển được hành vi của mình, họ xoay xở và tìm mọi cách để có tiền mua chất ma túy nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Khi không có khả năng đáp ứng những đòi hỏi đó, người nghiện trở nên liều lĩnh, hung bạo có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng như : hành hạ người thân, cha mẹ, vợ (chồng) con, anh (chị) em, đập phá tài sản gia đình... Từ đó dẫn đến hạnh phúc gia đình bị tan vỡ và ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống cộng đồng.

c) Tác hại của tệ nạn ma túy đối với nền kinh tế

Sự lạm dụng các chất ma túy đã làm mất đi các giá trị tổng hoà của cuộc sống cộng đồng. Việc duy trì các dịch vụ có liên quan đến ma túy vừa tốn kém vừa tiêu phí nguồn nhân lực quý giá cần thiết cho các nhu cầu và các mối quan tâm khác của xã hội. "Ma túy cùng với các tệ nạn xã hội khác đã và đang là một hiểm họa vô cùng to lớn và bức xúc đối với cả nhân loại. Chúng hủy hoại và làm xói mòn những nỗ lực và thành quả mà chúng ta đạt được trong sự nghiệp vì hạnh phúc và phồn vinh của mỗi con người, mỗi quốc gia và những giá trị cao quý của văn minh nhân loại".⁽¹⁾

⁽¹⁾ Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm phát biểu tại Hội nghị : "Vì một ASEAN không có ma túy vào năm 2015" tổ chức tại Thái Lan từ ngày 11-13/10/2000 với chủ đề : "Ma túy đã tiếp thêm nhiên liệu cho một phần kinh tế phi pháp và ảnh hưởng đến an sinh xã hội".

Hàng năm nước ta phải chi phí hàng trăm tỉ đồng cho việc xoá bỏ cây thuốc phiện, cho công tác cai nghiện ma túy, công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy. Nếu số tiền đó được đầu tư vào các chương trình phát triển kinh tế, xã hội thì hiệu quả mang lại sẽ rất lớn.

Ngoài những thiệt hại trực tiếp về kinh tế, tệ nạn ma túy còn gây ra những tác động xấu đối với nền kinh tế như :

- Làm suy giảm lực lượng lao động của gia đình và xã hội cả về số lượng và chất lượng ; làm cho thu nhập quốc dân cũng giảm, chi phí cho dự phòng và chăm sóc y tế lại tăng.

- Người nghiện ma túy hầu hết ở trong độ tuổi lao động, vì vậy vấn đề đào tạo cán bộ, công nhân có tay nghề để thay thế họ là một vấn đề khó khăn.

- Đầu tư nước ngoài cũng giảm vì họ ngại đầu tư vào những nước có tỉ lệ người nghiện cao như nước ta.

Theo báo cáo của UNODC thì lợi nhuận thu được từ việc buôn lậu ma túy là vô cùng lớn, lớn hơn bất cứ một ngành kinh tế chủ chốt nào. Với lợi nhuận khổng lồ sau khi đồng tiền đã được tẩy rửa, bọn buôn lậu ma túy đã trở thành mối nguy cơ gây mất ổn định chính trị, làm lũng đoạn và chi phối thị trường tiền tệ các nước.

d) Tác hại của tệ nạn ma túy đối với trật tự an toàn xã hội

Nạn nghiện hút, tiêm chích... ma túy không những trực tiếp hủy hoại sức khoẻ con người, làm khánh kiệt kinh tế của gia đình và xã hội mà còn là nguyên nhân xô đẩy người lương thiện vào con đường phạm tội. Do sử dụng các chất ma túy mà người nghiện không làm chủ được hành vi của mình dẫn đến họ có những hành vi vi phạm đạo đức và pháp luật. Khi đã trở thành nô lệ của ma túy, nhu cầu về tiền bạc đối với người nghiện rất lớn. Trong khi đó khả năng về tài chính của bản thân họ và gia đình không thể đáp ứng, lúc đó họ sẵn sàng làm bất cứ việc gì để có tiền mua ma túy thỏa mãn cơn nghiện, kể cả giết người, cướp của... điều này được minh chứng qua tổng kết thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta thời gian qua cho thấy : số đối tượng nghiện ma túy phạm tội trộm cắp, cướp giật, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm, cướp, cưỡng đoạt... chiếm tỉ lệ khá cao.

Trong số những đối tượng nghiện các chất ma túy, có một số lượng không nhỏ đã tham gia vào việc vận chuyển thuê, bán thuê ma túy cho các đối tượng buôn bán chuyên nghiệp hoặc tự họ tham gia buôn bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy... nhằm thu lợi bất chính, vừa có tiền để duy trì việc hút, hít, tiêm chích ma túy của bản thân.

Hoạt động mua bán, tổ chức sử dụng ma túy trái phép của các đối tượng và sự tụ tập của những người nghiện ở một địa bàn, kéo theo những tệ nạn xã hội và những vi phạm pháp luật khác sẽ gây bất ổn về an ninh trật tự tại địa bàn đó. Thực trạng nói trên đã gây tâm lí hoang mang, lo sợ và bất bình trong quần chúng nhân dân.

Tóm lại : Tệ nạn ma túy đã và đang là hiểm họa của nhân loại, với những hậu quả, tác hại vô cùng lớn đối với người nghiện, gia đình họ và cộng đồng xã hội, điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với mỗi chúng ta và các cơ quan thực thi pháp luật cũng như toàn xã hội cần nỗ lực bằng mọi biện pháp để xoá bỏ tệ nạn này đem lại sự yên bình cho mọi nhà.

3. Nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy và dấu hiệu nhận biết học sinh nghiện ma túy

a) Quá trình và nguyên nhân nghiện ma túy

– Quá trình nghiện ma túy

Từ sử dụng ma túy lần đầu tiên đến trở thành người nghiện ma túy là một quá trình. Quá trình này có thể dài, ngắn và diễn biến khác nhau ở mỗi người nghiện nhưng thường qua một số bước.

Sử dụng lần đầu tiên → thỉnh thoảng sử dụng

→ sử dụng thường xuyên → sử dụng do phụ thuộc

Quá trình này có thể diễn ra theo trình tự từ sử dụng lần đầu tiên → thỉnh thoảng sử dụng → sử dụng thường xuyên → sử dụng do phụ thuộc. Cũng có những trường hợp việc sử dụng lần đầu tiên, sau đó tiến tới việc sử dụng thường xuyên luôn và sử dụng do phụ thuộc. Quá trình này diễn ra nhanh hay chậm còn phụ thuộc vào thái độ của người sử dụng ma túy và mức độ gây nghiện của các chất ma túy và ma túy được sử dụng như thế nào.

Trong quá trình này người nghiện có thể sử dụng nhiều loại ma túy, thay đổi cách thức sử dụng ma túy.

Có thể hình dung quá trình nghiện ma túy của một người như một quá trình trượt dốc. Sử dụng ma túy lần đầu tiên là đã bước một bước xuống dốc. Quay trở lại lúc này còn dễ dàng, nhưng nếu tiếp tục sử dụng thì sẽ nhanh chóng tiến tới việc sử dụng do phụ thuộc. Từ không phụ thuộc vào ma túy đến trở thành phụ thuộc vào ma túy diễn ra rất nhanh chóng và dễ dàng như trượt xuống dốc. Cai nghiện ma túy thì ngược lại như leo lên một dốc thẳng đứng, thậm chí còn khó hơn. Người ta có thể chỉ mất 3 ngày để nghiện ma túy

nhưng có thể phải mất cả cuộc đời để cai nghiện. Càng dần sâu vào ma túy thì hậu quả tác hại gây ra càng lớn.

– Nguyên nhân dẫn đến nghiện các chất ma túy

Như hầu hết các vấn đề xã hội khác việc lạm dụng các chất ma túy hiếm khi chỉ có một nguyên nhân, lí do dẫn đến một cá nhân sử dụng ma túy được thừa nhận là do sự tương tác phức tạp giữa các yếu tố cá nhân, gia đình, hoàn cảnh, môi trường, xã hội.

Thường thì yếu tố xã hội, môi trường, gia đình hoàn cảnh là những yếu tố khách quan dẫn dắt, thúc đẩy một cá nhân đến với ma túy. Tuy nhiên có sử dụng ma túy hay không thì yếu tố cá nhân lại mang tính quyết định.

Từ thực tiễn đấu tranh với tệ nạn ma túy những năm qua, có thể rút ra một số nguyên nhân dẫn đến việc học sinh sử dụng ma túy và tham gia vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy như sau :

+ Nguyên nhân khách quan

- Do ảnh hưởng của mặt trái cơ chế thị trường dẫn đến những tác động đối với lối sống của giới trẻ như : thực dụng, buông thả... một số học sinh không làm chủ được bản thân đã sa vào tệ nạn xã hội, trong đó có tệ nạn ma túy.

- Sự tác động của lối sống thực dụng, văn hoá phẩm độc hại dẫn đến một số em có lối sống chơi bời trác táng tham gia vào các tệ nạn xã hội.

- Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội trong quản lí học sinh ở một số địa phương chưa thực sự có hiệu quả.

- Công tác quản lí địa bàn dân cư ở một số địa phương chưa tốt, nên ở các khu vực xung quanh trường học hoặc tại nơi các em cư trú, sinh sống còn nhiều tụ điểm cờ bạc, mại dâm, ma túy từng ngày từng giờ tác động đến suy nghĩ và hành động của lứa tuổi trẻ, trong đó có học sinh.

- Do một bộ phận các bậc cha mẹ thiếu quan tâm đến việc học tập, sinh hoạt của con, em hoặc do nuông chiều con cái quá mức hay trong gia đình có người lớn tuổi cũng mắc nghiện hoặc có hành vi buôn bán ma túy...

+ Nguyên nhân chủ quan :

- Do thiếu hiểu biết về tác hại của ma túy, nên nhiều em học sinh bị những đối tượng xấu kích động, lôi kéo sử dụng ma túy, tham gia vận chuyển, mua bán ma túy.

- Do muốn thoả mãn tính tò mò của tuổi trẻ, thích thể hiện mình, nhiều em đã chủ động đến với ma túy.

- Do tâm lí đua đòi, hưởng thụ ; nhiều học sinh có lối sống buông thả, dễ bị lôi kéo, sa ngã. Với những học sinh này không chỉ sử dụng ma túy mà còn tham gia vận chuyển, mua bán ma túy nhằm mục đích kiếm tiền để thoả mãn thú vui hưởng lạc.

- Một số trường hợp do hoàn cảnh gia đình bất lợi như : Bố, mẹ li hôn ; gia đình bất hoà, mồ côi cha mẹ hoặc hoàn cảnh gia đình khó khăn... Do buồn chán cô đơn, không làm chủ được bản thân các em đã chủ động tìm đến với ma túy.

b) Dấu hiệu nhận biết học sinh nghiện ma túy

Tổng kết từ thực tiễn cho thấy các chất ma túy thường được học sinh sử dụng là : heroine, ma túy tổng hợp, cần sa, dolagan... bằng cách : hít, uống, chích. Nếu sử dụng thường xuyên hoặc đã bị lệ thuộc (mắc nghiện), có thể nhận biết thông qua những dấu hiệu sau :

- Trong cặp sách hoặc túi quần áo thường có bột lửa, kẹo cao su, giấy bạc ;

- Hay xin ra ngoài đi vệ sinh trong thời gian học tập ;

- Thường tụ tập ở nơi hẻo lánh ;

- Thường hay xin tiền bố mẹ nói là đóng tiền học, quỹ lớp ;

- Lực học giảm sút ;

- Hay bị toát mồ hôi, ngáp vặt, ngủ gà ngủ gật, tính tình cáu gắt, da xanh tái, ớn lạnh nổi da gà, buồn nôn, mất ngủ, trầm cảm...

- Ngại tiếp xúc với người thân, bạn tốt, có ý xa lánh mọi người ; cố tránh các hoạt động vui chơi lành mạnh.

4. Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống ma túy

a) Một số thủ đoạn của các đối tượng buôn bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thường sử dụng để lôi kéo, cưỡng bức học sinh sử dụng ma túy, tham gia buôn bán ma túy

- Trực tiếp hoặc sử dụng những đối tượng "vệ tinh" đến khu vực xung quanh các trường học để quan sát phát hiện những học sinh thường bỏ học, có biểu hiện chơi bời, đua đòi ; những học sinh thuộc con nhà giàu có, những em có hoàn cảnh đặc biệt, kém hiểu biết... để làm quen, dụ dỗ, lôi kéo các em sử dụng ma túy.

- Trực tiếp hoặc sử dụng các đối tượng "vệ tinh" đến các khu vực học sinh thuê trọ để rủ rê, lôi kéo học sinh sử dụng ma túy và tham gia buôn bán ma túy.

– Thông qua những học sinh nghiện ma túy để dụ dỗ, lôi kéo những học sinh khác sử dụng ma túy.

– Lợi dụng những vi phạm, điểm yếu của một số học sinh để khống chế, cưỡng ép các em phải tham gia buôn bán ma túy, tiêu thụ ma túy cho chúng.

– Để thực hiện ý đồ lôi kéo học sinh, các đối tượng buôn bán ma túy thường dùng những lời lẽ đường mật phù hợp với tâm lí, tính tò mò, nhu cầu hưởng lạc theo lối sống thực dụng để thu hút các em hoặc bằng thủ đoạn như cho hút thử không lấy tiền, cho nợ tiền, gán nợ bằng tài sản, đồ vật... Khi đã nghiện, các em sẽ bị phụ thuộc và tuân theo sự điều khiển của các đối tượng đó.

b) Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống ma túy

Để góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ phòng, chống ma túy với trách nhiệm là học sinh cần thực hiện tốt những nội dung sau :

– Không sử dụng ma túy dưới bất kì hình thức nào (nói không với ma túy).

– Học tập, nghiên cứu nắm vững những quy định của pháp luật đối với công tác phòng, chống ma túy và nghiêm chỉnh chấp hành.

– Không tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc làm những việc khác liên quan đến ma túy.

– Khuyến nhủ bạn học, người thân của mình không sử dụng ma túy hoặc tham gia các hoạt động vận chuyển, mua bán ma túy.

– Khi phát hiện những học sinh có biểu hiện sử dụng ma túy hoặc nghi vấn buôn bán ma túy phải báo cáo kịp thời cho thầy, cô giáo để có biện pháp ngăn chặn.

– Nâng cao cảnh giác tránh bị đối tượng xấu rủ rê, lôi kéo việc sử dụng và buôn bán ma túy.

– Có ý thức phát hiện những đối tượng có biểu hiện nghi vấn dụ dỗ học sinh sử dụng ma túy hoặc lôi kéo học sinh vào hoạt động vận chuyển, mua bán ma túy, phải báo cáo kịp thời cho thầy, cô giáo hoặc cán bộ có trách nhiệm của nhà trường.

– Tích cực tham gia phong trào phòng, chống ma túy do nhà trường, tổ chức đoàn, tổ chức hội phụ nữ phát động.

– Hưởng ứng và tham gia thực hiện những công việc cụ thể, góp phần thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy tại nơi cư trú, tạm trú do chính quyền địa phương phát động.

– Kí cam kết không vi phạm pháp luật, không tham gia các tệ nạn xã hội, trong đó có tệ nạn ma túy.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu tác hại của ma túy đối với bản thân người sử dụng ?
2. Nêu tác hại của ma túy đối với trật tự an toàn xã hội ?
3. Nêu những dấu hiệu nhận biết học sinh nghiện ma túy ?
4. Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống ma túy ?

Bài 5

PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Nắm vững âm mưu, thủ đoạn "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá các nước xã hội chủ nghĩa và cách mạng Việt Nam hiện nay, trên cơ sở đó để mỗi người đề cao cảnh giác cách mạng, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân và lực lượng vũ trang làm thất bại chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của chúng.

Ra sức học tập trau dồi phẩm chất, năng lực của người đoàn viên thanh niên, kế tiếp các thế hệ cha anh góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

II - NỘI DUNG

1. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

a) Khái niệm : "Diễn biến hoà bình" là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa

từ bên trong bằng biện pháp phi quân sự do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.⁽¹⁾

Nội dung chính của chiến lược "Diễn biến hoà bình" là kẻ thù sử dụng mọi thủ đoạn kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội, đối ngoại, an ninh..., để phá hoại, làm suy yếu từ bên trong các nước xã hội chủ nghĩa. Kích động các mâu thuẫn trong xã hội, tạo ra các lực lượng chính trị đối lập núp dưới chiêu bài tự do, dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo, sắc tộc, khuyến khích tư nhân hoá về kinh tế và đa nguyên về chính trị, làm mờ hồ giai cấp và đấu tranh giai cấp trong nhân dân lao động. Đặc biệt, chúng coi trọng kích lệ lối sống tư sản và từng bước làm phai nhạt mục tiêu, lí tưởng xã hội chủ nghĩa ở một bộ phận học sinh. Triệt để khai thác và lợi dụng những khó khăn, sai sót của Đảng, Nhà nước xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo nên sức ép, từng bước chuyển hoá và thay đổi đường lối chính trị, chế độ xã hội theo quỹ đạo chủ nghĩa tư bản.

b) Sự hình thành và phát triển của chiến lược "Diễn biến hoà bình"

Chiến lược "Diễn biến hoà bình" đã ra đời, phát triển cùng với sự điều chỉnh phương thức, thủ đoạn chiến lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế để chống phá các nước xã hội chủ nghĩa. Chiến lược "Diễn biến hoà bình" của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch hình thành và phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau.

+ Giai đoạn từ 1945 – 1980, đây là giai đoạn manh nha hình thành chiến lược "Diễn biến hoà bình" được bắt nguồn từ nước Mĩ. Tháng 3 năm 1947, chính quyền Truman trên cơ sở kế thừa tư tưởng của Kennan đã bổ sung, hình thành và công bố thực hiện chiến lược "ngăn chặn" chủ nghĩa cộng sản. Tháng 4 năm 1948, Quốc hội Mĩ chính thức phê chuẩn kế hoạch Mác San, tăng viện trợ để kích lệ lực lượng dân chủ, cài cắm gián điệp vào các đảng cộng sản để phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa và ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở Tây Âu, hướng họ phụ thuộc vào Mĩ. Đến tháng 12 năm 1957, Tổng thống Aixenhao đã tuyên bố "Mĩ sẽ giành thắng lợi bằng hoà bình" và mục đích của chiến lược này là làm suy yếu và lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa.

Từ những năm 60 đến 80 của thế kỉ XX, nhiều đời tổng thống kế tiếp của Mĩ như Kennơđi, Giôn-xơn, Ních-xơn, Pho, đã coi trọng và thực hiện

⁽¹⁾ Bộ Quốc phòng, Trung tâm từ điển Bách khoa quân sự, *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr. 303.

biện pháp "Diễn biến hoà bình" để chống lại làn sóng cộng sản, lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, từ sau thất bại ở Việt Nam, Mĩ đã từng bước thay đổi chiến lược chuyển từ tiến công bằng sức mạnh quân sự là chính, sang tiến công bằng "Diễn biến hoà bình" là chủ yếu. Từ vị trí là thủ đoạn kết hợp với chiến lược "ngăn chặn", đã phát triển thành một chiến lược cơ bản, ngày càng hoàn thiện để chống các nước cộng sản.

+ Giai đoạn từ năm 1980 đến nay, chủ nghĩa đế quốc, các thế lực thù địch từng bước hoàn thiện "Diễn biến hoà bình" và trở thành chiến lược chủ yếu tiến công chống các nước xã hội chủ nghĩa. Do phát hiện thấy những sai lầm, khuyết điểm của các đảng cộng sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa trong cải tổ, cải cách, từ năm 1980 đến 1990, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã sử dụng chiến lược "Diễn biến hoà bình" để tiến công nhằm làm suy yếu, tiến tới lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa.

Sau sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tiếp tục ra sức sử dụng chiến lược "Diễn biến hoà bình" để thực hiện âm mưu xoá bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Các thế lực thù địch cho rằng, phải làm xói mòn tư tưởng, đạo đức và niềm tin cộng sản của thế hệ trẻ để "tự diễn biến", tự suy yếu, dẫn đến sụp đổ, tan rã chế độ xã hội chủ nghĩa ở một số nước còn lại.

c) Bạo loạn lật đổ : là hành động chống phá bằng bạo lực có tổ chức do lực lượng phản động hay lực lượng li khai, đối lập trong nước hoặc cấu kết với nước ngoài tiến hành gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hoặc lật đổ chính quyền ở địa phương hay trung ương⁽¹⁾.

Về hình thức của bạo loạn, gồm có bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang hoặc bạo loạn chính trị kết hợp với vũ trang.

Trên thực tiễn, bạo loạn lật đổ là một thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động gắn liền với chiến lược "Diễn biến hoà bình" để xoá bỏ chủ nghĩa xã hội. Khi tiến hành bạo loạn lật đổ, các thế lực thù địch thường kích động những phần tử quá khích, làm mất ổn định trật tự an toàn xã hội ở một số khu vực và trong một thời gian nhất định (thường chỉ diễn ra trong không gian hẹp và thời gian ngắn) tiến tới lật đổ chính quyền ở địa phương hoặc nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Quy mô bạo loạn lật đổ, có thể diễn ra ở nhiều mức độ, từ quy mô nhỏ đến lớn. Phạm vi địa bàn xảy ra bạo loạn lật đổ có thể ở nhiều nơi, nhiều vùng

⁽¹⁾ Bộ Quốc phòng, Trung tâm từ điển Bách khoa quân sự. *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr. 63.

của đất nước, trọng điểm là những vùng trung tâm về kinh tế, chính trị, văn hoá của Trung ương và địa phương, nơi nhạy cảm về chính trị hoặc ở các khu vực, địa bàn mà cơ sở chính trị của địa phương yếu kém.

2. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam

a) Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hoà bình" đối với Việt Nam

Chủ nghĩa đế quốc cùng các thế lực thù địch luôn coi Việt Nam là một trọng điểm trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" chống chủ nghĩa xã hội. Từ đầu năm 1950 đến 1975, chủ nghĩa đế quốc dùng hành động quân sự để xâm lược và muốn biến Việt Nam thành thuộc địa vĩnh viễn của chúng nhưng cuối cùng đã bị thất bại hoàn toàn. Sau khi sử dụng những đòn tấn công bằng quân sự để xâm lược Việt Nam không thành công, chúng đã chuyển sang chiến lược mới như "bao vây cấm vận kinh tế", "cô lập về ngoại giao" kết hợp với "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ nhằm xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Lợi dụng thời kì nước ta gặp nhiều khó khăn về kinh tế – xã hội, từ năm 1975 – 1994 do hậu quả của chiến tranh để lại và sự biến động chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu, các thế lực thù địch càng ráo riết đẩy mạnh "Diễn biến hoà bình" đối với Việt Nam.

Từ năm 1995 đến nay, trước những thắng lợi to lớn của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, thì các thế lực thù địch lại tiếp tục điều chỉnh thủ đoạn chống phá cách mạng nước ta. Chúng đã tuyên bố xoá bỏ "cấm vận kinh tế" và bình thường hoá quan hệ ngoại giao để chuyển sang thủ đoạn mới, đẩy mạnh hoạt động xâm nhập như : "dính líu", "ngấm", "sâu, hiểm" nhằm chống phá cách mạng Việt Nam.

Mục tiêu nhất quán của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch trong sử dụng chiến lược "Diễn biến hoà bình" đối với Việt Nam là thực hiện âm mưu xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, lái nước ta đi theo con đường chủ nghĩa tư bản và lệ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc,... Để đạt được mục tiêu đó, các thế lực thù địch không từ bỏ bất kì thủ đoạn chống phá nào như sử dụng bạo lực phi vũ trang, bạo lực vũ trang, kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội,... Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá cách mạng nước ta hiện nay là toàn diện, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tinh vi, thâm độc và nhiều thủ đoạn tinh vi khó nhận biết, cụ thể :

Thủ đoạn về kinh tế. Chúng muốn chuyển hoá nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam dần dần theo quỹ đạo kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Khích lệ thành phần kinh tế tư nhân phát triển, từng bước làm mất vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước. Lợi dụng sự giúp đỡ, viện trợ kinh tế, đầu tư vốn, chuyển giao công nghệ cho Việt Nam để đặt ra các điều kiện và gây sức ép về chính trị, từng bước chuyển hoá Việt Nam theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Thủ đoạn về chính trị. Các thế lực thù địch kích động đòi thực hiện chế độ "đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập", "tự do hoá" mọi mặt đời sống xã hội, từng bước xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Chúng tập hợp, nuôi dưỡng các tổ chức, phần tử phản động trong nước và ngoài nước, lợi dụng các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" để chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm mất đi vai trò lãnh đạo của Đảng. Tận dụng những sơ hở trong đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước ta, sẵn sàng can thiệp trắng trợn bằng sức mạnh quân sự để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Thủ đoạn về tư tưởng – văn hoá. Chúng thực hiện nhiều hoạt động nhằm xoá bỏ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Phá vỡ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, ra sức truyền bá tư tưởng tư sản vào các tầng lớp nhân dân. Lợi dụng xu thế mở rộng hợp tác quốc tế, du nhập những sản phẩm văn hoá đồi trụy, lối sống phương Tây, để kích động lối sống tư bản trong thanh niên từng bước làm phai mờ bản sắc văn hoá và giá trị văn hoá của dân tộc Việt Nam.

Thủ đoạn trong lĩnh vực tôn giáo – dân tộc. Chúng lợi dụng những khó khăn ở những vùng đồng bào dân tộc ít người, những tồn tại do lịch sử để lại, trình độ dân trí của một bộ phận đồng bào còn thấp và những khuyết điểm trong thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo của một bộ phận cán bộ để kích động tư tưởng đòi ly khai, tự quyết dân tộc.

Lợi dụng chính sách tự do tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta để truyền đạo trái phép, thực hiện âm mưu tôn giáo hoá dân tộc, từng bước gây mất ổn định xã hội và làm chệch hướng chế độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Thủ đoạn trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Các thế lực thù địch lợi dụng xu thế mở rộng, hợp tác quốc tế, thực hiện xâm nhập, tăng cường hoạt động tình báo thu thập bí mật quốc gia. Chúng kích động đòi phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và đối với lực lượng vũ trang. Đối với quân đội và công an, các thế lực thù địch chủ trương

vô hiệu hoá sự lãnh đạo của Đảng với luận điểm "phi chính trị hoá" làm cho các lực lượng này xa rời mục tiêu chiến đấu.

Thủ đoạn trên lĩnh vực đối ngoại. Các thế lực thù địch lợi dụng chủ trương Việt Nam mở rộng hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới để tuyên truyền và hướng Việt Nam đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Hạn chế sự mở rộng quan hệ hợp tác của Việt Nam đối với các nước lớn trên thế giới, tìm cách ngăn cản những dự án đầu tư quốc tế vào Việt Nam. Đặc biệt, chúng rất coi trọng việc chia rẽ tình đoàn kết hữu nghị giữa Việt Nam với Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa, hạ thấp uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

b) Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam

Các thế lực thù địch chú trọng nuôi dưỡng các tổ chức phản động sống lưu vong ở nước ngoài và kết hợp với các phần tử cực đoan, bất mãn trong nước gây rối, làm mất ổn định xã hội ở một số vùng nhạy cảm như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ của Việt Nam. Chúng tiến hành nhiều hoạt động xảo quyệt để lôi kéo, mua chuộc quần chúng nhân dân lao động đứng lên biểu tình chống lại chính quyền địa phương. Vùng Tây Bắc, chúng kích động người H'Mông đòi thành lập khu tự trị riêng. Vùng Tây Nguyên, chúng ra sức tuyên truyền thành lập nhà nước Đê Ga, chờ thời cơ thuận lợi để tiến hành lật đổ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thủ đoạn cơ bản mà các thế lực thù địch đã sử dụng để tiến hành bạo loạn lật đổ chính quyền ở một số địa phương nước ta là : kích động sự bất bình của quần chúng, dụ dỗ và cưỡng ép nhân dân biểu tình làm chỗ dựa cho lực lượng phản động trà trộn hoạt động đập phá trụ sở, rồi uy hiếp khống chế cơ quan quyền lực của địa phương. Trong quá trình gây bạo loạn, bọn phản động tìm mọi cách để mở rộng phạm vi, quy mô, lực lượng và kêu gọi sự tài trợ tiền của, vũ khí ngoài nước vào để tăng sức mạnh.

Yêu cầu đặt ra là phải nâng cao cảnh giác cách mạng, kịp thời phát hiện âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, dự báo đúng thủ đoạn, quy mô, địa điểm và thời gian. Nắm vững nguyên tắc xử lý trong đấu tranh chống bạo loạn lật đổ là : nhanh gọn, kiên quyết, linh hoạt, đúng đối tượng, sử dụng lực lượng và phương thức đấu tranh phù hợp, không để lan rộng kéo dài.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta

a) Mục tiêu

Mục tiêu của chiến lược "Diễn biến hoà bình" mà các thế lực thù địch tiến hành ở Việt Nam là làm chuyển hoá chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta theo con đường tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta là phải làm thất bại âm mưu thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam. Giữ vững ổn định chính trị – xã hội của đất nước, tạo môi trường hoà bình để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc ; bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá ; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

b) Nhiệm vụ

Đại hội đại biểu toàn quốc lần X của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ. Đây là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu trong các nhiệm vụ quốc phòng – an ninh hiện nay, đồng thời, còn là nhiệm vụ thường xuyên và lâu dài. Chủ động phát hiện âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch đối với nước ta, kịp thời tiến công ngay từ đầu. Xử lý nhanh chóng, hiệu quả khi có bạo loạn xảy ra và luôn bảo vệ tốt chính trị nội bộ.

c) Quan điểm chỉ đạo

– Đấu tranh chống "Diễn biến hoà bình" là một cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc gay go, quyết liệt, lâu dài và phức tạp trên mọi lĩnh vực.

Thực chất chiến lược "Diễn biến hoà bình" mà các thế lực thù địch sử dụng để chống phá cách mạng nước ta là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc. Mục tiêu của chiến lược đó là nhằm xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng, làm sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và chuyển hoá theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Do đó, cuộc đấu tranh sẽ hết sức gay go, quyết liệt và lâu dài trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

– Chống "Diễn biến hoà bình" là cấp bách hàng đầu trong các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hiện nay để bảo vệ vững chắc xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ các thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt mà các thế lực thù địch sử dụng trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" với nhiều đòn tấn công "mềm" trên tất cả các lĩnh vực để chống phá cách mạng nước ta. Vì thế, Đảng ta đã xác định rõ nội dung bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay là toàn diện, coi trọng giữ vững an ninh kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng.

– Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong đấu tranh chống "Diễn biến hoà bình".

Các thế lực thù địch sử dụng sức mạnh tổng hợp để chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đánh vào mọi tầng lớp nhân dân lao động, mọi tổ chức chính trị – xã hội, mọi lĩnh vực. Do đó, phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng để làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam.

d) Phương châm tiến hành

Kết hợp chặt chẽ giữa giữ vững bên trong với chủ động ngăn chặn, phòng ngừa và chủ động tiến công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn "Diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch. Do đó, mọi cấp, mọi ngành, mọi người dân phải thấy rõ tính chất nham hiểm của chiến lược "Diễn biến hoà bình". Từ đó, phải nâng cao cảnh giác cách mạng, chủ động tiến công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" của kẻ thù nhằm chống phá cách mạng nước ta.

Chủ động, kiên quyết, khôn khéo xử lý tình huống và giải quyết hậu quả khi có bạo loạn xảy ra, giải quyết các vụ gây rối, không để phát triển thành bạo loạn. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch bao giờ cũng chủ động chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, từng bước làm suy yếu từ bên trong và khi có thời cơ tiến hành lật đổ chế độ xã hội. Thực tế chứng minh, chủ động tiến công sẽ tạo thuận lợi giành thắng lợi trong chiến tranh nói chung và trong phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của kẻ thù đối với nước ta.

Xây dựng tiềm lực vững mạnh của đất nước, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân trong nước và quốc tế, kịp thời làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù đối với Việt Nam. Trên thực tế, kẻ thù thường cấu kết lực lượng phản động ở ngoài nước với những phần tử cực đoan, chống đối ở trong nước và bằng nhiều thủ đoạn tinh vi và thâm hiểm, tổng hợp. Do vậy, phải thường xuyên coi trọng xây dựng tiềm lực kinh tế, chính trị, quân sự,

văn hoá, xã hội, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về mọi mặt. Chú trọng tuyên truyền giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân lao động hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn cơ bản trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" mà kẻ thù sử dụng để chống phá sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

a) Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

Muốn ngăn chặn, đấu tranh đạt hiệu quả, làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của kẻ thù đối với nước ta thì phải giữ vững sự ổn định xã hội và làm cho đất nước ngày càng vững mạnh về mọi mặt. Tệ quan liêu, tham nhũng được kẻ thù lợi dụng để khoét sâu mâu thuẫn nội bộ, kích động nhân dân lao động đứng lên biểu tình chống lại chính quyền địa phương, chống Đảng và Nhà nước ta, gây mất ổn định xã hội. Do đó, việc đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế là giải pháp hữu hiệu để giữ vững và thúc đẩy yếu tố bên trong của đất nước luôn ổn định.

b) Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

Chủ động nắm địch, phát hiện kịp thời những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch sử dụng để chống phá cách mạng nước ta có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Do vậy phải giáo dục rộng rãi trong toàn xã hội để mọi người dân Việt Nam, mọi tổ chức chính trị – xã hội đều nhận thức sâu sắc âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" của kẻ thù chống phá cách mạng Việt Nam. Cần phải đấu tranh phê phán những biểu hiện mơ hồ, mất cảnh giác cách mạng trong một bộ phận nhân dân, học sinh trước âm mưu, thủ đoạn thâm hiểm trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" của kẻ thù. Mỗi người dân Việt Nam phải có tri thức, có bản lĩnh chính trị, có phương pháp xem xét phát hiện và báo cáo kịp thời thủ đoạn chống phá của kẻ thù cho cơ quan chức năng xử lý không để bất ngờ.

c) Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

Đối với nước ta, bảo vệ Tổ quốc là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, chủ nghĩa đế và các thế lực thù địch lợi dụng

sự sụp đổ của xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, lợi dụng cuộc chiến chống khủng bố, tấn công quyết liệt vào độc lập chủ quyền của các quốc gia, dân tộc, đặc biệt là các nước xã hội chủ nghĩa trong đó có nước ta. Vì vậy, khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và các thành quả cách mạng.

Giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cho các tầng lớp nhân dân phải mang tính toàn diện, nhưng tập trung vào : giáo dục tình yêu quê hương, đất nước ; tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù chống phá đất nước ta ; quan điểm, đường lối của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng mới ; tinh thần sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc, quyết tử để Tổ quốc quyết sinh... hình thức giáo dục phải đa dạng, phù hợp với từng đối tượng.

d) Xây dựng cơ sở chính trị – xã hội vững mạnh về mọi mặt

Xây dựng cơ sở chính trị – xã hội vững mạnh sẽ bảo đảm cho chế độ xã hội luôn ổn định, phát triển. Do vậy, phải luôn luôn chú trọng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay là đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp nhân dân, mọi thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng, mọi miền đất nước ; đoàn kết trong Đảng và ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, người trong nước và người đang sinh sống ở nước ngoài.

Nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên, năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng ở các cấp, nhất là ở cơ sở. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả, nền nếp hoạt động của các tổ chức quần chúng... Duy trì nghiêm kỉ luật của Đảng ở các cấp, xử lí kịp thời những đảng viên, tổ chức đảng có khuyết điểm, khen thưởng kịp thời những đảng viên, tổ chức Đảng và quần chúng thực hiện tốt đường lối, chủ trương Điều lệ Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

e) Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên phải rộng khắp ở tất cả các làng, bản, phường, xã, thị trấn, các cơ quan, tổ chức và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bảo đảm triển khai thể trận phòng thủ ở các địa phương, cơ sở. Phải chú trọng giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng nhưng lấy chất lượng là chính.

Ở mỗi địa phương, phải chú trọng kết hợp phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng lực lượng vũ trang ở cơ sở. Quần chúng là nền tảng, là gốc rễ của dân tộc, là động lực chính để thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Vì vậy, quần chúng cũng là đối tượng để kẻ thù lợi dụng, mua chuộc nhằm thực hiện âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ nhằm chống phá cách mạng nước ta.

g) Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

Mỗi thủ đoạn, hình thức, biện pháp mà kẻ thù sử dụng trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ, cần có phương thức xử lý cụ thể, hiệu quả.

Khi mỗi tình huống bạo loạn xảy ra, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị, xử trí theo nguyên tắc nhanh gọn – kiên quyết – linh hoạt – đúng đối tượng – không để lan rộng, kéo dài. Từ đó, xây dựng đầy đủ, luyện tập các phương án sát với diễn biến từng địa phương, từng đơn vị, từng cấp, từng ngành. Hoạt động xử lý bạo loạn phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền, các ngành tham mưu, quân đội và công an.

h) Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thực chất là để tạo ra cơ sở vật chất, phát triển lực lượng sản xuất và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; đồng thời, là điều kiện để tăng năng suất lao động của xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động, để tạo nên sức mạnh của thế trận "lòng dân".

Những giải pháp trên đây có quan hệ chặt chẽ với nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất nhằm đấu tranh ngăn ngừa âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của kẻ thù sử dụng để chống phá Việt Nam hiện nay. Vì vậy trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ này không nên coi nhẹ hoặc tuyệt đối hoá một giải pháp nào.

Học sinh là thế hệ tương lai của đất nước, đồng thời cũng là một đối tượng mà các thế lực thù địch lợi dụng, chống phá nhằm làm suy thoái về đạo đức, lối sống và phai nhạt niềm tin, lí tưởng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, mỗi người phải có nỗ lực học tập và rèn luyện để trở thành công dân tốt, cống hiến cho đất nước, phải thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác

cách mạng, phát hiện và góp phần đấu tranh, ngăn ngừa, đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ, hòng xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Âm mưu, thủ đoạn "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch sử dụng chống phá các nước xã hội chủ nghĩa như thế nào ?

2. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá đối với Việt Nam hiện nay ?

3. Phương hướng, giải pháp cơ bản phòng, chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ? Liên hệ với vai trò, trách nhiệm của thanh niên, học sinh trong phòng, chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ?

Bài 6

PHÒNG CHỐNG ĐỊCH TIẾN CÔNG HOẢ LỰC BẰNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh tương lai (nếu xảy ra).

– Nắm được những kiến thức cơ bản về vũ khí công nghệ cao. Tiếp tục nghiên cứu, nâng cao nhận thức trong phòng tránh vũ khí công nghệ cao.

II - NỘI DUNG

Trong tương lai, nếu xảy ra chiến tranh, vũ khí công nghệ cao sẽ được kẻ địch sử dụng chủ yếu để thực hiện mưu đồ xâm lược nước ta. Vì vậy, việc nghiên cứu và tìm ra biện pháp phòng tránh, đánh trả có hiệu quả tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao của địch, có ý nghĩa rất quan trọng để giành thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh

a) Khái niệm

Vũ khí công nghệ cao là vũ khí được nghiên cứu, thiết kế, chế tạo dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, có sự nhảy vọt về chất lượng và tính năng kỹ thuật, chiến thuật.

Khái niệm trên thể hiện một số nội dung chính sau :

- Vũ khí công nghệ cao được nghiên cứu thiết kế chế tạo dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại.
- Có sự nhảy vọt về chất lượng và tính năng chiến thuật, kỹ thuật.

b) Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao

Vũ khí công nghệ cao có một số đặc điểm nổi bật đó là :

Hiệu suất của vũ khí, phương tiện tăng gấp nhiều lần so với vũ khí, phương tiện thông thường ; hàm lượng trí thức, kỹ năng tự động hoá cao ; tính cạnh tranh cao, được nâng cấp liên tục,...

Vũ khí công nghệ cao hay còn gọi là vũ khí "thông minh", vũ khí "tính khôn" bao gồm nhiều chủng loại khác nhau như : vũ khí huỷ diệt lớn (hạt nhân, hoá học, sinh học...), vũ khí được chế tạo dựa trên những nguyên lý kỹ thuật mới (vũ khí chùm tia, vũ khí laze, vũ khí chùm hạt, pháo điện từ...).

Thế kỷ XXI, vũ khí "thông minh" dựa trên cơ sở trí thức sẽ trở nên phổ biến. Điển hình là đạn pháo, đạn cối điều khiển bằng laze, radar hoặc bằng hồng ngoại. Bom, mìn "thông minh" kết hợp với các thiết bị trinh thám để tiêu diệt mục tiêu. Tên lửa "thông minh" có thể tự phân tích, phán đoán và ra quyết định tiến công tiêu diệt. Súng "thông minh" do máy tính điều khiển có thể tự động nhận biết chủ nhân, có nhiều khả năng tác chiến khác nhau, vừa có thể bắn đạn thông thường hoặc phóng lựu đạn. Xe tăng "thông minh" có thể vượt qua các chướng ngại vật, nhận biết các đặc trưng khác nhau của mục tiêu, mức độ uy hiếp của mục tiêu và điều khiển vũ khí tiến công mục tiêu, nhờ đó có hỏa lực và sức đột kích rất mạnh,...

Tóm lại, vũ khí công nghệ cao có những đặc điểm nổi bật sau : khả năng tự động hoá cao ; tầm bắn (phóng) xa ; độ chính xác cao ; uy lực sát thương lớn.

c) Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh

Tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao là phương thức tiến hành chiến tranh kiểu mới đồng thời là biện pháp tác chiến của địch. Thực tế

trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, chủ nghĩa đế quốc đã khai thác các thành tựu khoa học và công nghệ mới nhất để chế tạo các kiểu vũ khí hiện đại hòng giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh như công nghệ hồng ngoại, công nghệ nhìn đêm, công nghệ gây nhiễu. Nhiều loại vũ khí "thông minh" ra đời và được sử dụng lần đầu tiên trong chiến tranh Việt Nam... Tuy nhiên, cuộc chiến tranh Việt Nam đã chứng kiến sự thất bại thảm hại của địch trong việc sử dụng các loại vũ khí hiện đại nhất lúc đó trước trí thông minh, sự sáng tạo và lòng dũng cảm vô song của con người Việt Nam.

Chiến tranh tương lai (nếu xảy ra) đối với đất nước ta, địch sẽ sử dụng phương thức tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao là chủ yếu. Nhằm mục đích giành quyền làm chủ trên không, làm chủ chiến trường, phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, đánh quy khả năng chống trả của đối phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng tiến công trên bộ, trên biển, đổ bộ đường không và các hoạt động bạo loạn lật đổ của lực lượng phản động nội địa trong nước, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong nhân dân. Qua đó gây sức ép về chính trị để đạt mục tiêu chính trị hoặc buộc chúng ta phải chấp nhận điều kiện chính trị do địch đặt ra.

Nếu chiến tranh xảy ra trên đất nước ta, có thể xuất phát từ nhiều hướng : trên bộ, trên không, từ biển vào, có thể diễn ra cùng một lúc ở chính diện và trong chiều sâu, trên phạm vi toàn quốc với một nhịp độ cao, cường độ lớn ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến tranh. Tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao của chủ nghĩa đế quốc vào Việt Nam (nếu xảy ra) có thể là một giai đoạn trước khi đưa quân đổ bộ đường biển hoặc đưa quân tiến công trên bộ, với quy mô và cường độ ác liệt từ nhiều hướng, vào nhiều mục tiêu cùng một lúc. Đánh phá ác liệt từng đợt lớn, dồn dập, kết hợp với đánh nhỏ lẻ liên tục ngày đêm, có thể kéo dài vài giờ hoặc nhiều giờ, có thể đánh phá trong một vài ngày hoặc nhiều ngày,....

Nghiên cứu, khảo sát một số cuộc chiến tranh cục bộ gần đây cho thấy, địch sử dụng vũ khí công nghệ cao ngày càng nhiều (vùng Vịnh lần thứ nhất vũ khí công nghệ cao 10%, chiến dịch "Con Cáo sa mạc" 50%, Nam Tư 90%).

– Trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh, ngày 17/1/1991 Mĩ phóng 45 quả tên lửa hành trình Tomahawk có 7 quả bị hỏng, 1 quả bị lực lượng phòng không bắn rơi còn 37 quả trúng mục tiêu, tỉ lệ : 67%. Trong chiến dịch "Con Cáo sa mạc" từ ngày 16 đến ngày 19/12/1998 Mĩ sử dụng 650 lần/chiếc máy bay phóng 415 quả tên lửa hành trình trong đó có 325 quả tên lửa Tomahawk phóng từ tàu biển, 90 quả AGM – 86 phóng từ máy bay, dự kiến khả năng 100/147 mục tiêu của Irắc bị phá hủy. Tuy nhiên tên lửa hành trình

của Mỹ và liên quân chỉ đánh trúng khoảng 20%, vì Iraq đã có kinh nghiệm phòng tránh.

– Chiến tranh Iraq lần hai (2003) chỉ sau 27 ngày đêm tiến công, Mỹ, Anh đã thực hiện 34.000 phi vụ, phóng hơn 1.000 tên lửa hành trình các loại, trong đó có hơn 800 Tomahawk, hơn 14.000 bom đạn có điều khiển chính xác. Từ những khảo sát thực tế trên, rút ra một số điểm mạnh và yếu của vũ khí công nghệ cao như sau :

– *Điểm mạnh :*

+ Độ chính xác cao, uy lực sát thương lớn, tầm hoạt động xa.

+ Có thể hoạt động trong những vùng nhiễu, thời tiết phức tạp, ngày, đêm, đạt hiệu quả cao hơn hàng chục đến hàng trăm lần so với vũ khí thông thường.

+ Một số loại vũ khí công nghệ cao được gọi là vũ khí "thông minh" có khả năng nhận biết địa hình và đặc điểm mục tiêu, tự động tìm diệt...

– *Điểm yếu :*

+ Thời gian trinh sát, xử lý số liệu để lập trình phương án đánh phá phức tạp, nếu mục tiêu "thay đổi" dễ mất thời cơ đánh phá.

+ Dựa hoàn toàn vào các phương tiện kỹ thuật, dễ bị đối phương đánh lừa.

+ Một số loại tên lửa hành trình có tầm bay thấp, tốc độ bay chậm, hướng bay theo quy luật... dễ bị bắn hạ bằng vũ khí thông thường.

+ Tác chiến công nghệ cao không thể kéo dài vì quá tốn kém. Dễ bị đối phương tập kích vào các vị trí triển khai của vũ khí công nghệ cao.

+ Dễ bị tác động bởi địa hình, thời tiết, khí hậu dẫn đến hiệu quả thực tế khác với lý thuyết. Do đó, nên hiểu đúng đắn về vũ khí công nghệ cao, không quá đề cao, tuyệt đối hoá vũ khí công nghệ cao dẫn đến tâm lý hoang mang khi đối mặt. Ngược lại, cũng không nên coi thường dẫn đến chủ quan mất cảnh giác.

2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao

a) Biện pháp thụ động

– *Phòng chống trinh sát của địch*

Hệ thống trinh sát phát hiện và giám sát mục tiêu là một trong những hệ thống bảo đảm quan trọng nhất của vũ khí công nghệ cao. Muốn làm tốt công tác phòng chống trinh sát của địch, trước tiên cần xác định rõ ý thức

phòng chống trình sát của địch, sau đó mới áp dụng các biện pháp, phương pháp đối phó cho phù hợp, cụ thể :

+ Làm hạn chế đặc trưng của mục tiêu

Hệ thống trình sát hiện đại khi thực hành trình sát đều thông qua việc tìm kiếm các đặc trưng vật lí do mục tiêu bộc lộ để phát hiện. Vì vậy, sử dụng các thủ đoạn chiến thuật, kĩ thuật giảm thiểu đặc trưng vật lí của mục tiêu, xoá bỏ sự khác biệt giữa mục tiêu với môi trường xung quanh là sự vận dụng và phát triển của kĩ thuật ngụy trang truyền thống. Sử dụng các biện pháp kĩ thuật giảm bớt các đặc trưng ánh sáng, âm thanh, điện từ, bức xạ hồng ngoại... của mục tiêu là có thể giấu kín được mục tiêu.

+ Che giấu mục tiêu

Lợi dụng môi trường tự nhiên như địa hình, địa vật, rừng cây, bụi cỏ... để che giấu mục tiêu, có thể làm suy giảm thậm chí ngăn chặn được trình sát của địch. Trình sát bằng quang học, hồng ngoại và laze là ba kĩ thuật trình sát chủ yếu của vệ tinh và máy bay trình sát, các mục tiêu được che đây, ở hang động, gầm cầu là những nơi che giấu có hiệu quả, đồng thời lợi dụng đêm tối, sương mù, màn mưa để che giấu âm thanh, ánh sáng, điện từ, nhiệt ; kiểm soát chặt chẽ việc mở máy hoặc phát xạ sóng điện từ của radar và thiết bị thông tin liên lạc.

+ Ngụy trang mục tiêu

Ngày nay, khi mà kĩ thuật trình sát không ngừng phát triển thì việc sử dụng một cách khoa học các khí tài ngụy trang như màn khói, lưới ngụy trang, nghi binh, nghi trang,... là một biện pháp chống trình sát hữu hiệu và kinh tế. Ngụy trang hiện đại là trên cơ sở ngụy trang truyền thống sử dụng kĩ thuật thay đổi hình dạng,... Thông qua việc làm thay đổi tần phổ quang học hoặc phản xạ điện từ và đặc tính bức xạ nhiệt của mục tiêu khiến chúng gần như hoà nhập vào môi trường xung quanh. Thông qua việc làm thay đổi hình thể của mục tiêu khiến mục tiêu không bị địch chú ý hoặc thông qua việc thả màn khói đặc biệt là sợi bạc,... đều có thể ngăn chặn có hiệu quả trình sát radar và trình sát hồng ngoại của đối phương.

+ Tổ chức tốt việc nghi binh đánh lừa địch

Nghi binh là hành động tạo hiện tượng giả để đánh lừa đối phương. Nếu tổ chức tạo ra các hành động tác chiến giả một cách có kế hoạch, có mục đích để phân tán, làm suy yếu khả năng trình sát của địch, có thể làm cho địch nhận định sai, dẫn đến sai lầm từ đó ta có thể kiềm chế, đánh lừa được địch.

Theo phạm vi không gian, có thể chia nghi binh thành các loại sau : Nghi binh chính diện, nghi binh bên sườn, nghi binh tung thâm, nghi binh trên bộ, nghi binh trên không, nghi binh trên biển,... Theo mục đích, có thể chia nghi binh để thể hiện sức mạnh, nghi binh để tỏ ra yếu kém, nghi binh để hiện thế, nghi binh tiến công, nghi binh rút lui.

Kĩ thuật quân sự hiện đại đã tạo ra nhiều thủ đoạn nghi binh mới, ngoài nghi binh về binh lực, còn có nghi binh về hoà lực, nghi binh điện tử và các nghi binh kĩ thuật khác. Ví dụ, nghi binh vô tuyến điện bằng các phương pháp xây dựng mạng lưới vô tuyến điện giả, tổ chức các đối tượng liên lạc giả, thực hiện các cuộc thông tin liên lạc vô tuyến điện giả, phát các cuộc điện báo (điện thoại) với nội dung giả... Ngoài ra, tổ chức tốt việc bày giả, nhằm đúng vào đặc điểm và nhược điểm của hệ thống trình sát địch, kết hợp với điều kiện tự nhiên như địa hình, địa vật, đặt các loại mục tiêu giả để làm thay đổi cục bộ nền môi trường, chiến trường, từ đó đánh lừa, mê hoặc đối phương. Ví dụ, cần phải có mục tiêu giả, mục tiêu thật ; khi cần di chuyển các mục tiêu cần phải tiến hành di chuyển cùng lúc cả cái thực và cái giả và quy mô đối với cái thực và cái giả cũng phải ngang nhau.

– Dụ địch đánh vào những mục tiêu có giá trị thấp làm chúng tiêu hao lớn

Lợi dụng đặc điểm của vũ khí công nghệ cao là giá thành cao, lượng sử dụng có hạn, chúng ta có thể sử dụng mục tiêu giá trị thấp để làm phân tán lực lượng địch và gây tiêu hao lớn cho chúng. Ví dụ, giá 1 chiếc máy bay tàng hình F-117A lên tới vài chục triệu USD, giá 1 quả tên lửa hành trình cũng tới hàng triệu USD,... Nếu ta sử dụng vũ khí trang bị cũ hoặc mục tiêu giả để dụ địch tiến công sẽ gây tiêu hao lớn cho chúng, làm giảm bớt lượng vũ khí công nghệ cao của địch, đồng thời làm giảm sút lòng tin khiến chúng không dám mạo hiểm tiếp tục sử dụng vũ khí công nghệ cao trên quy mô lớn. Trong cuộc chiến tranh Xô-vô, do địa hình, địa vật phức tạp của Nam Tư kết hợp với thời tiết mùa xuân ẩm ướt, âm u, rừng cây rậm rạp đã khiến cho hệ thống vũ khí công nghệ cao của NATO bộc lộ một số nhược điểm như khả năng nhận biết mục tiêu, khả năng định vị, dẫn đến đánh nhầm, đánh không chính xác, đánh vào mục tiêu giả ngày càng tăng, khiến chúng bị tiêu hao ngày càng lớn.

– Tổ chức, bố trí lực lượng phân tán, có khả năng tác chiến độc lập

Tổ chức, bố trí lực lượng phân tán là thu nhỏ quy mô các lực lượng lớn, bố trí theo nhu cầu, mỗi đơn vị có thể thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ phòng thủ, tiến công, cơ động chi viện,... Bố trí phân tán lực lượng không theo quy tắc, xây dựng khu vực tác chiến du kích xen kẽ nhỏ lẻ, đa năng,

nhưng sẵn sàng tập trung khi cần thiết. Bố trí như vậy sẽ giảm thiểu tổn thất khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao. Khả năng chiến đấu độc lập và tập trung cao sẽ giảm bớt sự chi viện của lực lượng dự bị, như vậy sẽ tránh được tổn thất cho lực lượng dự bị. Bố trí phân tán sẽ tăng thêm khó khăn cho đối phương trong việc trinh sát phát hiện mục tiêu, phán đoán tình hình và xác định phạm vi đánh, làm giảm hiệu quả tác chiến của địch.

– Kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng, đô thị với xây dựng hầm ngầm để tăng khả năng phòng thủ

Trong quá trình xây dựng đất nước những năm gần đây, hầu hết các địa phương trong cả nước đã có sự phát triển vượt bậc về kinh tế, đời sống xã hội có nhiều thay đổi, các thành phố ngày càng mở rộng, cơ sở hạ tầng phát triển, các khu trung tâm kinh tế – công nghiệp phát triển, nhiều đô thị mới ra đời với tốc độ nhanh, mật độ dân cư ngày càng cao. Cùng với sự phát triển chung đó chúng ta cần quan tâm đúng mức đến phát triển cơ sở hạ tầng như điện, đường, kho, trạm,... Đồng thời, chúng ta cũng không nên xây dựng các thành phố quá đông dân cư, các khu công nghiệp tập trung mà xây dựng nhiều thành phố vệ tinh và tập trung phát triển mạng giao thông. Xây dựng đường cao tốc phải kết hợp tạo ra những đoạn đường máy bay có thể cất hạ cánh. Xây dựng cầu phải kết hợp cả việc sử dụng các bến phà, bến vượt, trong tương lai chúng ta sẽ xây dựng đường xe điện ngầm ở các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh,... Xây dựng các nhà cao tầng phải tính đến số lượng tầng cao để giảm bớt tổn thất trong chiến tranh ; các công trình lớn của quốc gia như nhà Quốc hội, nhà Trung tâm Hội nghị Quốc gia, văn phòng của các Bộ, ngành,... phải có tầng hầm, thời bình làm kho, nhà xe, thời chiến làm hầm ẩn nấp. Xây dựng các nhà máy thủy điện phải tính đến phòng chống máy bay phá đập gây lũ lụt.

b) Biện pháp chủ động

– Gây nhiễu các trang bị trinh sát của địch, làm giảm hiệu quả trinh sát

Gây nhiễu là một biện pháp cơ bản trong đối kháng trinh sát, nhằm làm giảm hoặc suy yếu hiệu quả các thiết bị trinh sát của địch, khiến chúng không thể phát huy tác dụng. Một số biện pháp gây nhiễu có thể vận dụng :

+ Tích cực phá hoại hệ thống trinh sát của địch. Có thể sử dụng đòn tiến công của tên lửa đất đối không, đòn phản kích của binh lực mặt đất hoặc tiến hành gây nhiễu điện tử, hạn chế và phá hoại trinh sát kỹ thuật của địch. Tổ chức bắn rơi máy bay trinh sát điện tử của địch sẽ hạn chế rất nhiều việc sử dụng vũ khí điều khiển chính xác của chúng.

+ Sử dụng tổng hợp nhiều thủ đoạn thực hiện gây nhiễu chế áp lại địch, nhưng phải chuẩn bị chu đáo, nhất là thời cơ và đối tượng gây nhiễu, bởi vì, khi gây nhiễu cũng chính là lúc ta lại bị bộc lộ, địch sẽ trinh sát định vị lại ta, ta cần bố trí các đài gây nhiễu ở nơi hiểm yếu và di chuyển liên tục. Lập các mạng, các trung tâm thông tin giả hoạt động đồng thời với thông tin thật để thu hút hoạt động trinh sát và chế áp điện tử của địch, che đậy tín hiệu công tác thực của ta.

+ Hạn chế năng lượng bức xạ từ về hướng ăng ten thu trinh sát của địch bằng cách sử dụng công suất phát hợp lí, chọn vị trí đặt ăng ten sao cho có địa hình che chắn về phía địch trinh sát, phân bố mật độ liên lạc hợp lí, không tạo ra dấu hiệu bất thường, thay đổi thường xuyên quy ước liên lạc, mã hoá các nội dung điện, chọn tần số gần tần số làm việc của địch ; tăng công suất máy phát, sử dụng ăng ten có hệ số khuếch đại cao, rút ngắn cự li thông tin...

+ Dùng hoả lực hoặc xung lực đánh vào những chỗ hiểm yếu, nhằm phá huỷ các đài phát, tiêu diệt nguồn gây nhiễu của địch.

– Nắm chắc thời cơ, chủ động đánh địch từ xa, phá thế tiến công của địch

Cần phải trinh sát nắm địch chặt chẽ, chính xác và có quyết tâm sử dụng lực lượng hợp lí, nhất là phát huy khả năng của lực lượng vũ trang địa phương, lực lượng đặc công, pháo binh chuyên trách tiến công địch. Sử dụng tổng hợp, các loại vũ khí có trong biên chế của lực lượng phòng không ba thứ quân. Kết hợp sử dụng vũ khí thô sơ, vũ khí tương đối hiện đại để đánh địch, rèn luyện ý chí chiến đấu quyết đánh và biết thắng vũ khí công nghệ cao của địch. Huấn luyện nâng cao trình độ cho các lực lượng phòng không ba thứ quân. Làm cho mỗi người lính, mỗi người dân biết sử dụng thành thạo các vũ khí có trong tay để bắn máy bay và tên lửa của địch trong tầm bắn hiệu quả khi nó bay qua khu vực đóng quân của đơn vị mình, địa phương mình.

Thực hiện tốt các giải pháp nêu trên, dù kẻ địch tiến công bằng hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao từ hướng nào, khu vực nào, sử dụng vũ khí công nghệ cao đến mức nào chúng ta cũng đánh trả có hiệu quả làm vô hiệu hoá vũ khí công nghệ cao của địch, đập tan ý chí xâm lược của kẻ thù.

– Lợi dụng đặc điểm đồng bộ của hệ thống vũ khí công nghệ cao, đánh vào mắt xích then chốt

Tập trung lực lượng đánh vào những hệ thống có tác dụng bảo đảm và điều hành, gây ra sự hỗn loạn và làm mất khả năng sử dụng vũ khí công

nghe cao hoặc sự phối hợp nhịp nhàng giữa hệ thống vũ khí công nghệ cao với các hệ thống vũ khí thông thường khác.

Mặt khác, vũ khí công nghệ cao có thể đồng thời sử dụng cả trên bộ, trên biển và trên không, do vậy phải tổ chức đánh địch từ xa. Sử dụng các thủ đoạn tập kích, đặc biệt có thể vận dụng đặc công, pháo binh chuyên trách, dân quân tự vệ tập kích, phá hoại vùng địch hậu, tập kích tung thâm... phá huỷ các hệ thống phòng, các căn cứ trọng yếu của chúng, khiến chúng bị tê liệt khi tác chiến. Có thể lợi dụng thời tiết khắc nghiệt như mưa, mù, bão gió... để tập kích vào các hệ thống vũ khí công nghệ cao.

– Cơ động phòng tránh nhanh, đánh trả kịp thời chính xác

Khi cơ động phòng tránh phải thực hiện tốt các yêu cầu bí mật, cơ động nhanh, đến đúng địa điểm, thời gian, sẵn sàng chiến đấu cao.

Để thực hiện được mục đích đó, công tác tổ chức chuẩn bị phải chu đáo, có kế hoạch cơ động, di chuyển chặt chẽ. Khi cơ động phải tận dụng địa hình, rừng cây, khe suối..., hạn chế khả năng trinh sát, phát hiện bằng các phương tiện trinh sát hiện đại của địch. Xác định nhiều đường cơ động, có đường chính, đường dự bị, đường nghi binh và tổ chức ngụy trang.

Phòng tránh, đánh trả địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao là vận dụng tổng hợp các giải pháp, biện pháp, các hoạt động một cách có tổ chức của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong chuẩn bị và thực hành phòng tránh, đánh trả bảo đảm an toàn cho nhân dân và các thành phần lực lượng, giữ vững sản xuất, đời sống, sinh hoạt, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Phòng tránh, đánh trả tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch là hai mặt của một vấn đề, có quan hệ, tác động lẫn nhau một cách biện chứng, đan xen nhau. Phòng tránh tốt là điều kiện để đánh trả có hiệu quả. Đánh trả có hiệu quả tạo điều kiện để phòng tránh an toàn và chúng ta cần hiểu rằng trong phòng tránh có đánh trả, trong đánh trả có phòng tránh. Như vậy, phòng tránh tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch là một biện pháp có ý nghĩa chiến lược để bảo toàn lực lượng, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản, là một yếu tố quan trọng để giành thắng lợi. Thực tiễn trong những năm chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ trước đây, công tác phòng không nhân dân đã có vị trí vai trò to lớn trong việc bảo vệ nhân dân, bảo vệ các mục tiêu quan trọng của miền Bắc.

Những kinh nghiệm tổ chức phòng tránh trong chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của địch trước đây và các cuộc chiến tranh gần đây của Mĩ và đồng minh vào Irắc, Nam Tư... là những kinh nghiệm rất bổ ích, chúng ta có cơ sở để tin tưởng rằng, chúng ta sẽ tổ chức tốt công tác phòng tránh tiến công bằng vũ khí cao của địch trong tình hình mới.

Trong phòng tránh phải triệt để tận dụng ưu thế địa hình tự nhiên để cải tạo và xây dựng công trình phòng tránh theo một ý định chiến lược chung trên phạm vi toàn quốc, trên từng hướng chiến dịch, chiến lược, trên từng địa bàn cụ thể, từng khu vực phòng thủ địa phương. Bố trí lực lượng phương tiện phân tán, nhưng hoả lực phải tập trung, công trình phải luôn kết hợp chặt chẽ giữa nguy trang che giấu với hoạt động nghi binh, xây dựng phải dựa vào khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) và tăng cường cơ động trong chiến đấu.

Đối với đánh trả tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch, nhằm tiêu diệt, phá thế tiến công của địch, bảo vệ chủ quyền, bảo vệ các mục tiêu quan trọng của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ sản xuất,... Đánh trả có hiệu quả là vấn đề cốt lõi nhất của phòng tránh, đánh trả, là biện pháp tích cực nhất, chủ động nhất để bảo vệ chủ quyền đất nước, bảo vệ mục tiêu, bảo toàn lực lượng chiến đấu.

Với điều kiện và khả năng của ta, việc tổ chức đánh trả phải có trọng điểm, đúng đối tượng, đúng thời cơ. Đánh trả địch bằng mọi lực lượng, mọi loại vũ khí, trang bị, thực hiện đánh rộng khắp, từ xa đến gần, ở các độ cao, các hướng khác nhau. Ta đánh địch bằng sức mạnh tổng hợp, ta đánh địch bằng thế, thời, lực, mưu,...

Về phương pháp, chúng ta phải kết hợp chặt chẽ giữa đánh địch với cơ động, nguy trang, nghi binh, phòng tránh bảo tồn lực lượng. Về lực lượng, chúng ta có lực lượng phòng không ba thứ quân và không quân, lực lượng pháo binh, tên lửa, lực lượng đặc công,... và hoả lực súng bộ binh tham gia.

Với những thành phần như vậy, có thể đánh các mục tiêu trên không, các mục tiêu mặt đất, mặt nước nơi xuất phát các đòn tiến công hoả lực của địch, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Trong đó, tổ chức xây dựng thế trận phòng tránh đánh trả tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch đáp ứng yêu cầu hiểm, chắc, có chiều sâu, cơ động linh hoạt, rộng khắp, kết hợp với thế trận khu vực phòng thủ địa phương. Phải xác định các khu vực, mục tiêu bảo vệ trọng điểm, đối tượng đánh trả, khu vực đánh trả, hướng đánh trả chủ yếu cho các lực lượng tham gia đánh trả.

Trong thực hành đánh trả địch, phải vận dụng một cách linh hoạt các hình thức tác chiến, chiến thuật, phương pháp hoạt động chiến đấu khác nhau cho từng lực lượng, như lực lượng phòng không ba thứ quân có thể vừa chốt bảo vệ mục tiêu, vừa cơ động phục kích đón lõng, kết hợp vừa phòng tránh vừa đánh trả. Đối với lực lượng không quân, pháo binh, tên lửa, hải quân có thể vận dụng linh hoạt các phương pháp tác chiến của quân, binh chủng có hiệu quả nhất, phù hợp với điều kiện tình hình địch, ta như đánh chặn, đánh đòn tập kích, đánh hiệp đồng,...

Ngoài những vấn đề trên, chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống phòng thủ dân sự, đây là nhiệm vụ chiến lược rất quan trọng của nền quốc phòng toàn dân, là hệ thống các biện pháp phòng thủ quốc gia. Từng địa phương và cả nước, được tiến hành trong thời bình và thời chiến, nhằm bảo vệ nhân dân, bảo vệ nền kinh tế, duy trì sản xuất và đời sống nhân dân trong đó bảo vệ nhân dân là nội dung quan trọng nhất. Nếu việc tổ chức phòng thủ dân sự không tốt, không có giải pháp để phòng chống vũ khí công nghệ cao, không những chỉ tổn thất về người mà còn dẫn đến hoang mang, dao động, giảm sút ý chí quyết tâm kháng chiến của mỗi người dân, từng địa phương và cả nước.

Ngày nay, nếu cuộc chiến tranh xảy ra sẽ là cuộc chiến tranh sử dụng vũ khí công nghệ cao, diễn ra trên không gian nhiều chiều, tiến tuyến và hậu phương không phân định rõ ràng như trước đây. Do vậy, ở các thành phố, thị xã, thị trấn nơi tập trung đông dân cư và các cơ sở kinh tế lớn chủ yếu là sơ tán, còn các trọng điểm khác có thể phân tán, sơ tán gần. Các cơ sở sản xuất lớn của Trung ương có thể phải sơ tán xa hơn, chủ yếu dựa vào các hang động ở rừng núi để sản xuất phục vụ chiến tranh.

Hệ thống công trình phòng thủ dân sự gồm hệ thống hầm hố ẩn nấp cho cá nhân, cho các hộ gia đình, các công trình bảo đảm sản xuất, bảo đảm sinh hoạt, bảo đảm lương thực, thực phẩm của tập thể, hộ gia đình triển khai ở các cơ quan, nhà ga, bến cảng, kho nhiên liệu, xăng dầu được tiến hành ngay từ thời bình thông qua kế hoạch kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế ở từng địa phương và trong phạm vi cả nước.

Kết luận

Phương thức phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao là một vấn đề lớn của cả đất nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Để phòng chống địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao trong chiến tranh tương lai có hiệu quả, đòi hỏi phải có sự tham gia của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, của cả hệ thống chính trị trên tất cả các lĩnh vực từ nhận thức đến hành động. Chúng ta phải luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng phòng chống địch tiến công hoả lực có hiệu quả trong mọi tình huống. Mọi công tác chuẩn bị của các cấp, các ngành và của người dân phải được chuẩn bị ngay từ thời bình, chống chủ quan, coi nhẹ, luôn luôn theo dõi chặt chẽ, đánh giá đúng, chính xác âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao và những phát triển mới về vũ khí trang bị, phương pháp tác chiến trong chiến tranh tương lai của địch. Công tác chuẩn bị phải chu đáo từ thể trận phòng tránh, đánh trả, đến công tác huấn luyện, diễn tập cách phòng chống tiến công hoả lực của địch bằng vũ khí công nghệ cao.

Với kinh nghiệm và truyền thống, với sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, trong điều kiện mới chúng ta tin tưởng có đầy đủ khả năng để đối phó với tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trong phòng chống vũ khí công nghệ cao bằng biện pháp thụ động, tại sao phải tổ chức bố trí lực lượng phân tán ?
2. Anh (chị) hiểu về mối quan hệ giữa cơ động phòng tránh với đánh trả tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao của địch như thế nào ?
3. Vấn đề phòng thủ dân sự với phòng chống tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai.

Bài 7

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Nhằm trang bị cho học sinh những nội dung cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng.

– Làm chuyển biến nhận thức, nâng cao trách nhiệm công dân trong xây dựng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng, nâng cao trách nhiệm đạt kết quả tốt trong học tập.

II - NỘI DUNG

1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

a) Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

– *Khái niệm*

Dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát li sản xuất, công tác, là một bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lí, điều hành của Chính phủ và của uỷ ban nhân dân các cấp, sự chỉ đạo, chỉ huy thống nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của cơ quan quân sự địa phương.

Lực lượng này được tổ chức ở xã, phường, thị trấn gọi là dân quân ; được tổ chức ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội (gọi chung là cơ quan, tổ chức) gọi là tự vệ.

– *Vai trò của dân quân tự vệ*

Dân quân tự vệ là một lực lượng chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; là lực lượng nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và phong trào toàn dân đánh giặc trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và trong thời bình tại địa phương. Trong tình hình hiện nay, chúng ta phải đối phó với chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ và sẵn sàng chiến đấu chống mọi tình huống chiến tranh xâm lược của các thế lực thù địch thì vai trò của dân quân tự vệ càng được coi trọng.

Lực lượng dân quân tự vệ là một trong những công cụ chủ yếu để bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, trực tiếp ở từng địa phương bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước ở cơ sở.

Đánh giá vai trò dân quân tự vệ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói "Dân quân tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là lực lượng vô địch, là bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ thù nào dù hung bạo đến đâu hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó thì địch nào cũng phải tan rã".

Trong thời bình, dân quân tự vệ là lực lượng đông đảo tham gia xây dựng kinh tế, phát triển địa phương và cả nước ; là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, phối hợp với các lực lượng khác đấu tranh làm thất bại chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ, phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống thiên tai, địch hoạ bảo đảm an toàn cho nhân dân.

Trong thời chiến, dân quân tự vệ làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, chiến đấu, tiêu hao, tiêu diệt lực lượng, phương tiện của địch, căng kéo, kìm chân, buộc địch phải sa lầy tại địa phương ; vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật, các thủ đoạn chiến đấu, tạo thế, tạo lực cho bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương chiến đấu, tham gia phục vụ chiến đấu giữ vững thế trận chiến tranh nhân dân.

- Nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

Điều 7 của Pháp lệnh Dân quân tự vệ năm 2004, xác định có 5 nhiệm vụ :

+ Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc bảo vệ địa phương, cơ sở.

+ Phối hợp với quân đội, công an và các lực lượng khác bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa, chính quyền, tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước, của tổ chức ở cơ sở, tính mạng và tài sản của cá nhân, tổ chức người nước ngoài, các mục tiêu, các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

+ Xung kích trong bảo vệ sản xuất, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, địch hoạ và các sự cố nghiêm trọng khác.

+ Vận động nhân dân thực hiện mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ; tích cực thực hiện các chương trình phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương, góp phần xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Những nhiệm vụ trên được quy định trong Pháp lệnh Dân quân tự vệ. Đó là những nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên trong mọi giai đoạn cách mạng, đối với mọi tổ chức dân quân tự vệ. Đồng thời là phương hướng, mục tiêu cơ bản chỉ đạo xây dựng và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ.

b) Nội dung xây dựng dân quân tự vệ

– *Phương châm xây dựng* : Xây dựng dân quân tự vệ theo hướng "vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính".

+ *Vững mạnh* : Được thể hiện là chất lượng phải toàn diện cả về chính trị tư tưởng, tổ chức, trình độ chính trị, quân sự và chuyên môn nghiệp vụ, biên chế trang bị hợp lí, thống nhất, có kỉ luật nghiêm, cơ động nhanh sẵn sàng chiến đấu tốt. Mỗi tổ chức dân quân tự vệ phải luôn vững vàng.

+ *Rộng khắp* : Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng ở hầu hết các làng, bản, xóm, ấp xã, phường, các tổ chức kinh tế, chính trị xã hội, ở đâu có tổ chức Đảng, chính quyền và có dân, đều phải tổ chức dân quân tự vệ, kể cả các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Trường hợp các doanh nghiệp ngoài quốc doanh không đủ điều kiện (không có tổ chức Đảng) tổ chức dân quân tự vệ nếu có yêu cầu thì giám đốc doanh nghiệp đề nghị và được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) đồng ý thì công dân được tham gia dân quân tự vệ ở địa phương (nơi cư trú). Giám đốc doanh nghiệp phải bảo đảm thời gian và tạo điều kiện cho công nhân tham gia dân quân tự vệ.

+ *Coi trọng chất lượng là chính* : Chỉ tuyển chọn đưa vào đội ngũ những công dân có lí lịch rõ ràng, có hộ khẩu thường trú tại địa phương, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, chấp hành đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các quy định ở địa phương, có sức khỏe phù hợp.

– *Tổ chức, biên chế, trang bị của lực lượng dân quân tự vệ* :

Tổ chức, biên chế, vũ khí, trang bị của lực lượng dân quân tự vệ phải phù hợp với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng – an ninh thời bình, thời chiến, đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và điều kiện cụ thể của từng bộ, ngành, địa phương và cơ sở.

+ *Về tổ chức* :

Dân quân tự vệ được tổ chức thành 2 lực lượng : lực lượng nòng cốt (lực lượng chiến đấu) và lực lượng rộng rãi (lực lượng phục vụ chiến đấu).

Lực lượng dân quân tự vệ nông cốt : Bao gồm dân quân tự vệ bộ binh, binh chủng và dân quân tự vệ biển (đối với vùng biển), được tổ chức thành lực lượng cơ động và lực lượng tại chỗ. Đối với xã (phường) thuộc địa bàn trọng điểm về quốc phòng an ninh, biên giới ven biển, hải đảo có yêu cầu chiến đấu cao thì được xem xét tổ chức lực lượng dân quân thường trực.

Nhiệm vụ của lực lượng cơ động là chiến đấu, tiêu hao, tiêu diệt, chi viện cho lực lượng chiến đấu tại chỗ, khi cần thiết có thể cơ động chiến đấu trên địa bàn địa phương khác. Nhiệm vụ của lực lượng chiến đấu tại chỗ là chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu trên địa bàn địa phương theo kế hoạch, phương án, khi cần có thể tăng cường cho lực lượng chiến đấu cơ động.

Lực lượng dân quân tự vệ rộng rãi : Gồm cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ nông cốt đã hoàn thành nghĩa vụ dân quân tự vệ và công dân trong độ tuổi quy định (nam từ đủ 18 đến hết 45 nữ từ đủ 18 đến hết 40 tuổi).

Nhiệm vụ phục vụ chiến đấu, vận chuyển tiếp tế, khắc phục hậu quả chiến đấu, bảo vệ và sơ tán nhân dân.

Về quy mô : Tổ chức từ cấp tổ, tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn (cấp đại đội ở xã, phường lớn ; cấp tiểu đoàn ở các doanh nghiệp nhà nước do quân khu trở lên quy định).

+ *Biên chế* : Biên chế dân quân tự vệ được thống nhất trong toàn quốc. Số lượng cán bộ cán bộ chiến sĩ từng đơn vị do Bộ Quốc phòng quy định.

+ *Về cơ cấu và chức năng của cán bộ quân sự cơ sở, phân đội* : Cơ cấu biên chế ban Chỉ huy quân sự được tổ chức ở xã, phường, thị trấn, các doanh nghiệp của địa phương và các ngành của nhà nước gồm 3 người : chỉ huy trưởng, chính trị viên và phó chỉ huy trưởng. Ban Chỉ huy quân sự cơ sở chịu trách nhiệm làm tham mưu giúp cấp uỷ, chính quyền cấp mình tổ chức triển khai công tác hoạt động dân quân tự vệ. Cấp xã, phường, thị trấn chỉ huy trưởng là thành viên uỷ ban nhân dân, là đảng viên, thường nằm trong cơ cấu cấp uỷ địa phương. Các cơ sở khác, chỉ huy trưởng có thể kiêm nhiệm hoặc không kiêm nhiệm. Bí thư đảng uỷ, bí thư chi bộ các cơ sở kiêm chính trị viên chịu trách nhiệm về công tác đảng, công tác chính trị trong dân quân tự vệ. Phó chỉ huy trưởng ở xã phường là cán bộ chuyên trách, các phó chỉ huy cơ sở còn lại là chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Xã đội trưởng, chính trị viên xã đội, xã đội phó và tương đương do chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm theo đề nghị của uỷ ban nhân dân cấp xã sau khi đã thống nhất với huyện đội trưởng. Thôn đội trưởng, trung đội trưởng, tiểu đội trưởng và khẩu đội trưởng dân quân tự vệ do Huyện đội trưởng bổ nhiệm theo đề nghị của của xã đội trưởng. Cơ cấu cán bộ tiểu đoàn, đại đội, gồm chỉ huy trưởng,

chính trị viên, phó chỉ huy trưởng. Cấp trung đội, tiểu đội và tương đương có một cấp trưởng, một cấp phó.

+ *Vũ khí, trang bị của dân quân tự vệ* : Vũ khí, trang bị cho dân quân tự vệ từ các nguồn do Bộ Quốc phòng cấp, các địa phương tự chế tạo hoặc thu được của địch. Song, dù từ nguồn nào, vũ khí trang bị đó cũng đều là tài sản của nhà nước giao cho dân quân tự vệ quản lí. Do vậy, phải được đăng kí, quản lí, bảo quản chặt chẽ ; sử dụng đúng mục đích và đúng quy định của pháp luật.

– *Giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự đối với dân quân tự vệ*

+ *Giáo dục chính trị* : Giáo dục chính trị cho lực lượng dân quân tự vệ là một nội dung quan trọng hàng đầu, nhằm làm cho dân quân tự vệ nâng cao nhận thức về chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức cách mạng trong sáng. Trên cơ sở đó phát huy tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ, bảo vệ quê hương, làng xóm, địa phương, đơn vị mình.

Nội dung giáo dục cần tập trung không ngừng tăng cường bản chất cách mạng và ý thức giác ngộ giai cấp cho cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ, trên cơ sở đó, thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng, nhận rõ bản chất, âm mưu thủ đoạn của kẻ thù. Giáo dục truyền thống dân tộc, tinh thần yêu nước, yêu chế độ xã hội chủ nghĩa ; mục tiêu lí tưởng của Đảng ; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà đảng và nhân dân ta lựa chọn ; quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ củng cố quốc phòng – an ninh, chống "Diễn biến hoà bình" bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch ; công tác quốc phòng địa phương, xây dựng lực lượng nhân dân. Một số nội dung cơ bản về Hiến pháp, pháp luật, Pháp lệnh về Dân quân tự vệ, nội dung phương pháp tiến hành vận động quần chúng,...

+ *Huấn luyện quân sự* : Hằng năm, lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện theo nội dung, chương trình do Bộ Quốc phòng quy định, nội dung huấn luyện phải phù hợp và sát với cơ sở do Chỉ huy quân sự địa phương các cấp xác định cụ thể. Huấn luyện toàn diện cả chiến thuật, kĩ thuật, cả bộ binh và các binh chủng, chuyên môn kĩ thuật,... Thời gian huấn luyện theo quy định của pháp lệnh.

c) Một số biện pháp xây dựng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

– Thường xuyên giáo dục, quán triệt sâu rộng các quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân quân tự vệ.

– Phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn để xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.

– Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

– Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng dân quân tự vệ.

Tóm lại : Dân quân tự vệ là lực lượng chiến đấu tại chỗ ở địa phương, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân ở cơ sở, là thành phần không thể thiếu của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn ~~quân~~ và của cả hệ thống chính trị trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

a) Khái niệm, vị trí vai trò, những quan điểm nguyên tắc

– *Khái niệm :* Lực lượng dự bị động viên gồm quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật đã xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội nhằm duy trì tiềm lực quân sự, là yếu tố góp phần quyết định sự thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Quân nhân dự bị gồm sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị. Phương tiện kỹ thuật gồm phương tiện vận tải, làm đường, xếp dỡ, thông tin liên lạc, y tế và một số phương tiện khác. Danh mục phương tiện kỹ thuật do Chính phủ quy định.

Quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật trong kế hoạch biên chế cho lực lượng thường trực của quân đội, thông qua các đơn vị dự bị động viên. Trong thời bình, lực lượng dự bị động viên được đăng kí, quản lí, huấn luyện theo chương trình quy định và sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

– *Vị trí, vai trò công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên :*

Công tác xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên giữ vị trí rất quan trọng trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ; là một trong những nhiệm vụ cơ bản nhất góp phần xây dựng tiềm lực quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, bảo đảm nguồn nhân lực bổ sung, mở rộng lực lượng quân đội khi chuyển đất nước sang trạng thái chiến tranh.

Lực lượng dự bị động viên phối hợp chặt chẽ với dân quân tự vệ, công an... làm tăng thêm sức mạnh chiến đấu trên các địa bàn trong khu vực phòng thủ, bảo đảm sự vững chắc của thế trận quốc phòng ở địa phương, cơ sở.

Công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên là biểu hiện quán triệt quan điểm về sự kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sự kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế với nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng, quốc phòng với kinh tế.

Lực lượng dự bị động viên được xây dựng để bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội. Lực lượng dự bị động viên được xây dựng tốt sẽ làm nòng cốt cho cả xây dựng, phát triển kinh tế – xã hội và cả trong thực hiện chiến lược quốc phòng – an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

b) Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

– Xây dựng lực lượng dự bị động viên bảo đảm số lượng đủ, chất lượng cao, xây dựng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm

Việc tổ chức xây dựng lực lượng dự bị động viên ở nước ta là một vấn đề hệ trọng, quan hệ đến vận mệnh của quốc gia, đặc biệt khi phải đối phó với chiến tranh quy mô lớn. Do đó, ngay từ thời bình, phải xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu theo kế hoạch đã xác định mới có khả năng giành thắng lợi khi có lệnh động viên.

Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải có chất lượng cao. Chất lượng cao được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực : chính trị, tinh thần, tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy, trình độ kỹ thuật, chiến thuật, chuyên môn nghiệp vụ, trang bị, khả năng bảo đảm hậu cần kỹ thuật. Vì vậy, để có chất lượng cao, yêu cầu đầu tiên là phải xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ, trong đó tập trung vào khâu quản lý, giáo dục, tạo nguồn.

Cùng với xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải nâng cao trình độ toàn diện cho cán bộ, chiến sĩ. Việc huấn luyện quân sự cho lực lượng dự bị động viên phải được tiến hành nghiêm túc theo chương trình quy định của Bộ Quốc phòng.

– Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị

Xây dựng lực lượng dự bị động viên là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, là cuộc vận động chính trị sâu sắc trong quần chúng để thực hiện nghĩa vụ bảo vệ chế độ. Sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối, về mọi mặt của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, được thể chế hoá bằng các văn bản pháp luật của cơ quan lập pháp, sự điều hành của Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp, sự hiệp đồng thực hiện giữa các đơn vị quân đội, cơ quan quân sự với các cơ quan trong hệ thống chính quyền,

các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội,... và sự chăm lo xây dựng của toàn xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dự bị động viên là từ Trung ương đến cơ sở, được thể hiện trên tất cả các mặt công tác, từ bước chuẩn bị đến thực hành nhiệm vụ động viên.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị của toàn xã hội và của mọi công dân để xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh. Đó là yếu tố cơ bản nhất luôn bảo đảm cho lực lượng dự bị động viên có số lượng hợp lí, chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu trong mọi tình huống.

– Xây dựng lực lượng dự bị động viên đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng các cấp ở địa phương, bộ, ngành

Xuất phát từ vị trí, tầm quan trọng của việc xây dựng lực lượng dự bị động viên như trên, nên việc xây dựng lực lượng dự bị động viên phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng. Đây là nguyên tắc cơ bản nhằm bảo đảm cho lực lượng này luôn có nội dung, phương hướng, mục tiêu xây dựng đúng đắn, nhằm bảo đảm sức mạnh của quân đội đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng lực lượng dự bị động viên được thể hiện trên tất cả các khâu, các bước, từ chuẩn bị đến thực hành động viên lực lượng.

c) Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

– Tạo nguồn, đăng kí, quản lí lực lượng dự bị động viên

+ *Tạo nguồn* là cơ sở quan trọng nhất để lập kế hoạch xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.

Biện pháp tạo nguồn đối với sĩ quan dự bị, cơ quan quân sự địa phương quản lí chắc số sĩ quan phục viên, xuất ngũ. Hằng năm, lựa chọn những đồng chí tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, phẩm chất năng lực tốt đưa họ vào tạo nguồn. Số cán bộ chuyên môn kĩ thuật của nền kinh tế quốc dân (y tế, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải...) có thể phục vụ lợi ích quốc phòng khi có chiến tranh. Hằng năm, tuyển chọn số hạ sĩ quan có phẩm chất năng lực tốt trước khi xuất ngũ cho đi huấn luyện, đào tạo họ thành sĩ quan dự bị. Sinh viên nam từ các trường đại học, sau khi tốt nghiệp được đào tạo thành sĩ quan dự bị. Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện liên kết đào tạo theo nhu cầu chuyên môn kĩ thuật. Sau khi tốt nghiệp có thể chuyển một số sang quân đội, số còn lại đưa vào ngạch lực lượng dự bị động viên. Đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự phục viên xuất ngũ, có đủ điều kiện về phẩm chất năng lực, sức khỏe đưa họ

vào nguồn. Ngoài ra, đưa cả số thanh niên đã được tuyển chọn xếp vào diện sẵn sàng nhập ngũ, nhưng chưa nhập ngũ vào nguồn quân nhân dự bị.

+ *Đăng kí quản lí nguồn* : Việc đăng kí, quản lí lực lượng dự bị động viên phải có kế hoạch thường xuyên, chặt chẽ và chính xác, đăng kí quản lí cả con người và phương tiện kĩ thuật.

Đối với quân nhân dự bị, được tiến hành đăng kí, quản lí tại nơi cư trú, do Ban Chỉ huy quân sự xã (phường), Ban Chỉ huy quân sự huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) thực hiện. Đăng kí quản lí phải chính xác theo từng chuyên ngành quân sự, độ tuổi, loại sức khoẻ, hoàn cảnh gia đình, trình độ văn hoá, nhận thức về chính trị, trình độ hiểu biết về quân sự, chuyên môn, nghiệp vụ. Đối với phương tiện kĩ thuật, phải đăng kí, quản lí chính xác thường xuyên cả số lượng, chất lượng, tình trạng kĩ thuật của từng phương tiện.

+ *Tổ chức, biên chế đơn vị dự bị động viên* : Tổ chức, biên chế lực lượng dự bị động viên là tổ chức sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kĩ thuật thành từng đơn vị dự bị động viên theo kế hoạch để quản lí, huấn luyện nâng cao khả năng sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu. Các đơn vị dự bị động viên phải duy trì đủ quân số, trang bị và phương tiện kĩ thuật. Hiện nay, đơn vị dự bị động viên được tổ chức theo các loại hình : đơn vị biên chế thiếu, đơn vị biên chế khung thường trực, đơn vị không có khung thường trực, đơn vị biên chế đủ và đơn vị chuyên môn thời chiến. Khi sắp xếp quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên phải theo nguyên tắc :

Sắp xếp người có trình độ chuyên nghiệp quân sự, chuyên môn kĩ thuật phù hợp với chức danh biên chế, nếu thiếu thì sắp xếp người có trình độ chuyên nghiệp quân sự, chuyên môn kĩ thuật tương ứng.

Sắp xếp quân nhân dự bị hạng một trước, nếu thiếu thì sắp xếp quân nhân dự bị hạng hai. Sắp xếp những quân nhân dự bị cư trú gần nhau vào từng đơn vị.

– *Giáo dục chính trị, huấn luyện diễn tập, kiểm tra đơn vị dự bị động viên*

+ *Giáo dục chính trị* : Giáo dục chính trị là nhiệm vụ hàng đầu trong xây dựng lực lượng dự bị động viên, làm cho cán bộ chiến sĩ nâng cao nhận thức về chính trị, có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định mục tiêu, lí tưởng.

Nội dung giáo dục : Căn tập trung vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quan điểm quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng dự bị động viên, âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng, truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc ta.

Giáo dục chính trị phải thường xuyên liên tục cho tất cả các đối tượng ; được thực hiện xen kẽ trong từng giai đoạn, từng đợt huấn luyện, diễn tập.

+ *Công tác huấn luyện* : Phương châm huấn luyện : "*Chất lượng, thiết thực, hiệu quả, tập trung có trọng tâm, trọng điểm*". Nội dung huấn luyện gồm kỹ thuật bộ binh, binh chủng ; chiến thuật từng người đến cấp đại đội, công tác hậu cần, băng bó cứu thương và hoạt động chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ. Có thể huấn luyện tập trung tại các đơn vị dự bị động viên hoặc phân tán tại các địa phương, cơ sở. Cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt những phương pháp huấn luyện thích hợp sát đối tượng, sát thực tế.

Hàng năm, sau khoá huấn luyện, lực lượng dự bị động viên sẽ tham gia hợp luyện, diễn tập. Kết thúc diễn tập, tổ chức rút kinh nghiệm để kịp thời bổ sung, nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục trong các đơn vị.

Cùng với huấn luyện diễn tập, chế độ kiểm tra thực hiện nhiệm vụ được tiến hành theo quy định nhằm giúp lãnh đạo, chỉ huy nắm được thực trạng tổ chức, xây dựng lực lượng dự bị động viên để có chủ trương, biện pháp sát đúng.

+ *Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính cho xây dựng lực lượng dự bị động viên* : Vật chất kỹ thuật, kinh phí là yếu tố rất quan trọng để bảo đảm xây dựng lực lượng dự bị động viên gồm vũ khí trang bị, hậu cần kỹ thuật và tài chính. Yêu cầu phải bảo đảm đúng mức, đủ để triển khai xây dựng lực lượng dự bị động viên chất lượng ngày càng cao.

Việc bảo đảm vật chất, kinh phí hàng năm do Chính phủ giao chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể cho các bộ ngành, địa phương thực hiện.

d) Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên

– Thường xuyên giáo dục sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về vị trí, nhiệm vụ, những quan điểm của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng dự bị động viên.

– Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự và các cơ quan chức năng làm tham mưu và tổ chức thực hiện.

– Thường xuyên củng cố, kiện toàn, bồi dưỡng cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên.

– Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng dự bị động viên.

Tóm lại, xây dựng lực lượng dự bị động viên trí hết sức quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đó là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị ở nước ta.

3. Động viên công nghiệp quốc phòng

a) Khái niệm, nguyên tắc, yêu cầu động viên công nghiệp quốc phòng

– *Khái niệm* : Động viên công nghiệp quốc phòng là huy động một phần hoặc toàn bộ năng lực sản xuất, sửa chữa trang bị cho quân đội của doanh nghiệp công nghiệp ngoài lực lượng quốc phòng, nhằm huy động mọi nguồn lực của đất nước hoặc một số địa phương,... phục vụ cho quốc phòng, nhằm giành thế chủ động, bảo toàn, phát huy tiềm lực mọi mặt của quốc gia, duy trì, ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân, giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trong mọi tình huống, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Khái niệm trên thể hiện khái quát một số nội dung chính sau đây :

+ Động viên công nghiệp quốc phòng được chuẩn bị từ thời bình, là việc làm thường xuyên từ Trung ương đến địa phương.

+ Động viên công nghiệp quốc phòng không áp dụng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Có thể tổng động viên hoặc động viên cục bộ : Chiến tranh tương lai nếu xảy ra là một cuộc chiến tranh hiện đại, đối phương chủ yếu sử dụng vũ khí công nghệ cao, bất ngờ, tiến công từ xa vào các mục tiêu trọng yếu trên phạm vi cả nước, bằng pháo binh, không quân, tên lửa hành trình... Vì vậy, động viên công nghiệp quốc phòng chúng ta phải được chuẩn bị từ thời bình, bảo đảm cho đất nước luôn ở trạng thái sẵn sàng đáp ứng được với mọi tình huống.

– Nguyên tắc động viên công nghiệp quốc phòng

+ Động viên công nghiệp quốc phòng được tiến hành trên cơ sở năng lực sản xuất, sửa chữa đã có của các doanh nghiệp công nghiệp, Nhà nước chỉ đầu tư thêm trang thiết bị chuyên dùng để hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị cho quân đội.

+ Việc lựa chọn, giao nhiệm vụ động viên công nghiệp quốc phòng cho các doanh nghiệp công nghiệp phải bảo đảm tính đồng bộ theo nhu cầu sản xuất, sửa chữa trang bị của quân đội và phù hợp với năng lực sản xuất, sửa chữa trang bị của doanh nghiệp.

+ Nhà nước bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp công nghiệp, người lao động trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp quốc phòng.

– Yêu cầu động viên công nghiệp quốc phòng

+ Chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp quốc phòng phải bảo đảm bí mật, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, đúng kế hoạch, nhanh chóng tăng cường sức mạnh về mọi mặt, sẵn sàng đối phó với các tình huống chiến tranh.

Đây là yêu cầu cơ bản, có tính quyết định đến kết quả hoàn thành nhiệm vụ động viên công nghiệp quốc phòng. Trước hết về kế hoạch động viên công nghiệp quốc phòng của các cấp, theo quy định của Nhà nước thuộc tài liệu tuyệt mật, vì vậy việc xây dựng, quản lý, khai thác kế hoạch phải tuân thủ chặt chẽ theo quy định của pháp luật ; các doanh nghiệp công nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện chế độ quản lý, sử dụng, bảo mật theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, việc bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả là một yêu cầu rất quan trọng, nhất là trong điều kiện ngân sách bảo đảm cho động viên công nghiệp quốc phòng của Nhà nước và Bộ Quốc phòng còn nhiều hạn hẹp. Khi có lệnh thực hành động viên công nghiệp, nếu không bảo đảm đủ số lượng, đúng thời gian quy định theo kế hoạch được giao sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ của quân đội.

+ Chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp quốc phòng phải bảo đảm cho yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của các địa phương trong thời chiến. Đây là một yêu cầu rất quan trọng trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp xuất phát từ vị trí, vai trò quan trọng của các địa phương trong thế trận quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Trên đây là yêu cầu cơ bản, có tính quyết định đến kết quả của công tác động viên công nghiệp quốc phòng. Vì vậy, kế hoạch động viên công nghiệp quốc phòng của các cấp các ngành phải theo đúng quy định của nhà nước thuộc tài liệu mật, phải tuân thủ chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

b) Một số nội dung động viên công nghiệp quốc phòng

– Chuẩn bị động viên công nghiệp quốc phòng

+ Khảo sát, lựa chọn doanh nghiệp công nghiệp có khả năng sản xuất, sửa chữa trang bị, nội dung khảo sát gồm :

Đặc điểm tình hình ; cơ cấu tổ chức, số lượng, chất lượng cán bộ, công nhân, viên chức và những người lao động khác ; nhiệm vụ sản xuất, công suất thiết kế, công suất thực tế ; số lượng, chất lượng trang thiết bị hiện có ;

phương hướng sản xuất và đổi mới công nghệ. Căn cứ vào nhu cầu sản xuất, sửa chữa trang bị của quân đội và kết quả khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của các doanh nghiệp công nghiệp, Chính phủ quyết định các doanh nghiệp công nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp quốc phòng.

+ Xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp quốc phòng, nội dung gồm :

Quyết định của Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổng công ti ; kế hoạch thông báo quyết định động viên công nghiệp quốc phòng ; quyết định di chuyển địa điểm ; kế hoạch chỉ huy điều hành ; kế hoạch bảo đảm vật tư cho sản xuất, sửa chữa trang bị theo chỉ tiêu động viên công nghiệp quốc phòng ; kế hoạch nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ phục vụ động viên công nghiệp quốc phòng (nếu có) theo quy định của pháp luật về công tác nghiên cứu khoa học ; kế hoạch bảo đảm kinh phí cho động viên công nghiệp quốc phòng.

Trên cơ sở kế hoạch của cấp trên, các doanh nghiệp công nghiệp lập kế hoạch động viên công nghiệp quốc phòng cho doanh nghiệp mình.

Nội dung gồm : Kế hoạch bảo dưỡng trang thiết bị do Nhà nước giao ; kế hoạch thông báo quyết định động viên công nghiệp quốc phòng ; kế hoạch di chuyển địa điểm ; kế hoạch chỉ huy điều hành ; kế hoạch bảo đảm vật tư cho sản xuất, sửa chữa trang bị theo chỉ tiêu động viên công nghiệp quốc phòng ; kế hoạch sản xuất, sửa chữa trang bị ; kế hoạch ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ phục vụ động viên công nghiệp (nếu có) theo quy định của pháp luật về công tác nghiên cứu khoa học ; kế hoạch bảo đảm kinh phí.

+ Giao chỉ tiêu động viên công nghiệp quốc phòng.

+ Hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị.

+ Quản lí, duy trì dây chuyền sản xuất.

+ Bồi dưỡng chuyên môn cho người lao động và diễn tập động viên công nghiệp quốc phòng.

+ Dự trữ vật chất.

c) Thực hành động viên công nghiệp quốc phòng

Thực hành động viên công nghiệp quốc phòng gồm :

– Quyết định và thông báo quyết định động viên công nghiệp quốc phòng (do Chính phủ quy định).

– Tổ chức di chuyển địa điểm đối với doanh nghiệp công nghiệp phải di chuyển.

- Tổ chức bảo đảm vật tư, tài chính.
- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa trang bị.
- Giao, nhận sản phẩm động viên công nghiệp quốc phòng.

d) Một số biện pháp chính thực hiện động viên công nghiệp quốc phòng

– Nhà nước, Chính phủ chỉ đạo chặt chẽ các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, tổng công ti, thực hiện nghiêm Pháp lệnh Động viên công nghiệp quốc phòng. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, tổng công ti phối hợp hiệp đồng chặt chẽ thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ động viên công nghiệp quốc phòng.

– Các Bộ, cơ quan ngang bộ, các địa phương, các tổng công ti cần quán triệt sâu sắc cho cán bộ, công nhân viên về Pháp lệnh, Nghị định, các văn bản hướng dẫn về động viên công nghiệp quốc phòng của Nhà nước, Chính phủ.

– Các doanh nghiệp công nghiệp được lựa chọn và giao chỉ tiêu động viên công nghiệp quốc phòng cần chủ động lập kế hoạch động viên công nghiệp quốc phòng và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, chỉ tiêu trên giao.

Tóm lại, động viên công nghiệp là một vấn đề lớn có tính chiến lược của quốc gia để đất nước chủ động trong mọi tình huống trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, hơn lúc nào hết ngay từ thời bình, công tác động viên công nghiệp quốc phòng phải được sự quan tâm một cách đầy đủ của toàn xã hội.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phương châm xây dân quân tự vệ theo hướng "vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính", anh (chị) hiểu vấn đề này như thế nào ? Tại sao phải coi trọng chất lượng là chính ?
2. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên hiện nay như thế nào ? Là học sinh, anh (chị) có suy nghĩ gì để góp phần nâng cao chất lượng tạo nguồn dự bị động viên ở các địa phương trong tình hình hiện nay ?
3. Những nguyên tắc động viên công nghiệp quốc phòng của Đảng và Nhà nước ta như thế nào ? Hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta hiện nay và trong tương lai có tác động như thế nào đến tổ chức và thực hành động viên công nghiệp ?

Bài 8

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam : những nội dung chủ yếu về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của nước ta trong tình hình hiện nay.

– Nâng cao lòng tự hào yêu nước và ý thức trách nhiệm công dân trong việc góp phần xây dựng, bảo vệ và giữ gìn toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

II - NỘI DUNG

Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền. Lãnh thổ Việt Nam là một chỉnh thể thống nhất, bất khả xâm phạm, với diện tích đất liền là 331.689 km², với 4.550 km đường biên giới, là nơi sinh sống của trên 85 triệu dân thuộc 54 dân tộc anh em đoàn kết trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam⁽¹⁾.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, bên cạnh những thuận lợi, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những nguy cơ, thách thức. Các thế lực thù địch chưa từ bỏ âm mưu can thiệp vào công việc nội bộ, gây mất ổn định chính trị – xã hội, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước ta.

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay. Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung đặc biệt quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng xác định : "Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện ; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa ; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hoá và an ninh xã hội ;

⁽¹⁾ Số liệu điều tra năm 2007.

duy trì trật tự kỉ cương, an toàn xã hội ; giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ⁽¹⁾.

1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia

a) Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

Quốc gia là thực thể pháp lí bao gồm ba yếu tố cấu thành : lãnh thổ, dân cư và quyền lực công cộng. Quốc gia là chủ thể căn bản nhất của luật quốc tế. Chủ quyền quốc gia là đặc trưng cơ bản, quan trọng nhất của quốc gia. Theo luật pháp quốc tế hiện đại, tất cả các quốc gia đều bình đẳng về chủ quyền.

Quốc gia có khi được dùng để chỉ một nước hay đất nước. Hai khái niệm đó có thể được dùng thay thế cho nhau.

Lãnh thổ quốc gia là phạm vi không gian được giới hạn bởi biên giới quốc gia, thuộc chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ của một quốc gia. Lãnh thổ quốc gia Việt Nam bao gồm : Vùng đất quốc gia, vùng biển quốc gia (nội thủy và lãnh hải), vùng trời quốc gia, ngoài ra còn gồm lãnh thổ quốc gia đặc biệt.

Vùng đất quốc gia (kể cả các đảo và quần đảo) là phần mặt đất và lòng đất của đất liền (lục địa), của đảo, quần đảo thuộc chủ quyền một quốc gia ; bộ phận quan trọng nhất cấu thành nên lãnh thổ quốc gia, làm cơ sở để xác định vùng trời quốc gia, nội thủy, lãnh hải. Vùng đất quốc gia có thể gồm những lục địa ở những điểm khác nhau (tách rời nhau), nhưng các vùng đất đó đều thuộc lãnh thổ thống nhất của quốc gia ; hoặc cũng có thể chỉ bao gồm các đảo, quần đảo ở ngoài biển hợp thành quốc gia quần đảo. Việt Nam là một quốc gia nằm trên bán đảo Đông Dương, ven biển Thái Bình Dương, có vùng đất quốc gia vừa là đất liền, vừa là đảo, vừa là quần đảo, bao gồm từ đỉnh Lũng Cú, Hà Giang đến mũi Cà Mau ; các đảo như Phú Quốc, Cái Lân... và quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Việt Nam có ba mặt trông ra biển : Đông, Nam và Tây Nam, với bờ biển dài 3.260 km, từ Móng Cái đến Hà Tiên. Phần Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam mở rộng về phía Đông và Đông Nam, có thêm lục địa, các đảo và quần đảo lớn nhỏ bao bọc. Riêng Vịnh Bắc Bộ đã tập trung một quần thể gần 3.000 hòn đảo trong khu vực Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long ; các đảo Cát Hải,

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 108 – 109.

Cát Bà, Bạch Long Vĩ ; xa hơn là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ; phía Tây Nam và Nam có các nhóm đảo Côn Sơn, Phú Quốc và Thổ Chu.

Nội thủy là vùng biển nằm ở phía trong của đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải. Đường cơ sở là đường gãy khúc nối liền các điểm được lựa chọn tại gần nước thủy triều thấp nhất dọc theo bờ biển và các đảo gần bờ do Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác định và công bố⁽¹⁾. Vùng nước thuộc nội thủy có chế độ pháp lí như lãnh thổ trên đất liền. Nội thủy của Việt Nam bao gồm : Các vùng nước phía trong đường cơ sở ; vùng nước cảng được giới hạn bởi đường nối các điểm nhô ra ngoài khơi xa nhất của các công trình thiết bị thường xuyên là bộ phận hữu cơ của hệ thống cảng.

Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở, có chế độ pháp lí như lãnh thổ đất liền. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển. Trong lãnh hải, tàu thuyền của các quốc gia khác được hưởng quyền qua lại không gây hại và thường đi theo tuyến phân luồng giao thông biển của nước ven biển. Lãnh hải của Việt Nam bao gồm lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo. Nước ta có thêm lục địa rộng lớn, là vùng đất và lòng đất đáy biển kéo dài tự nhiên từ lãnh thổ đất liền ra đến bờ ngoài của rìa lục địa, giới hạn 200 hải lí tính từ đường cơ sở lãnh hải. Việt Nam có chủ quyền và quyền tài phán quốc gia đối với thêm lục địa ; chủ quyền của nước ta đối với thêm lục địa là đương nhiên, không phụ thuộc vào việc có tuyên bố hay không.

Lãnh thổ quốc gia đặc biệt là loại lãnh thổ đặc thù của một quốc gia tồn tại hợp pháp trong lãnh thổ một quốc gia khác hoặc trên vùng biển, vùng trời quốc tế. Ví dụ như trụ sở làm việc và nơi ở của cơ quan đại diện ngoại giao.

Vùng trời quốc gia là khoảng không gian phía trên lãnh thổ quốc gia ; là bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia và thuộc chủ quyền hoàn toàn của quốc gia đó. Việc làm chủ vùng trời quốc gia trên vùng lãnh thổ quốc gia đặc biệt được thực hiện theo quy định chung của cộng ước quốc tế.

Chủ quyền quốc gia là quyền làm chủ một cách độc lập, toàn vẹn và đầy đủ về mọi mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp của một quốc gia trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia đó. Quốc gia thể hiện chủ quyền của mình trên mọi phương diện kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao.

⁽¹⁾ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Biên giới quốc gia*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 9.

Tất cả các nước, không tính đến quy mô lãnh thổ, dân số, chế độ xã hội, đều có chủ quyền quốc gia. Chủ quyền quốc gia là đặc trưng chính trị và pháp lí thiết yếu của một quốc gia độc lập, được thể hiện trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và trong hệ thống pháp luật quốc gia. Tôn trọng chủ quyền quốc gia là một nguyên tắc cơ bản của Luật pháp Quốc tế. Hiến chương Liên hợp quốc khẳng định nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia ; không một quốc gia nào được can thiệp hoặc khống chế, xâm phạm chủ quyền của một quốc gia khác.

Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là một bộ phận của chủ quyền quốc gia, khẳng định quyền làm chủ của quốc gia đó trên vùng lãnh thổ của mình. Mỗi nước có toàn quyền định đoạt mọi việc trên lãnh thổ của mình, không được xâm phạm lãnh thổ và can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia dừng lại ở biên giới quốc gia ; mọi tư tưởng và hành động thể hiện chủ quyền quốc gia vượt quá biên giới quốc gia của mình đều là hành động xâm phạm chủ quyền của các quốc gia khác và trái với Công ước Quốc tế. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là tuyệt đối, bất khả xâm phạm ; tôn trọng chủ quyền lãnh thổ quốc gia là nguyên tắc cơ bản trong quan hệ và Luật pháp Quốc tế.

b) Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia

Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là thực hiện tổng thể các giải pháp, biện pháp trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại và quốc phòng, an ninh nhằm thiết lập và bảo đảm quyền làm chủ một cách độc lập, toàn vẹn và đầy đủ về mọi mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp của quốc gia trong phạm vi lãnh thổ, bao gồm vùng đất, vùng trời, nội thuỷ, lãnh hải và lãnh thổ đặc biệt của quốc gia. Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là sử dụng tổng hợp các lực lượng và biện pháp chống lại sự xâm phạm, phá hoại dưới mọi hình thức để giữ gìn toàn vẹn chủ quyền nhà nước đối với lãnh thổ quốc gia. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam là yêu cầu tất yếu, là nhiệm vụ quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nội dung của việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam gồm :

- Xây dựng, phát triển mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại và quốc phòng, an ninh của đất nước.
- Xác lập và bảo vệ quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp của Việt Nam trên mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong phạm vi lãnh thổ của mình.

– Bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bao gồm vùng đất, vùng trời, nội thủy, lãnh hải và lãnh thổ đặc biệt của Việt Nam ; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại, vi phạm chủ quyền, xâm phạm lãnh thổ của Việt Nam.

– Bảo vệ sự thống nhất lãnh thổ của đất nước, thống nhất về quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Đấu tranh làm thất bại mọi hành động chia cắt lãnh thổ Việt Nam ; mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch cả bên trong lẫn bên ngoài hòng phá hoại quyền lực tối cao của Việt Nam.

Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia gắn bó chặt chẽ và đặt trong tổng thể chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Làm tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là trực tiếp góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

a) Biên giới quốc gia

Luật Biên giới quốc gia của Việt Nam năm 2003 xác định : "Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt phẳng thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam"⁽¹⁾.

Biên giới quốc gia của Việt Nam được xác định bằng hệ thống các mốc quốc giới trên thực địa, được đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ và thể hiện bằng mặt phẳng thẳng đứng theo lãnh thổ Việt Nam. Biên giới quốc gia Việt Nam bao gồm biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không, trong lòng đất.

Biên giới quốc gia trên đất liền là phân định lãnh thổ trên bề mặt đất liền của vùng đất quốc gia. Trong thực tế, biên giới quốc gia trên đất liền được xác lập dựa vào các yếu tố địa hình (núi, sông, suối, hồ nước, thung lũng...) ; thiên văn (theo kinh tuyến, vĩ tuyến) ; hình học (đường lối liền các điểm quy ước). Biên giới quốc gia trên đất liền được xác lập trên cơ sở thoả thuận giữa các quốc gia có lãnh thổ tiếp giáp với nhau và được thể hiện

⁽¹⁾ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Biên giới quốc gia*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 8.

bằng các điều ước hoạch định biên giới giữa các quốc gia liên quan. Việt Nam có đường biên giới quốc gia trên đất liền dài 4.550 km tiếp giáp với Trung Quốc ở phía Bắc, với Lào và Campuchia ở phía Tây, phía Đông giáp Biển Đông.

Biên giới quốc gia trên biển là phân định lãnh thổ trên biển giữa các quốc gia có bờ biển liền kề hay đối diện nhau ; là ranh giới phía ngoài của lãnh hải. Biên giới quốc gia trên biển của quốc gia quần đảo là đường biên giới quốc gia phân định lãnh thổ quốc gia với biển cả. Đối với các đảo của một quốc gia nằm ngoài phạm vi lãnh hải của quốc gia, biên giới quốc gia trên biển là đường ranh giới phía ngoài của lãnh hải bao quanh đảo.

Biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam, được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

Biên giới quốc gia trên không là biên giới phân định vùng trời giữa các quốc gia liền kề hoặc các vùng trời quốc tế, được xác định bởi mặt phẳng thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên trên vùng trời. Trong điều kiện khoa học và công nghệ phát triển, việc xác lập biên giới quốc gia trên không có ý nghĩa ngày càng quan trọng trong việc thực hiện chủ quyền đối với vùng trời quốc gia. Đến nay chưa có quốc gia nào quy định độ cao cụ thể của biên giới quốc gia trên không.

Biên giới quốc gia trong lòng đất là phân định lãnh thổ quốc gia trong lòng đất phía dưới vùng đất quốc gia, nội thủy và lãnh hải, được xác định bởi mặt phẳng thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất. Độ sâu cụ thể của biên giới trong lòng đất được xác định bằng độ sâu mà kĩ thuật khoan có thể thực hiện. Đến nay, chưa có quốc gia nào quy định độ sâu cụ thể của biên giới trong lòng đất.

Khu vực biên giới là vùng lãnh thổ tiếp giáp biên giới quốc gia có quy chế, quy định đặc biệt do Chính phủ ban hành nhằm bảo vệ an toàn biên giới. Khu vực biên giới Việt Nam bao gồm : khu vực biên giới trên đất liền gồm xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia Việt Nam trên đất liền ; khu vực biên giới quốc gia Việt Nam trên biển được tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo ; khu vực biên giới trên không gồm phần không gian dọc theo biên giới quốc gia có chiều rộng 10km tính từ biên giới Việt Nam trở vào.

b) Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là thực hiện tổng thể các biện pháp để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường, lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới ; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới. Do vị trí địa lí và chính trị, trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, việc xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia luôn là một vấn đề đặc biệt quan trọng đối với sự ổn định và phát triển đất nước. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là một nội dung của xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, là một biện pháp hiệu quả chống lại sự xâm phạm chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Trong hoà bình, bảo vệ biên giới quốc gia là tổng thể các biện pháp mà hệ thống chính trị, xã hội, các lực lượng vũ trang khu vực biên giới áp dụng nhằm tuần tra, giữ gìn nguyên vẹn, chống lại sự xâm phạm biên giới quốc gia. Bộ đội Biên phòng là lực lượng chuyên trách và làm nòng cốt trong bảo vệ biên giới quốc gia. Khi có xung đột hoặc chiến tranh, các biện pháp bảo vệ biên giới quốc gia được thể hiện rõ qua các trạng thái sẵn sàng chiến đấu : thường xuyên, tăng cường và cao.

Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003 xác định : "Xây dựng, quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lí. Nhà nước và nhân dân thực hiện kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại"⁽¹⁾. Xây dựng, bảo vệ bao gồm các nội dung sau :

– Ưu tiên đầu tư xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện về chính trị, kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh ; có chính sách ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân khu vực biên giới định cư ổn định, phát triển và sinh sống lâu dài ở khu vực biên giới ; điều chỉnh dân cư theo yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội và củng cố quốc phòng – an ninh khu vực biên giới.

– Tăng cường, mở rộng quan hệ đối ngoại các cấp trên khu vực biên giới ; phát triển kinh tế đối ngoại, tăng cường hợp tác nhiều mặt nhằm xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng.

– Bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Sử dụng tổng hợp các lực lượng và biện pháp của Nhà nước chống lại sự xâm phạm, phá hoại dưới mọi hình thức để giữ gìn toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia.

⁽¹⁾ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Biên giới quốc gia*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 13.

– Bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường. Sử dụng tổng hợp các biện pháp đấu tranh ngăn chặn mọi hành động xâm phạm tài nguyên, đặc biệt là xâm phạm tài nguyên trong lòng đất, trên biển, trên không, thềm lục địa của Việt Nam. Ngăn chặn, đấu tranh với mọi hành động phá hoại, huỷ hoại, gây ô nhiễm môi sinh, môi trường khu vực biên giới, bảo đảm cho người Việt Nam, nhân dân khu vực biên giới có môi trường sinh sống bền vững, ổn định và phát triển lâu dài.

– Bảo vệ lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới. Thực thi quyền lực chính trị tối cao (quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp) của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên khu vực biên giới ; chống lại mọi hành động xâm phạm về lợi ích kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước trên khu vực biên giới. Bảo đảm mọi lợi ích của người Việt Nam phải được thực hiện ở khu vực biên giới theo luật pháp Việt Nam, phù hợp với luật pháp quốc tế và các hiệp định mà Việt Nam kí kết với các nước hữu quan.

– Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới. Đập tan mọi âm mưu và hành động gây mất ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới quốc gia. Đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành động chia rẽ đoàn kết dân tộc, phá hoại sự ổn định, phát triển khu vực biên giới.

– Phối hợp với các nước, đấu tranh ngăn chặn mọi hành động phá hoại tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước láng giềng. Trấn áp mọi hành động khủng bố, tội phạm xuyên biên giới quốc gia.

3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

a) Quan điểm

– *Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được hình thành và phát triển trong quá trình đấu tranh cách mạng của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam ; là sự kế thừa và phát triển mới Tổ quốc, đất nước, dân tộc và con người Việt Nam suốt chiều dài lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước trong điều kiện mới.*

Lãnh thổ và biên giới quốc gia Việt Nam là một bộ phận hợp thành quan trọng, không thể tách rời của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Lãnh thổ và biên giới quốc gia là yếu tố cơ bản bảo đảm cho sự ổn định, bền chắc của đất nước Việt Nam. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

là sự khẳng định chủ quyền của Nhà nước Việt Nam, bao gồm cả quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong phạm vi lãnh thổ, gồm cả vùng đất, vùng trời, nội thủy, lãnh hải và lãnh thổ đặc biệt của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Vì vậy, xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung đặc biệt quan trọng của xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa không thể thành công nếu chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia không được xây dựng và bảo vệ tốt, bị xâm phạm.

– Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam.

Lãnh thổ quốc gia Việt Nam là nơi sinh ra và lưu giữ, phát triển con người và những giá trị của dân tộc Việt Nam. Trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, các thế hệ người Việt Nam đã phải đổ biết bao mồ hôi, xương máu mới xây dựng nên, mới giữ gìn, bảo vệ được lãnh thổ quốc gia toàn vẹn, thống nhất và tươi đẹp như ngày hôm nay. Nhờ đó mà con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam có thể tồn tại, sinh sống, vươn lên và phát triển một cách độc lập, bình đẳng với các quốc gia, dân tộc khác trong cộng đồng quốc tế ; những giá trị, truyền thống, bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam được khẳng định, lưu truyền và phát triển sánh vai với các cường quốc năm châu.

Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là kết quả đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam suốt chiều dài hàng ngàn năm lịch sử. Từ thừa Hùng Vương dựng nước đến thời đại Hồ Chí Minh, đứng trước những kẻ thù to lớn và hung bạo, dân tộc Việt Nam luôn có ý thức và quyết tâm bảo vệ. Dù phải trải qua hàng chục cuộc chiến tranh lớn nhỏ, phải chịu dưới ách đô hộ của các thế lực phong kiến, thực dân, đế quốc, người Việt Nam luôn phát cao hào khí anh hùng, lòng tự hào, tự tôn dân tộc trong dựng nước và giữ nước, xây dựng và giữ gìn biên cương lãnh thổ quốc gia, xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tư tưởng "Sông núi nước Nam vua Nam ở", của ông cha ta được tiếp nối, khẳng định và nâng lên tầm cao mới trong thời đại Hồ Chí Minh.

Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam. Nhà nước Việt Nam, nhân dân Việt Nam quyết tâm giữ gìn và bảo vệ quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm đó. Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khẳng định : "Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Xây dựng, quản lí,

bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế – xã hội, tăng cường quốc phòng và an ninh của đất nước⁽¹⁾.

– Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định ; giải quyết các vấn đề tranh chấp thông qua đàm phán hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau.

Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định là vấn đề đặc biệt quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Quan điểm này phù hợp với lợi ích và luật pháp của Việt Nam, phù hợp với công ước và luật pháp quốc tế, cũng như lợi ích của các quốc gia có liên quan. Đảng và Nhà nước ta coi việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế – xã hội, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa là lợi ích cao nhất của đất nước.

Trong việc giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biên giới, Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán thực hiện quan điểm giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau.

Về những vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trên bộ, trên biển do lịch sử để lại hoặc mới nảy sinh, Đảng và Nhà nước ta khẳng định : "Việt Nam luôn sẵn sàng thương lượng hoà bình để giải quyết một cách có lí, có tình"⁽²⁾. Việt Nam ủng hộ việc giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng trong khu vực thông qua đối thoại, thương lượng hoà bình, không sử dụng vũ lực hay đe dọa sử dụng vũ lực. Nhưng Việt Nam cũng sẵn sàng tự vệ chống lại mọi hành động xâm phạm lãnh thổ đất liền, vùng trời, vùng biển và lợi ích quốc gia của Việt Nam.

Về vấn đề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông, quan điểm nhất quán của Việt Nam là : Việt Nam khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi đối với vùng biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việt Nam có đầy đủ chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lí về vấn đề này. Tuy nhiên, vì lợi ích an ninh chung của các bên hữu quan, Việt Nam sẵn sàng đàm phán hoà bình để giải quyết, trước mắt là đạt tới

⁽¹⁾ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Biên giới quốc gia*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 7.

⁽²⁾ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Quốc phòng Việt Nam*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2004, tr. 14.

sự thoả thuận về "Bộ quy tắc ứng xử" trong khi tiếp tục tìm kiếm giải pháp lâu dài cho vấn đề Biển Đông.

– Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, lực lượng vũ trang là nòng cốt.

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhà nước thống nhất quản lý việc xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia ; có chính sách ưu tiên đặc biệt xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về mọi mặt. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới...

Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt trong nhiệm vụ bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách, phối hợp với lực lượng công an nhân dân, các ngành hữu quan và chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

b) Trách nhiệm công dân trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Mọi công dân Việt Nam đều có nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam

Trách nhiệm của công dân Việt Nam đối với xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam được Nhà nước ban hành cụ thể trong Hiến pháp và luật. Điều 44, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi) quy định : "Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân. Công dân phải làm đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng và an ninh do pháp luật quy định"⁽¹⁾. Điều 1, Luật Nghĩa vụ quân sự chỉ rõ : "Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý của công dân. Công dân phải làm nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân"⁽²⁾. Điều 10, Luật Biên giới

⁽¹⁾ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Hiến pháp Việt Nam năm 1992*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 137.

⁽²⁾ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Nghĩa vụ quân sự*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 9.

quốc gia cũng xác định : "Xây dựng, quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lí".

Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, mọi công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không phân biệt thành phần xã hội, dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hoá, nơi cư trú, phải :

– Có nghĩa vụ và trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi) nêu rõ : "Mọi âm mưu và hành động chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đều bị nghiêm trị theo pháp luật"⁽¹⁾. Đồng thời phải luôn nâng cao ý thức quốc phòng, an ninh, xây dựng ý thức, thái độ và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc ; có những hành động thiết thực góp phần vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

– Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, trước hết thực hiện nghiêm và đầy đủ Luật Quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quân sự, thực hiện nghiêm chỉnh các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. "Công dân phải trung thành với Tổ quốc, làm nghĩa vụ quân sự, được giáo dục về quốc phòng và huấn luyện về quân sự ; tham gia dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự ; chấp hành nghiêm chỉnh các biện pháp của Nhà nước và người có thẩm quyền khi đất nước có tình trạng chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp về quốc phòng"⁽²⁾.

Trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

– Học sinh phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ nhận thức về mọi mặt, hiểu biết sâu sắc về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam ; từ đó xây dựng, củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý chí tự chủ, tự lập, tự cường, nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

⁽¹⁾ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Hiến pháp Việt Nam năm 1992*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 127.

⁽²⁾ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Luật Quốc phòng*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội, 2006, tr. 10.

– Thấy rõ ý nghĩa thiêng liêng, cao quý và bất khả xâm phạm về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ; xác định rõ vinh dự và trách nhiệm của công dân trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– Thực hiện tốt chương trình môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh đối với học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp ; hoàn thành tốt các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự tại trường.

– Sau khi tốt nghiệp, sẵn sàng tự nguyện tham gia quân đội nhân dân, công an nhân dân khi Nhà nước yêu cầu. Tình nguyện tham gia xây dựng và phục vụ lâu dài tại các khu kinh tế – quốc phòng, góp phần xây dựng khu vực biên giới, hải đảo vững mạnh, phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, thực hiện nghiêm chỉnh Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Học sinh đang học tại các trường trung cấp chuyên nghiệp cần nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia đối với sự toàn vẹn, thống nhất lãnh thổ ; quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Trên cơ sở đó, nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân, học tập tốt, thực hiện tốt các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là gì ? Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia như thế nào ?

2. Biên giới quốc gia là gì ? Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là như thế nào ?

3. Trình bày quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Liên hệ trách nhiệm của công dân và học sinh.

Bài 9

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG ĐỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Trang bị cho học sinh những kiến thức chung, cơ bản nhất về dân tộc, tôn giáo, giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước ta hiện nay.

– Nâng cao ý thức, trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả quán triệt, tuyên truyền, thực hiện quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta, cảnh giác đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch.

II - NỘI DUNG

1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

a) Một số vấn đề chung về dân tộc

– *Khái niệm* : Dân tộc là cộng đồng người ổn định, hình thành trong lịch sử, tạo lập một quốc gia, trên cơ sở cộng đồng bền vững về : lãnh thổ quốc gia, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống, văn hoá, đặc điểm tâm lí, ý thức về dân tộc và tên gọi của dân tộc⁽¹⁾. Khái niệm được hiểu :

+ Các thành viên cùng dân tộc sử dụng một ngôn ngữ chung (tiếng mẹ đẻ) để giao tiếp nội bộ dân tộc. Các thành viên cùng chung những đặc điểm sinh hoạt văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần, tạo nên bản sắc văn hoá dân tộc.

+ Dân tộc được hiểu theo nghĩa cộng đồng quốc gia dân tộc, là một cộng đồng chính trị – xã hội, được chỉ đạo bởi một nhà nước, thiết lập trên một lãnh thổ chung, như : dân tộc Việt Nam, dân tộc Trung Hoa...

⁽¹⁾ Bộ Quốc phòng, Trung tâm Từ điển bách khoa quân sự, *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr. 300.

– Tình hình quan hệ dân tộc trên thế giới :

Hiện nay, trước sự tác động của cách mạng khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hoá kinh tế diễn ra mạnh mẽ, làm cho quan hệ giai cấp, dân tộc diễn biến phức tạp, khó lường. Như Đảng ta đã nhận định : trên thế giới, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn trong quan hệ giữa các dân tộc. Toàn cầu hoá và các vấn đề toàn cầu làm cho sự hiểu biết lẫn nhau và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các dân tộc tăng lên, thúc đẩy xu thế khu vực hoá. Đồng thời các dân tộc đề cao ý thức độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, chống can thiệp áp đặt và cường quyền.

Mặt khác, quan hệ dân tộc, sắc tộc hiện nay trên thế giới vẫn diễn ra rất phức tạp, nóng bỏng ở cả phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế. Mâu thuẫn, xung đột dân tộc, sắc tộc, xu hướng li khai, chia rẽ dân tộc đang diễn ra ở khắp các quốc gia, các khu vực, các châu lục trên thế giới... Đúng như Đảng ta nhận định : "Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, li khai, hoạt động khủng bố, những tranh chấp biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp"⁽¹⁾. Vấn đề quan hệ dân tộc, sắc tộc đã gây nên những hậu quả nặng nề về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường cho các quốc gia, đe dọa hoà bình, an ninh khu vực và thế giới.

– Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ chí Minh về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc.

Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc

+ Vấn đề dân tộc là những nội dung nảy sinh trong quan hệ giữa các dân tộc diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội tác động xấu đến mỗi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc, các quốc gia dân tộc với nhau cần phải giải quyết.

Thực chất của vấn đề dân tộc là sự va chạm, mâu thuẫn lợi ích giữa các dân tộc trong quốc gia đa dân tộc và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

+ Vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài. Bởi do dân số và trình độ phát triển kinh tế – xã hội giữa các dân tộc không đều nhau ; do sự khác biệt về lợi ích ; do sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hoá, tâm lí ; do tàn dư tư tưởng dân tộc lớn,

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 73 – 74.

dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc ; do thiếu sót, hạn chế trong hoạch định, thực thi chính sách kinh tế – xã hội của nhà nước cầm quyền ; do sự thống trị, kích động chia rẽ của các thế lực phản động đối với các dân tộc.

Vấn đề dân tộc là vấn đề chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vấn đề dân tộc gắn kết chặt chẽ với vấn đề giai cấp. Giải quyết vấn đề dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

– Giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm của V.I. Lênin.

Đó là các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp giai cấp công nhân tất cả các dân tộc.

+ Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng là các dân tộc không phân biệt lớn, nhỏ, trình độ phát triển cao hay thấp, đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên mọi lĩnh vực trong quan hệ giữa các dân tộc trong quốc gia đa dân tộc và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế ; xoá bỏ mọi hình thức áp bức, bóc lột dân tộc. Quyền bình đẳng dân tộc phải được pháp luật hoá và thực hiện trên thực tế. Đây là quyền thiêng liêng, là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết, xây dựng quan hệ hữu nghị hợp tác giữa các dân tộc.

+ Các dân tộc được quyền tự quyết, là quyền làm chủ vận mệnh của mỗi dân tộc : quyền tự quyết định chế độ chính trị, con đường phát triển của dân tộc mình, bao gồm cả quyền tự do phân lập thành quốc gia riêng và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện, phù hợp với lợi ích chính đáng của các dân tộc. Kiên quyết đấu tranh chống việc lợi dụng quyền tự quyết để can thiệp, chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết dân tộc.

+ Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc là sự đoàn kết công nhân các dân tộc trong phạm vi quốc gia, quốc tế và cả sự đoàn kết quốc tế của các dân tộc, các lực lượng cách mạng dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân để giải quyết tốt vấn đề dân tộc, giai cấp, quốc tế. Đây là nội dung vừa phản ánh bản chất quốc tế của giai cấp công nhân, vừa phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, đảm bảo cho phong trào dân tộc có đủ sức mạnh và khả năng để giành thắng lợi.

– Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc.

Trung thành với quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, bám sát thực tiễn cách mạng, đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có quan điểm dân tộc đúng đắn, góp phần cùng toàn Đảng, lãnh đạo nhân dân ta giải phóng dân tộc ; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc

và đoàn kết quốc tế của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh về nội dung toàn diện, phong phú, sâu sắc, khoa học và cách mạng ; đó là những luận điểm cơ bản chỉ đạo, lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập dân tộc ; xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam và giữa dân tộc Việt Nam với các quốc gia dân tộc trên thế giới.

Khi Tổ quốc bị thực dân Pháp xâm lược, đô hộ, Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường cứu nước, cùng Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức, lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Khi Tổ quốc được độc lập, tự do, Người đã cùng toàn Đảng lãnh đạo nhân dân xây dựng mối quan hệ mới, tốt đẹp giữa các dân tộc : bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển đi lên con đường ấm no, hạnh phúc. Người rất quan tâm chăm sóc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số. Khắc phục tàn dư tư tưởng phân biệt, kì thị dân tộc, tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi. Người quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc. Lên án, vạch trần mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam.

b) Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng Nhà nước ta hiện nay

– Khái quát đặc điểm các dân tộc ở nước ta hiện nay :

Việt Nam là một quốc gia dân tộc thống nhất gồm 54 dân tộc cùng sinh sống. Các dân tộc ở Việt Nam có đặc trưng sau :

Một là, các dân tộc ở Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó xây dựng quốc gia dân tộc thống nhất. Đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở Việt Nam. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, do yêu cầu khách quan của công cuộc đấu tranh chống thiên tai, địch hoạ dân tộc ta đã phải sớm đoàn kết thống nhất. Các dân tộc ở Việt Nam đều có chung cội nguồn, chịu ảnh hưởng chung của điều kiện tự nhiên, xã hội, chung vận mệnh dân tộc, chung lợi ích cơ bản – quyền được tồn tại, phát triển. Đoàn kết thống nhất đã trở thành giá trị tinh thần truyền thống quý báu của dân tộc, là sức mạnh để dân tộc ta tiếp tục xây dựng và phát triển đất nước.

Hai là, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân tán và xen kẽ trên địa bàn rộng lớn, chủ yếu là miền núi, biên giới, hải đảo. Không có dân tộc

thiểu số nào cư trú duy nhất trên một địa bàn mà không xen kẽ với một vài dân tộc khác. Nhiều tỉnh miền núi các dân tộc thiểu số chiếm đa số dân số như : Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Lào Cai, Sơn La, Lai Châu...

Ba là, các dân tộc ở nước ta có quy mô dân số và trình độ phát triển không đều. Theo số liệu điều tra dân số năm 1999, nước ta có 54 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh có 65,9 triệu người, chiếm 86,2% dân số cả nước, 53 dân tộc thiểu số có 10,5 triệu người chiếm 13,8% dân số cả nước. Dân số của các dân tộc thiểu số cũng chênh lệch nhau. Có hai dân tộc có dân số từ 1 triệu người trở lên, có 10 dân tộc có số dân từ 100 ngàn người đến 1 triệu người ; 20 dân tộc có số dân dưới 100 ngàn người ; 16 dân tộc có số dân từ 1 ngàn người đến 10 ngàn người ; 5 dân tộc có số dân dưới 1 ngàn người là : Sila, Púpeo, Romăm, Ođu, và Brâu.

Trình độ phát triển kinh tế – xã hội giữa các dân tộc không đều nhau. Có dân tộc đã đạt trình độ phát triển cao, đời sống đã tương đối khá như dân tộc Kinh, Hoa, Tày, Mường, Thái..., nhưng cũng có dân tộc trình độ phát triển thấp, đời sống còn nhiều khó khăn như một số dân tộc ở Tây Bắc, Tây Nguyên...

Bốn là, mỗi dân tộc ở Việt Nam đều có sắc thái văn hoá riêng, góp phần làm nên sự đa dạng, phong phú, thống nhất của văn hoá Việt Nam. Các dân tộc đều có sắc thái văn hoá về nhà cửa, ăn mặc, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo và ý thức dân tộc riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của văn hoá Việt Nam. Đồng thời các dân tộc cũng có điểm chung thống nhất về văn hoá, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, ý thức quốc gia dân tộc. Sự thống nhất trong đa dạng là đặc trưng của văn hoá các dân tộc ở Việt Nam.

– Quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

Trong các giai đoạn cách mạng, Đảng ta luôn có quan điểm nhất quán : "Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam"⁽¹⁾. Công tác dân tộc ở nước ta hiện nay, Đảng, Nhà nước ta tập trung :

Khắc phục sự cách biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội giữa các dân tộc ; nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, kì thị, chia rẽ dân tộc, lợi dụng vấn đề dân tộc để gây mất ổn định

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 16.

chính trị – xã hội, chống phá cách mạng ; thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp đỡ nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm cho tất cả các dân tộc ở Việt Nam đều phát triển, ấm no, hạnh phúc.

Văn kiện Đại hội X chỉ rõ quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay là : "Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế – xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng ; làm tốt công tác định canh, định cư và xây dựng vùng kinh tế mới. Quy hoạch, phân bố, sắp xếp lại dân cư, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng. củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải gần gũi, hiểu phong tục tập quán, tiếng nói của đồng bào dân tộc, làm tốt công tác dân vận. Chống các biểu hiện kì thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc"⁽¹⁾.

2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

a) Một số vấn đề chung về tôn giáo

– *Khái niệm tôn giáo* : Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan, theo quan niệm hoang đường, ảo tưởng phù hợp với tâm lí, hành vi của con người⁽²⁾.

Trong đời sống xã hội, tôn giáo là một cộng đồng xã hội, với các yếu tố : Hệ thống giáo lí tôn giáo, nghi lễ tôn giáo, tổ chức tôn giáo với đội ngũ giáo sĩ và tín đồ, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động tôn giáo.

– *Cần phân biệt tôn giáo với mê tín dị đoan*. Mê tín dị đoan là những hiện tượng (ý thức, hành vi) cuồng vọng của con người đến mức mê muội, trái với lẽ phải và hành vi đạo đức, văn hoá cộng đồng, gây hậu quả tiêu cực

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 121–122.

⁽²⁾ Bộ Quốc phòng, Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự, *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr. 984.

trực tiếp đến đời sống vật chất, tinh thần của cá nhân, cộng đồng xã hội. Đây là một hiện tượng xã hội tiêu cực, phải kiên quyết bài trừ, nhằm lành mạnh hoá đời sống tinh thần xã hội.

b) Nguồn gốc của tôn giáo

Có nguồn gốc từ các yếu tố kinh tế – xã hội, nhận thức và tâm lí.

– *Nguồn gốc kinh tế – xã hội* : Trong xã hội nguyên thủy, do trình độ lực lượng sản xuất thấp kém, con người cảm thấy yếu đuối, lệ thuộc và bất lực trước tự nhiên. Vì vậy họ đã gán cho tự nhiên những lực lượng siêu tự nhiên có sức mạnh, quyền lực to lớn, quyết định đến cuộc sống và họ phải tôn thờ.

Khi xã hội có giai cấp đối kháng, nạn áp bức, bóc lột, bất công của giai cấp thống trị đối với nhân dân lao động là nguồn gốc nảy sinh tôn giáo. V.I. Lênin đã viết : "Sự bất lực của giai cấp bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống bọn bóc lột tất nhiên dẫn ra lòng tin vào một cuộc đời tốt đẹp hơn ở thế giới bên kia"⁽¹⁾. Hiện nay, con người vẫn chưa hoàn toàn làm chủ tự nhiên và xã hội ; các cuộc xung đột giai cấp, dân tộc, tôn giáo, thiên tai, bệnh tật,... vẫn còn diễn ra, nên vẫn còn nguồn gốc để tôn giáo tồn tại.

– *Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo*. Tôn giáo bắt nguồn từ sự nhận thức hạn hẹp, mơ hồ về tự nhiên, xã hội có liên quan đến đời sống, số phận của con người. Con người đã gán cho nó những sức mạnh siêu nhiên, tạo ra các biểu tượng tôn giáo. Mặt khác, trong quá trình của nhận thức, con người có thể nảy sinh những yếu tố suy diễn, tưởng tượng xa lạ với hiện thực khách quan.

– *Nguồn gốc tâm lí của tôn giáo*. Tình cảm, cảm xúc, tâm trạng lo âu, sợ hãi, buồn chán, tuyệt vọng đã dẫn con người đến sự khuất phục, không làm chủ được bản thân là cơ sở tâm lí để hình thành tôn giáo. Mặt khác, lòng biết ơn, sự tôn kính đối với những người có công khai phá tự nhiên và chống lại các thế lực áp bức trong tình cảm, tâm lí con người cũng là cơ sở để tôn giáo nảy sinh.

– *Tính chất của tôn giáo* : Cũng như các hình thái ý thức xã hội khác, tôn giáo có tính lịch sử, tính quần chúng, tính chính trị.

Tính lịch sử của tôn giáo : Tôn giáo ra đời, tồn tại và biến đổi phản ánh và phụ thuộc vào sự vận động, phát triển của tồn tại xã hội. Tôn giáo còn tồn

⁽¹⁾ V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 12, NXB Tiến bộ, Mátxcova 1979, tr. 169–170.

tại rất lâu dài, nhưng sẽ mất đi khi con người làm chủ hoàn toàn tự nhiên, xã hội và tư duy.

Tính quần chúng của tôn giáo : Tôn giáo phản ánh khát vọng của quần chúng bị áp bức về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái (dù đó là hư ảo). Tôn giáo đã trở thành nhu cầu tinh thần, đức tin, lối sống của một bộ phận dân cư. Hiện nay, một bộ phận không nhỏ quần chúng nhân dân tin theo các tôn giáo.

Tính chính trị của tôn giáo : Xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp. Giai cấp thống trị lợi dụng tôn giáo làm công cụ hỗ trợ để thống trị áp bức bóc lột và mê hoặc dân chúng. Những cuộc chiến tranh tôn giáo đã và đang xảy ra, thực chất vẫn là xuất phát từ lợi ích của những lực lượng xã hội khác nhau lợi dụng tôn giáo để thực hiện mục tiêu chính trị của mình.

c) Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

– Tình hình tôn giáo trên thế giới

Theo Từ điển Bách khoa Tôn giáo thế giới năm 2001, hiện nay trên thế giới có tới 10.000 tôn giáo khác nhau, trong đó khoảng 150 tôn giáo có hơn 1 triệu tín đồ. Những tôn giáo lớn trên thế giới hiện nay gồm có : Kitô giáo (bao gồm Công giáo, Tin Lành, Anh giáo hay Chính thống giáo) có khoảng 2 tỉ tín đồ, chiếm 33% dân số thế giới ; Hồi giáo : 1,3 tỉ tín đồ, chiếm 22% dân số thế giới ; Ấn Độ giáo : 900 triệu tín đồ, chiếm 15% dân số thế giới và Phật giáo : 360 triệu, chiếm 6% dân số thế giới. Như vậy, chỉ tính các tôn giáo lớn đã có 4,2 tỉ người tin theo, chiếm 76% dân số thế giới.

Trong những năm gần đây hoạt động của các tôn giáo khá sôi động, diễn ra theo nhiều xu hướng. Các tôn giáo đều có xu hướng mở rộng ảnh hưởng ra toàn cầu ; các tôn giáo cũng có xu hướng dân tộc hoá, bình dân hoá, mềm hoá các giới luật lễ nghi để thích nghi, tồn tại, phát triển trong từng quốc gia dân tộc ; các tôn giáo cũng tăng các hoạt động giao lưu, thực hiện thêm các chức năng phi tôn giáo theo hướng thế tục hoá, tích cực tham gia các hoạt động xã hội để mở rộng ảnh hưởng làm cho sinh hoạt tôn giáo đa dạng, sôi động và không kém phần phức tạp.

Đáng chú ý là gần đây, xu hướng đa thần giáo phát triển song song với xu hướng nhất thần giáo, tuyệt đối hoá, thần bí hoá giáo chủ đang nổi lên ; đồng thời, nhiều "hiện tượng tôn giáo lạ" ra đời, trong đó có không ít tổ chức tôn giáo là một trong những tác nhân gây xung đột tôn giáo, xung đột dân tộc gay gắt trên thế giới hiện nay. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực

phản động tiếp tục lợi dụng tôn giáo để chống phá, can thiệp vào các quốc gia dân tộc độc lập.

Tình hình, xu hướng hoạt động của các tôn giáo thế giới có tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến sinh hoạt tôn giáo ở Việt Nam. Một mặt, việc mở rộng giao lưu giữa các tổ chức tôn giáo Việt Nam với các tổ chức tôn giáo thế giới đã giúp cho việc tăng cường trao đổi thông tin, xây dựng tinh thần hợp tác hữu nghị, hiểu biết lẫn nhau vì lợi ích của các giáo hội và đất nước ; đấu tranh bác bỏ những luận điệu sai trái, xuyên tạc, vu cáo của các thế lực thù địch với Việt Nam ; góp phần đào tạo chức sắc tôn giáo Việt Nam. Mặt khác, các thế lực thù địch cũng lợi dụng sự mở rộng giao lưu đó để tuyên truyền, kích động đồng bào tôn giáo trong và ngoài nước chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

– Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

Giải quyết vấn đề tôn giáo là một quá trình lâu dài gắn với quá trình phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Để giải quyết tốt vấn đề tôn giáo, cần thực hiện các vấn đề có tính nguyên tắc sau :

Một là, giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định, chỉ có thể giải phóng quần chúng khỏi ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo bằng cách từng bước giải quyết nguồn gốc tự nhiên, nguồn gốc xã hội của tôn giáo. Đó phải là kết quả của sự nghiệp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới một cách toàn diện. Theo đó, giải quyết vấn đề tôn giáo phải sử dụng tổng hợp các giải pháp trên tất cả các lĩnh vực nhằm xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói, dốt nát. Tuyệt đối không được sử dụng mệnh lệnh hành chính cưỡng chế để tuyên chiến, xoá bỏ tôn giáo.

Hai là, tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân, kiên quyết bài trừ mê tín dị đoan

Trong chủ nghĩa xã hội, tôn giáo còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, còn tồn tại lâu dài. Bởi vậy, phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng tôn giáo của công dân. Nội dung cơ bản của quyền tự do tín ngưỡng là : bất kì ai cũng được tự do theo tôn giáo mà mình lựa chọn, tự do không theo tôn giáo, tự do chuyển đạo hoặc bỏ đạo. Nhà nước xã hội chủ nghĩa bảo đảm cho mọi công dân,

không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo đều được bình đẳng trước pháp luật. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Mọi tổ chức và cá nhân đều phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng tôn giáo của công dân. Tôn trọng gắn liền với không ngừng tạo điều kiện cho quần chúng tiến bộ mọi mặt, bài trừ mê tín dị đoan, bảo đảm cho tín đồ, chức sắc tôn giáo hoạt động theo đúng pháp luật.

Ba là, quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo.

Tôn giáo có tính lịch sử, nên vai trò, ảnh hưởng của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội cũng thay đổi theo sự biến đổi của tồn tại xã hội. Bởi vậy, khi xem xét, đánh giá, giải quyết những vấn đề liên quan đến tôn giáo cần phải quán triệt quan điểm lịch sử, cụ thể, tránh giáo điều, máy móc, rập khuôn cứng nhắc. Những hoạt động tôn giáo đúng pháp luật được tôn trọng, hoạt động ích nước lợi dân được khuyến khích, hoạt động trái pháp luật, đi ngược lại lợi ích dân tộc bị xử lý theo pháp luật.

Bốn là, phân biệt rõ mối quan hệ giữa hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo.

Trong xã hội, sinh hoạt tôn giáo tồn tại hai loại mâu thuẫn : Mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp bóc lột và thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại cách mạng với lợi ích của nhân dân lao động, đó là mặt chính trị của tôn giáo. Mâu thuẫn không đối kháng giữa những người có tín ngưỡng khác nhau hoặc giữa người có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng, đó là mặt tư tưởng của tôn giáo.

Cho nên, một mặt phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, mặt khác phải kiên quyết đấu tranh loại bỏ mặt chính trị phản động của các thế lực lợi dụng tôn giáo. Việc phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo nhằm : Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quần chúng nhân dân, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo ; phát huy tinh thần yêu nước của những chức sắc tiến bộ trong các tôn giáo ; kiên quyết vạch trần và xử lý kịp thời theo pháp luật những phần tử lợi dụng tôn giáo để hoạt động chống phá cách mạng.

d) Tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

– Khái quát tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

Việt Nam là quốc gia có nhiều tôn giáo và nhiều người tin theo các tôn giáo. Hiện nay, ở nước ta có 6 tôn giáo lớn : Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo, Cao Đài, Hoà Hảo với số tín đồ lên tới gần 20 triệu.

Trong những năm gần đây các tôn giáo đẩy mạnh hoạt động nhằm phát triển tổ chức, phát huy ảnh hưởng trong đời sống tinh thần xã hội. Các giáo hội đều tăng cường hoạt động mở rộng ảnh hưởng, thu hút tín đồ ; tăng cường quan hệ với các tổ chức tôn giáo thế giới. Các cơ sở tôn giáo được tu bổ, xây dựng mới khang trang đẹp đẽ ; các lễ hội tôn giáo diễn ra sôi động ở nhiều nơi. Đa đa số tín đồ chức sắc tôn giáo hoạt động đúng pháp luật, theo hướng "tốt đời, đẹp đạo".

Tuy nhiên tình hình tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định. Vẫn còn có chức sắc, tín đồ mang tư tưởng chống đối, cực đoan, quá khích gây tổn hại đến lợi ích dân tộc ; vẫn còn các hoạt động tôn giáo xen lẫn với mê tín dị đoan, còn các hiện tượng tà giáo hoạt động làm mất trật tự an toàn xã hội.

Các thế lực thù địch vẫn luôn lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam. Chúng gán vấn đề "dân chủ", "nhân quyền" với cái gọi là "tự do tôn giáo" để chia rẽ tôn giáo, dân tộc ; tài trợ, xúi giục các phần tử xấu trong các tôn giáo truyền đạo trái phép, lôi kéo các tôn giáo vào những hoạt động trái pháp luật, gây mất ổn định chính trị.

– Quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay

Trung thành với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng ta khẳng định : tôn giáo còn tồn tại lâu dài, còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân ; tôn giáo có những giá trị văn hoá, đạo đức tích cực phù hợp với xã hội mới ; đồng bào tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Công tác tôn giáo vừa quan tâm giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa kịp thời đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng.

Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng sống "tốt đời, đẹp đạo", góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo.

Về chính sách tôn giáo, Đảng ta khẳng định : "Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo

tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống "tốt đời, đẹp đạo". Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của nhân dân⁽¹⁾.

3. Đấu tranh phòng chống lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

a) Âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch

Chống phá cách mạng Việt Nam là âm mưu không bao giờ thay đổi của các thế lực thù địch. Hiện nay, chủ nghĩa đế quốc đang đẩy mạnh chiến lược "Diễn biến hoà bình" chống Việt Nam với phương châm lấy chống phá về chính trị, tư tưởng làm hàng đầu, kinh tế là mũi nhọn, ngoại giao làm hậu thuẫn, tôn giáo, dân tộc làm ngòi nổ, kết hợp với bạo loạn lật đổ, uy hiếp, răn đe, gây sức ép về quân sự.

Như vậy, vấn đề dân tộc, tôn giáo là một trong những lĩnh vực trọng yếu mà các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá cách mạng, cùng với việc lợi dụng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng để chuyển hoá chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ; xoá vai trò lãnh đạo của Đảng với toàn xã hội, thực hiện âm mưu "không đánh mà thắng".

Để thực hiện âm mưu chủ đạo đó, chúng lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo nhằm các mục tiêu cụ thể sau :

Trực tiếp phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chia rẽ dân tộc đa số với dân tộc thiểu số và giữa các dân tộc thiểu số với nhau, chia rẽ đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo, giữa đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, hòng làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc.

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 122 – 123.

Kích động các dân tộc thiểu số, tín đồ chức sắc các tôn giáo chống lại chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ; đối lập các dân tộc, các tôn giáo với sự lãnh đạo của Đảng nhằm xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam ; vô hiệu hoá sự quản lí của Nhà nước đối với các lĩnh vực đời sống xã hội, gây mất ổn định chính trị – xã hội, nhất là vùng dân tộc, tôn giáo. Coi tôn giáo là lực lượng đối trọng với Đảng, nhà nước ta, nên chúng thường xuyên hậu thuẫn, hỗ trợ về vật chất, tinh thần để các phần tử chống đối trong các dân tộc, tôn giáo chống đối Đảng, Nhà nước, chuyển hoá chế độ chính trị ở Việt Nam.

Chúng tạo dựng các tổ chức phản động trong các dân tộc thiểu số, các tôn giáo như Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất, Hội thánh Tin Lành Đê Ga, Nhà nước Đê Ga độc lập, Mặt trận giải phóng Khơme Crôm, Mặt trận Champa để tiếp tục chống phá cách mạng Việt Nam.

b) Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch

Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch rất thâm độc, tinh vi, xảo trá, dễ tiện để làm cho người ta tin và làm theo. Chúng thường sử dụng chiêu bài "nhân quyền", "dân chủ", "tự do" ; những vấn đề lịch sử để lại ; những đặc điểm văn hoá, tâm lí của đồng bào các dân tộc, các tôn giáo ; những khó khăn trong đời sống vật chất, tinh thần của các dân tộc, các tôn giáo ; những thiếu sót trong thực hiện chính sách kinh tế – xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước để chống phá cách mạng Việt Nam.

Thủ đoạn đó được biểu hiện cụ thể ở các dạng sau :

Một là, chúng tìm mọi cách xuyên tạc chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước, mà trực tiếp là quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước. Chúng lợi dụng những thiếu sót, sai lầm trong thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo để gây mâu thuẫn, tạo cơ can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

Hai là, chúng lợi dụng những vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, li khai ; kích động, chia rẽ quan hệ lương – giáo và giữa các tôn giáo hòng làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, chúng tập trung phá hoại các cơ sở kinh tế xã hội ; mua chuộc, lôi kéo, ép buộc đồng bào các dân tộc, tôn giáo chống đối chính quyền, vượt biên trái phép, gây mất ổn định chính trị – xã hội, bạo loạn, tạo các điểm nóng để

vu khống Việt Nam đàn áp các dân tộc, các tôn giáo, vi phạm dân chủ, nhân quyền để cô lập, làm suy yếu cách mạng Việt Nam.

Bốn là, chúng tìm mọi cách để xây dựng, nuôi dưỡng các tổ chức phản động người Việt Nam ở nước ngoài ; tập hợp, tài trợ, chỉ đạo lực lượng phản động trong các dân tộc, các tôn giáo ở trong nước hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam như : truyền đạo trái phép để "tôn giáo hoá" các vùng dân tộc, lôi kéo, tranh giành đồng bào dân tộc, gây đối trọng với Đảng, chính quyền. Điển hình là các vụ bạo loạn ở Tây Nguyên năm 2001, 2004, việc truyền đạo Tin Lành trái phép vào các vùng dân tộc thiểu số Tây Bắc, Tây Nguyên.

Âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch rất nham hiểm. Tuy nhiên, âm mưu thủ đoạn đó của chúng có thực hiện được hay không thì không phụ thuộc hoàn toàn vào chúng, mà chủ yếu phụ thuộc vào tinh thần cảnh giác, khả năng ngăn chặn, sự chủ động tiến công của chúng ta.

c) Giải pháp đấu tranh phòng, chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch

Để vô hiệu hoá sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam của các thế lực thù địch thì giải pháp chung cơ bản nhất là thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế – xã hội, mà trực tiếp là chính sách dân tộc, tôn giáo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc, các tôn giáo, củng cố xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Hiện nay, cần tập trung vào những *giải pháp cơ bản, cụ thể* sau :

Một là, ra sức tuyên truyền, quán triệt quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ; về âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch cho toàn dân. Đây là giải pháp đầu tiên, rất quan trọng. Chỉ trên cơ sở nâng cao nhận thức, tư tưởng của cả hệ thống chính trị, của toàn dân mà trực tiếp là của đồng bào các dân tộc, tôn giáo về các nội dung trên, thì chúng ta mới thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, vô hiệu hoá được sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch.

Nội dung tuyên truyền giáo dục phải mang tính toàn diện, tổng hợp. Hiện nay cần tập trung vào phổ biến sâu rộng các chủ trương chính sách phát triển kinh tế – xã hội vùng dân tộc, tôn giáo, chính sách dân tộc, tôn giáo cho đồng bào các dân tộc, các tôn giáo. Phổ biến pháp luật và giáo dục

ý thức chấp hành pháp luật của nhà nước, khơi dậy lòng tự tôn tự hào dân tộc, truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục để đồng bào hiểu rõ âm mưu thủ đoạn chia rẽ dân tộc, tôn giáo, lương giáo của các thế lực thù địch, để đồng bào đề cao cảnh giác không bị chúng lừa gạt lôi kéo lợi dụng. Vận động đồng bào các dân tộc, tôn giáo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, thực hiện đúng chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo.

Hai là, tăng cường xây dựng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị – xã hội. Đây là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao nội lực, tạo nên sức đề kháng trước mọi âm mưu thủ đoạn nham hiểm của kẻ thù. Cần tuân thủ những vấn đề có tính nguyên tắc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh : xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân phải dựa trên nền tảng khối liên minh công – nông – trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện đại đoàn kết phải rộng rãi, lâu dài. Mở rộng, đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Kiên quyết đấu tranh loại trừ nguy cơ phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Riêng đối với vấn đề dân tộc, tôn giáo, trước tiên cần phải thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo. Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, các tôn giáo. Chống kì thị chia rẽ dân tộc, tôn giáo, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, tự ti mặc cảm dân tộc, tôn giáo. Chủ động giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các vùng dân tộc, tôn giáo, bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia. Đây là tiền đề quan trọng để vô hiệu hoá sự chống phá của kẻ thù.

Ba là, chăm lo nâng cao đời sống vật chất tinh thần của đồng bào các dân tộc, các tôn giáo. Đây cũng là một trong những giải pháp quan trọng, xét đến cùng có ý nghĩa nền tảng để vô hiệu hoá sự lợi dụng của kẻ thù. Khi đời sống vật chất, tinh thần được nâng cao, đồng bào sẽ đoàn kết, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, thực hiện tốt quyền lợi, nghĩa vụ công dân thì không kẻ thù nào có thể lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam.

Bởi vậy, phải đẩy nhanh tiến độ và hiệu quả các chương trình, dự án ưu tiên phát triển kinh tế – xã hội miền núi vùng dân tộc, vùng tôn giáo tạo mọi điều kiện giúp đỡ đồng bào các dân tộc, các tôn giáo nhanh chóng xoá đói giảm nghèo nâng cao dân trí, sức khoẻ, bảo vệ bản sắc văn hoá các dân tộc. Khắc phục sự chênh lệch về phát triển kinh tế – xã hội giữa các dân tộc, các tôn giáo ; sự kì thị, chia rẽ dân tộc, tôn giáo. Thực hiện bình đẳng đoàn kết

các dân tộc các tôn giáo phải bằng những hành động thiết thực cụ thể như : ưu tiên đầu tư sức lực, tiền của giúp đồng bào phát triển sản xuất.

Bốn là, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị ; của những người có uy tín trong các dân tộc, tôn giáo tham gia vào phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch. Tích cực xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng dân tộc, vùng tôn giáo. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ cả cán bộ lãnh đạo quản lý và cán bộ chuyên môn kỹ thuật, giáo viên là người dân tộc thiểu số, người có tôn giáo. Bởi đây là đội ngũ cán bộ sở tại có rất nhiều lợi thế trong thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo. Đối mới công tác dân vận vùng dân tộc, tôn giáo theo phương châm : chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, vững chắc ; sử dụng nhiều phương pháp phù hợp với đặc thù từng dân tộc, từng tôn giáo.

Năm là, chủ động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng làm thất bại mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng của các thế lực thù địch ; kịp thời giải quyết tốt các điểm nóng. Cần thường xuyên vạch trần bộ mặt phản động của kẻ thù để nhân dân nhận rõ và không bị lừa bịp. Đồng thời, vận động, bảo vệ đồng bào các dân tộc, tôn giáo để đồng bào tự vạch mặt bọn xấu cùng những thủ đoạn xảo trá của chúng. Phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong cuộc đấu tranh này.

Kịp thời chủ động giải quyết tốt các điểm nóng liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo. Chủ động, phát hiện kịp thời, dập tắt mọi âm mưu, hành động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo kích động lôi kéo đồng bào gây bạo loạn. Khi xuất hiện điểm nóng, cần tìm rõ nguyên nhân, biện pháp giải quyết kịp thời, không để lan rộng, không để kẻ thù lấy cớ can thiệp ; xử lý nghiêm minh theo pháp luật những kẻ cầm đầu, ngoan cố chống phá cách mạng. Đồng thời, kiên trì thuyết phục vận động những người nhẹ dạ, cả tin nghe theo kẻ xấu quay về với cộng đồng ; đối xử khoan hồng, độ lượng, bình đẳng với những người lầm lỗi đã ăn năn hối cải, phục thiện.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về giải quyết vấn đề dân tộc ?
2. Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo ?
3. Âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch ?
4. Những giải pháp cơ bản đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch ?

Bài 10

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ GIỮ GÌN TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Giới thiệu cho học sinh những kiến thức cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

– Trên cơ sở đó nhận thức đúng đắn về nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

II - NỘI DUNG

1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

a) Các khái niệm cơ bản

– "*An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc*"⁽¹⁾. An ninh quốc gia bao gồm an ninh trên các lĩnh vực : chính trị, kinh tế, tư tưởng – văn hoá, xã hội, quốc phòng, đối ngoại... trong đó an ninh chính trị là cốt lõi, xuyên suốt.

– *Bảo vệ an ninh quốc gia* : là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia.

– Hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia là những hành vi xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– Mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia là những đối tượng, địa điểm, công trình, cơ sở về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, khoa học – kĩ thuật, văn hoá, xã hội thuộc danh mục cần được bảo vệ theo quy định của

⁽¹⁾ Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật An ninh quốc gia*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 8.

pháp luật. Bảo vệ an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân. Cơ quan, tổ chức, công dân có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

– *Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm :*

+ Bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

+ Bảo vệ an ninh về tư tưởng và văn hoá, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Bảo vệ an ninh trong lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, đối ngoại và các lợi ích khác của quốc gia.

+ Bảo vệ bí mật nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.

+ Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại và loại trừ các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia.

– *Nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia là :*

+ Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

+ Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lí thống nhất của Nhà nước : huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc, lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia làm nòng cốt.

+ Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế – văn hoá, xã hội ; phối hợp có hiệu quả hoạt động an ninh, quốc phòng với hoạt động đối ngoại.

+ Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

– *Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm :*

+ Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị an ninh, tình báo, cảnh sát, cảnh vệ công an nhân dân.

+ Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị bảo vệ an ninh quân đội, tình báo quân đội nhân dân.

+ Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển là cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia ở khu vực biên giới trên đất liền và trên biển.

– *Các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm :* vận động quần chúng, pháp luật, ngoại giao, kinh tế, khoa học kĩ thuật, nghiệp vụ, vũ trang.

– *Trật tự, an toàn xã hội* : Trạng thái xã hội bình yên trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật, các quy tắc và chuẩn mực đạo đức, pháp lí xác định.

Đấu tranh giữ gìn trật tự an toàn xã hội bao gồm : chống tội phạm ; giữ gìn trật tự nơi cộng cộng ; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông ; phòng ngừa tai nạn ; bài trừ tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường... Bảo vệ trật tự *an toàn xã hội* là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, lực lượng công an nhân dân giữ vai trò nòng cốt và có chức năng tham mưu, hướng dẫn và trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự cộng cộng, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, tham gia phòng ngừa tai nạn, bài trừ tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường.

b) Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

– *Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm* :

+ Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ. Đó là các hoạt động bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ Đảng Cộng sản Việt Nam ; giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt của tổ chức Đảng, Nhà nước ; bảo vệ các cơ quan đại diện, cán bộ, lưu học sinh và người lao động Việt Nam đang công tác, học tập và lao động ở nước ngoài. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá hệ thống chính trị, gây chia rẽ mất đoàn kết, làm tha hoá đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ luôn là nhiệm vụ trọng yếu hàng đầu, thường xuyên và cấp bách của toàn Đảng, toàn dân, của các ngành, các cấp.

+ Bảo vệ an ninh kinh tế. Đó là bảo vệ sự ổn định, phát triển vững mạnh của nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chống các biểu hiện lệch hướng và các hoạt động phá hoại cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, phá hoại nền kinh tế, gây ảnh hưởng tác hại đến lợi ích của quốc gia. Bảo vệ đội ngũ cán bộ quản lí kinh tế, các nhà khoa học, các nhà kinh doanh giỏi không để nước ngoài lôi kéo mua chuộc gây tổn thất hoặc làm chuyển hướng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

+ Bảo vệ an ninh văn hoá, tư tưởng. An ninh văn hoá, tư tưởng là sự ổn định và phát triển bền vững của văn hoá, tư tưởng trên nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo vệ an ninh văn hoá, tư tưởng là bảo vệ sự đúng đắn, vai trò chủ đạo của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong đời sống tinh thần của xã hội ; bảo vệ những giá trị đạo đức truyền thống, bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc ; bảo vệ đội ngũ

văn nghệ sĩ, những người làm công tác văn hoá, văn nghệ. Đấu tranh chống lại sự công kích, bôi nhọ, nói xấu của các thế lực thù địch đối với chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, ngăn chặn các hoạt động truyền bá văn hoá phẩm phản động, đồi trụy, thiếu lành mạnh, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.

+ Bảo vệ an ninh dân tộc. Đó là bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc, đảm bảo cho tất cả các thành viên trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam cùng phát triển theo đúng Hiến pháp, pháp luật của nhà nước ; ngăn ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng dân tộc ít người để làm việc trái pháp luật, kích động gây chia rẽ giữa các dân tộc, xâm hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

+ Bảo vệ an ninh tôn giáo. Bảo vệ an ninh tôn giáo là đảm bảo chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước đối với nhân dân nhưng đồng thời cũng kiên quyết đấu tranh với các đối tượng, thế lực lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng. Thực hiện đoàn kết, bình đẳng giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các tôn giáo, giữa cộng đồng dân cư theo tôn giáo với những người không theo tôn giáo, đảm bảo tốt đời đẹp đạo, phụng sự Tổ quốc.

+ Bảo vệ an ninh biên giới. Biên giới quốc gia là hàng rào pháp lí ngăn cách chủ quyền quốc gia và không gian hợp tác phát triển với các nước mà trước hết là với các nước láng giềng. Vấn đề bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia đang được Đảng, Nhà nước đặt ra như là một nhiệm vụ chiến lược cực kì quan trọng. Bảo vệ an ninh biên giới là bảo vệ nền an ninh, trật tự của Tổ quốc ở khu vực biên giới quốc gia, cả trên đất liền và trên biển, chống các hành vi xâm phạm chủ quyền biên giới từ phía nước ngoài, góp phần xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị với các nước láng giềng theo tinh thần "giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đặc biệt là vùng biển, đảo". Chống các thế lực thù địch lợi dụng việc xuất, nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam để tiến hành các hoạt động chống phá Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Bảo vệ an ninh thông tin. An ninh thông tin là sự an toàn, nhanh chóng, chính xác và bí mật của thông tin trong quá trình xác lập, chuyển tải, thu nhận, xử lí và lưu giữ tin. Bảo vệ an ninh thông tin là một bộ phận quan trọng của công tác bảo vệ an ninh quốc gia nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, bọn tội phạm khác nhằm khai thác, sử dụng hệ thống thông tin liên lạc hoặc tiến hành các hoạt động phá huỷ công trình, phương tiện thông tin

liên lạc gây thiệt hại cho an ninh quốc gia của nước ta ; chống lộ, lọt những thông tin bí mật của nhà nước ; ngăn chặn các hoạt động khai thác thông tin trái phép, dò tìm mật mã, mật khẩu để đánh cắp thông tin trên mạng...

– *Nội dung giữ gìn trật tự, an toàn xã hội :*

+ Đấu tranh phòng, chống tội phạm (trừ các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh).

Đấu tranh phòng, chống tội phạm là việc tiến hành các biện pháp loại trừ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm ; phát hiện để ngăn chặn kịp thời các hành vi phạm tội, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả, tác hại do tội phạm gây ra cho xã hội ; điều tra khám phá tội phạm và người phạm tội để đưa ra xử lý trước pháp luật đảm bảo đúng người, đúng tội ; giáo dục, cải tạo người phạm tội giúp họ nhận thức được lỗi lầm và cố gắng cải tạo tốt, có thể tái hoà nhập cộng đồng xã hội, trở thành người lương thiện, sống có ích cho xã hội.

+ Giữ gìn trật tự nơi công cộng. Trật tự công cộng là trạng thái xã hội có trật tự được hình thành và điều chỉnh bởi các quy tắc, quy phạm nhất định ở những nơi công cộng mà mọi người phải tuân theo. Trật tự công cộng là một mặt của trật tự, an toàn xã hội và có nội dung bao gồm những quy định chung về trật tự, yên tĩnh, vệ sinh, nếp sống văn minh ; sự tuân thủ những quy định của pháp luật và phong tục, tập quán, sinh hoạt được mọi người thừa nhận. Giữ gìn trật tự nơi công cộng chính là giữ gìn trật tự, yên tĩnh chung, giữ gìn vệ sinh chung, duy trì nếp sống văn minh ở những nơi công cộng – nơi diễn ra các hoạt động chung của nhiều người, đảm bảo sự tôn trọng lẫn nhau trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi của mọi người.

+ Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông. Trật tự, an toàn giao thông là trạng thái xã hội có trật tự được hình thành và điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông, vận tải công cộng mà mọi người phải tuân theo khi tham gia giao thông, nhờ đó đảm bảo cho hoạt động giao thông thông suốt, có trật tự, an toàn, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn giao thông gây thiệt hại về người và tài sản. Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông không phải là nhiệm vụ của riêng các lực lượng chức năng (cảnh sát giao thông, thanh tra giao thông công chính...) mà là trách nhiệm của tất cả mọi người khi tham gia giao thông. Đó là việc nắm vững và tuân thủ nghiêm túc Luật Giao thông, mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông phải được xử lý nghiêm khắc, những thiếu sót, yếu kém là nguyên nhân, điều kiện gây ra các vụ tai nạn giao thông phải được khắc phục nhanh chóng.

+ Phòng ngừa tai nạn lao động, chống thiên tai, phòng ngừa dịch bệnh. Chú ý phòng ngừa không để xảy ra tai nạn lao động và luôn luôn phòng chống thiên tai dịch bệnh.

+ Bài trừ các tệ nạn xã hội. Tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội bao gồm những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, có tính phổ biến (từ các hành vi vi phạm những nguyên tắc về lối sống, truyền thống văn hoá, đạo đức, trái với thuần phong mỹ tục, các giá trị xã hội tốt đẹp cho đến các hành vi vi phạm những quy tắc đã được thể chế hoá bằng pháp luật, kể cả pháp Luật Hình sự) ảnh hưởng xấu về đạo đức và gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống cộng đồng. Tệ nạn xã hội bao gồm : mại dâm, nghiện ma tuý, cờ bạc, mê tín dị đoan... Tệ nạn xã hội là cơ sở xã hội của tình trạng phạm tội, là một trong những nguồn gốc phát sinh tội phạm. Phòng, chống tệ nạn xã hội là nhiệm vụ của toàn xã hội, phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, bằng những biện pháp đồng bộ, tích cực, kiên quyết và triệt để.

+ Bảo vệ môi trường. Môi trường có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống của con người, sinh vật và sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước, dân tộc và nhân loại. Bảo vệ môi trường là tập hợp những biện pháp giữ cho môi trường trong sạch, sử dụng hoặc phục hồi một cách hợp lý sinh giới (vi sinh vật, thực vật, động vật) và môi sinh (đất, lòng đất, nước, không khí, khí hậu...), đảm bảo sự cân bằng sinh thái... nhằm tạo ra một không gian tối ưu cho cuộc sống của con người.

2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội

a) Một số nét về tình hình an ninh quốc gia

Trong những năm qua, sau khi Liên Xô – Đông Âu tan rã đã có tác động tiêu cực và tạo thuận lợi cho các hoạt động chống phá của các tổ chức, thế lực phản động cả ở trong nước lẫn bên ngoài. Chúng cho rằng thời cơ đã đến trong lúc chúng ta gặp rất nhiều khó khăn và chúng đã hi vọng vào một cuộc "lật đổ" ở Việt Nam. Chính vì thế mà hoạt động chống phá của các tổ chức và các thế lực phản động nhằm cản trở công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ta cũng có những diễn biến rất phức tạp.

– Trước hết là hoạt động của các tổ chức phản động của người Việt Nam ở nước ngoài. Hiện nay có khoảng 200 tổ chức chính trị phản động người Việt lưu vong tại các nước tư bản núp dưới các danh nghĩa khác nhau bao gồm các tổ chức phản động mang tính chính trị rõ nét, các tổ chức tập hợp bọn nguy quân, nguy quyền, các tổ chức lợi dụng nhân quyền hoặc núp dưới các danh nghĩa "từ thiện". Các tổ chức phản động này có cơ sở vật chất

tương đối khá gồm 50 nhà xuất bản, 500 tờ báo Việt ngữ, 6 chương trình truyền hình, 10 đài phát thanh. Các tổ chức phản động này đều có sự dung túng của chính quyền một số nước tư bản nên có điều kiện về kinh phí, trụ sở để hoạt động. Hiện nay tại các nước như : Mĩ, Pháp, Bỉ, Canada, Ôxtrâyliá,... có các tổ chức phản động lớn như các tổ chức của Võ Văn Ái, Hoàng Cơ Minh, Võ Đại Tôn...

Hầu hết các tổ chức phản động lưu vong này đều kêu gọi các nước cấm vận, trừng phạt Việt Nam bằng mọi thủ đoạn, chúng lợi dụng khó khăn, thiếu sót trong quản lí của ta để thực hiện kế hoạch "chuyển lửa về quê" đưa ra các lời kêu gọi lật đổ và tiếp tay, kích động cho các hoạt động của bọn phản động trong nước.

Cùng với hoạt động của các tổ chức phản động của người Việt lưu vong thì các thế lực thù địch cũng không từ bỏ ý đồ mục đích chống phá cách mạng Việt Nam với nhiều âm mưu, phương thức, thủ đoạn hết sức thâm độc, trong đó nổi bật là hoạt động diễn biến hoà bình với 3 nội dung chủ yếu là : chiếm lĩnh thị trường ngoại giao hữu nghị và khoét sâu mâu thuẫn mà mục đích chính là xoá bỏ Việt Nam, làm thối rữa từ bên trong đi đến thôn tính Việt Nam.

Hoạt động của các tổ chức phản động nội địa như các tổ chức phản động của bọn nguy quân, nguy quyền còn chống đối không chịu cải tạo, cũng như bọn phản động lợi dụng tôn giáo, lợi dụng dân tộc và số cơ hội bất mãn trong những năm qua cũng diễn biến khá phức tạp, nhiều nơi chúng cấu kết với các tổ chức nước ngoài, được các tổ chức nước ngoài cung cấp tài liệu, tiền bạc, vũ khí để tập hợp lực lượng, nhen nhóm tổ chức, tiến hành các vụ gây rối bạo loạn. Một số đối tượng bất mãn viết tin tài liệu nói xấu chống lại Đảng và Nhà nước ta, đòi thay đổi đường lối rồi tán phát qua mạng Internet hoặc phổ biến thông qua các cuộc gặp gỡ với các phóng viên báo chí nước ngoài.

- Tình hình an ninh văn hoá tư tưởng, an ninh kinh tế trong những năm qua còn nhiều bất cập. Phá hoại tư tưởng là một dạng đặc biệt của chiến tranh lạnh, một hình thức chủ yếu trong cuộc đấu tranh tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc chống chủ nghĩa xã hội. Trong những năm qua các hoạt động phá hoại văn hoá tư tưởng được các bọn phản động nhất là bọn phản động bên ngoài tiến hành thông qua hoạt động của các đài phát thanh, mạng Internet. Hiện tại có nhiều đài phát thanh và chương trình do bọn phản động lưu vong tham gia, trong đó có 5 chương trình, 300 báo được thực hiện ở Mĩ,

có 175 tờ báo chống cộng như "Quê mẹ", "Hoa sen", "Công luận" hoạt động phá hoại văn hoá tư tưởng được tiến hành theo các chiến dịch, có sự phối hợp giữa các nước đế quốc với bọn phản động và gắn liền với các hoạt động tình báo gián điệp. Tất cả các hoạt động đó đều xuyên tạc, nói xấu, kích động nhằm gây mất ổn định trong nước.

– Trong những năm qua, tình hình lộ bí mật, mất thông tin bí mật về kinh tế đã xảy ra ở nhiều cơ quan, xí nghiệp và đã gây ra nhiều thiệt hại. Các hoạt động nhằm phá hoại về kinh tế được tiến hành cả bề rộng lẫn bề sâu thông qua các hoạt động lấy cắp bí mật kinh tế, tuyên truyền và lôi kéo cán bộ quản lí kinh tế và khoa học kĩ thuật phá hoại cơ sở vật chất. Trong tình hình hiện nay, chúng nhằm vào phá hoại các chủ trương đường lối kinh tế, các công trình trọng điểm của ta.

– Tình hình an ninh biên giới còn nhiều phức tạp, các vụ xâm nhập qua biên giới diễn ra với nhiều hình thức, hoạt động xuất nhập cảnh cũng có nhiều thiếu sót dẫn đến tình trạng nhập cảnh trái phép, nhất là các khu vực giáp biên. Lợi dụng các mối quan hệ của các dân tộc hai bên biên giới, các đối tượng bên ngoài qua lại, móc nối, lôi kéo, chia rẽ các dân tộc, dòng họ trong nước hòng làm suy yếu, tiến tới gây bạo loạn ở những nơi này. Số nguy quân, nguy quyền, đảng phái phản động cũ còn ở trong nước phần lớn đã cải tà, quy chính và đã nhận thức rõ được chính sách đúng đắn của Nhà nước, nhất là chính sách khoan hồng. Tuy nhiên vẫn còn một bộ phận không chịu cải tạo, chúng vẫn ngấm ngấm chống đối dưới nhiều hình thức, tìm mọi cách móc nối với các đối tượng từ ngoài vào để được giúp đỡ.

– Trong nhiều năm qua xuất hiện nhiều điểm nóng về an ninh trật tự, xuất phát từ những bức xúc, bất bình của nhân dân trước những việc làm sai trái, thiếu sót của một số cán bộ cơ sở trong việc giải quyết đền bù đất đai... Do làm chưa triệt để, chưa công bằng nên đã để một bộ phận nhân dân bị một số phần tử quá khích kích động dẫn đến manh động làm rối loạn an ninh trật tự ở một số địa phương. Đây chính là những nguyên nhân tiềm ẩn, là mảnh đất tốt mà các thế lực thù địch nhằm vào để kích động, gây ngòi nổ hòng gây mất ổn định trong xã hội ta.

Tóm lại : Tình hình về an ninh quốc gia trong những năm qua nổi lên những vấn đề khá phức tạp và nhạy cảm. Đó chính là những yếu tố có thể gây ra tình hình mất ổn định, ảnh hưởng đến sự an nguy của quốc gia, vì vậy Đảng và Nhà nước ta đã xác định bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ cực kì quan trọng của toàn Đảng, toàn dân ta.

b) Tình hình về trật tự, an toàn xã hội

Trong những năm qua, chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng kể về công tác giữ gìn trật tự xã hội. Tuy nhiên, tình hình trật tự, an toàn xã hội vẫn còn rất nhiều vấn đề phức tạp, thậm chí có lúc, có nơi còn dễ xảy ra rất nghiêm trọng. Trật tự, an toàn xã hội thời gian qua có những nét nổi bật sau :

– *Tình hình tội phạm xâm phạm trật tự xã hội : tội phạm kinh tế, tội phạm ma túy trong những năm qua có những diễn biến rất phức tạp.*

Số vụ phạm tội hàng năm bị phát hiện có sự tăng giảm không đều trong đó các vụ trọng án có chiều hướng tăng. Bình quân hàng năm có khoảng 70.000 vụ phạm tội được phát hiện trong đó các vụ án giết người, giết cướp, cướp tài sản, cướp giật có xu hướng tăng. Trong các vụ án giết người thì nguyên nhân chủ yếu là nguyên nhân xã hội.

Các loại tội phạm xâm phạm trật tự, an toàn xã hội ngày càng có xu hướng chuẩn bị trước, tình hình các băng nhóm tội phạm câu kết với nhau tạo thành những tổ chức tội phạm rất nguy hiểm gây nhức nhối, bức xúc cho xã hội.

Các loại tội phạm hình sự khác như bọn đâm thuê, chém mướn, trả thù cá nhân bằng bom thư, bom mìn hoặc tạt axít trong những năm qua cũng rất đa dạng và là một nỗi nhức nhối của xã hội. Loại tội phạm này hoạt động rất mạnh động, bất chấp hậu quả gây ra cho dù người bị hại có thể không phải là người mà chúng cần trả thù, có những vụ tính chất đặc biệt nghiêm trọng, các vụ bắt cóc nhằm tống tiền cũng có chiều hướng tăng. Bọn tội phạm nhằm vào các gia đình giàu có rồi bắt cóc đòi tiền chuộc, có vụ chúng đòi tiền chuộc lên đến vài trăm triệu. Có thể thấy rằng, tội phạm hình sự hoạt động ngày càng táo bạo, mạnh động, chúng sử dụng đủ các loại hung khí, kể cả vũ khí nóng.

Thành phần đối tượng phạm tội rất đa dạng, đủ các loại người, có cả lưu manh cũng như nông dân, cán bộ, đảng viên, trí thức, học sinh. Trong đó đáng lo ngại là các vụ trả thù cá nhân do mâu thuẫn nội bộ rồi đi thuê giang hồ xã hội đen trả thù.

Thủ đoạn gây án của bọn tội phạm hình sự rất đa dạng, từ những thủ đoạn đơn giản cổ điển nhưng hiệu quả như "vãi thóc gọi gà" của bọn lừa đảo đến những thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt của bọn giết người dùng các loại độc chất khó phát hiện.

Về địa bàn hoạt động, tội phạm xâm phạm trật tự xã hội xảy ra ở tất cả các địa bàn trong cả nước nhưng tập trung vào các thành phố lớn như

thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và một số tỉnh như Đồng Nai, Bình Dương, Nam Định...

Các loại án kinh tế, tuy số vụ không tăng nhiều nhưng quy mô, tính chất rất nghiêm trọng, trong đó nổi lên những vụ chiếm đoạt thuế VAT, các vụ tham ô với số tiền bị chiếm đoạt lên tới hàng ngàn tỉ đồng. Đối tượng phạm tội kinh tế cho thấy hầu hết có sự liên kết với nhau. Đây cũng là một đặc điểm của loại tội phạm này. Vì thế, việc điều tra, khám phá gặp rất nhiều khó khăn. Loại tội phạm loại này thường có sự "bọc lót", "che chắn" cho nhau, tài sản bị mất là tài sản nhà nước nên ý thức tự giác đấu tranh của công dân tại những cơ quan, doanh nghiệp này chưa cao, đây cũng là lí do giải thích tại sao công tác điều tra, thanh tra chưa đạt hiệu quả cao. Các lĩnh vực xảy ra tội phạm kinh tế thường có ở các ngành kinh tế như xây dựng cơ bản, ngân hàng, đầu tư, xuất nhập khẩu. Tình trạng buôn lậu trốn thuế trong những năm qua vẫn chưa giảm đáng kể, chúng được thực hiện cả ở vùng cửa khẩu biên giới, trên biển, trên các tuyến vận chuyển, kể cả các tuyến hàng không. Mặt hàng buôn lậu đa dạng chủng loại từ vải vóc, máy móc đến điện thoại di động, thuốc chữa bệnh. Trong tình hình hiện nay, buôn lậu xảy ra phức tạp nhất ở các địa bàn trọng điểm như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, các khu vực biên giới Tây Nam, biên giới Việt Nam – Lào, Việt Nam – Trung quốc.

Tội phạm kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng không chỉ về vật chất, mà còn làm mất đi cả một bộ phận cán bộ, đảng viên gây ảnh hưởng xấu về chính trị, xã hội, có những vụ được coi là giặc nội xâm.

Trong các năm qua, chúng ta đã đấu tranh quyết liệt với tội phạm về ma túy, việc thực hiện chương trình quốc gia về phòng chống ma túy mặc dù đã đạt được những kết quả rất to lớn, nhưng tội phạm ma túy vẫn chưa giảm cơ bản, thậm chí còn xảy ra rất nghiêm trọng. Chúng ta đã phát hiện, xử lí hàng chục nghìn vụ buôn lậu, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy, có những vụ rất lớn. Những năm gần đây, các toà án đã tuyên án tử hình hàng trăm tên tội phạm ma túy nhưng tội phạm ma túy vẫn xảy ra rất nghiêm trọng.

Thủ đoạn hoạt động của bọn tội phạm ma túy ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Chúng sẵn sàng chống trả quyết liệt với các lực lượng đấu tranh, đã có nhiều cán bộ, chiến sĩ hi sinh trong đấu tranh với loại tội phạm này. Địa bàn hoạt động của loại tội phạm này tập trung ở các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng và các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào, Việt Nam – Campuchia, các tuyến trục đường 6, 7, 8.

Các băng, nhóm, tổ chức tội phạm ma túy thường có sự liên kết với nhau cả trong nước lẫn quốc tế, quy mô, tính chất ngày càng lớn và ác liệt. Chúng không từ một thủ đoạn tàn bạo nào, kể cả sử dụng trẻ em, con cháu để đưa vào con đường phạm tội, lợi dụng mọi phương tiện để vận chuyển trên một diện rộng nên công tác phát hiện, đấu tranh của ta gặp nhiều khó khăn.

– Tình hình về tệ nạn xã hội, tai nạn, ô nhiễm môi trường xảy ra phức tạp, thậm chí rất nghiêm trọng.

Tệ nạn xã hội là một hiện tượng xã hội tiêu cực gây ra những hậu quả vô cùng to lớn. Nó còn là bạn đồng hành, là sản phẩm của các loại tội phạm. Trong những năm qua, các loại tệ nạn ở nước ta vẫn chưa giảm, thậm chí có loại còn tăng như mại dâm, cờ bạc, nghiện hút...

Tệ nạn xã hội diễn ra ở hầu hết các địa phương trong cả nước, nó có một số đặc điểm sau :

+ Tệ nạn xã hội mang tính phổ biến.

+ Tệ nạn xã hội mang tính lây lan rất nhanh, tệ nạn xã hội có quan hệ chặt chẽ với tội phạm.

Hậu quả do tệ nạn xã hội gây ra ảnh hưởng lớn đến hạnh phúc gia đình, xã hội và nó còn là một trong những nguyên nhân dẫn đến căn bệnh thế kỉ HIV/AIDS.

Đối tượng tham gia tệ nạn đủ các lứa tuổi, giới tính.

Mặc dù Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều loại văn bản pháp luật về phòng chống tệ nạn, công tác đấu tranh phòng, chống tệ nạn đã được toàn dân và các cơ quan chức năng tích cực tham gia, tuy nhiên hiệu quả còn thấp. Vì vậy, trong những năm tới cần phải đẩy mạnh hơn nữa, kiên quyết hơn nữa.

+ Cùng với tệ nạn xã hội, tình trạng tai nạn giao thông, tai nạn lao động, tai nạn nghề nghiệp rủi ro xảy ra rất nghiêm trọng và có chiều hướng gia tăng. Trong các loại tai nạn thì tai nạn giao thông chiếm tỉ lệ cao nhất, các vụ tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy hàng năm cướp đi sinh mạng của hàng chục nghìn người và hàng trăm nghìn người trở thành phế nhân, tài sản bị hư hỏng rất nghiêm trọng. Nguyên nhân của các vụ tai nạn giao thông có rất nhiều như :

+ Do số lượng phương tiện giao thông tăng rất nhanh, nhất là ô tô, xe máy.

Bên cạnh đó, việc xử lí những vi phạm trật tự, an toàn giao thông còn nhiều bất cập. Mặc dù đã có Luật Giao thông đường bộ, Nghị quyết 13

của Chính phủ, các Nghị định 14, 15 của Chính phủ nhưng tình trạng vi phạm vẫn không giảm.

Những vụ tai nạn lao động, tai nạn nghề nghiệp, rủi ro, các vụ cháy nổ trong những năm qua xảy ra cũng hết sức lo ngại. Đã có nhiều vụ sập nhà khi đang xây dựng, sập hầm lò và đặc biệt là tình hình cháy nổ xảy ra ngày càng tăng.

Vấn đề ô nhiễm môi trường cũng đáng báo động. Tình trạng chặt phá rừng đầu nguồn bờ bãi, dẫn đến ô nhiễm gây lũ lụt, hạn hán ; ô nhiễm nguồn nước rất cao, việc không đảm bảo nước sạch, vệ sinh an toàn thực phẩm cộng với các dịch cúm gà, lở mồm long móng lây lan gây nên tình trạng nhiễm bệnh rất lớn, bên cạnh đó là hàng nghìn vụ ngộ độc thức ăn, có những vụ ngộ độc tập thể gây nguy hiểm tính mạng cho cả hàng trăm người.

Tóm lại, tình hình về trật tự, an toàn xã hội trong những năm qua đã và đang là vấn đề nóng bỏng, bức xúc mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải quyết tâm khắc phục, giải quyết. Trên cơ sở đó, chúng ta mới giữ vững được trật tự, an toàn xã hội cùng với bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia góp phần ổn định tình hình, làm nền tảng cho sự phát triển của đất nước.

3. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong thời gian tới

Theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khoá IX về chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới thì mục tiêu công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an nhân dân là : *Huy động và phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, sức mạnh của toàn dân, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong đó lực lượng công an nhân dân đóng vai trò nòng cốt, xung kích, tiếp tục xây dựng lực lượng công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc với Đảng và gần bó mật thiết với nhân dân, đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, ngăn chặn các loại tội phạm.*

Yêu cầu cơ bản nhất trong thời gian tới là *phải tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm chủ đạo nhằm tạo ra một sự chuyển biến thực sự, rõ nét hơn về tổ chức và hoạt động của lực lượng công an nhân dân, để trong bất cứ tình huống nào cũng phải giữ vững được an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.*

Căn cứ vào thực tiễn về an ninh trật tự trong những năm qua đưa ra dự báo sau :

a) Tình hình quốc tế trong thời gian tới sẽ diễn biến phức tạp hơn

Một là, sau cuộc chiến tranh Irắc, các thế lực hiếu chiến tiếp tục thực hiện chiến lược "đánh đòn phủ đầu" lợi dụng đòn tấn công chống lại "chủ nghĩa khủng bố" ra sức lộng hành đe dọa hoà bình chủ quyền của các quốc gia dân tộc.

Hai là, quan hệ giữa các nước lớn tiếp tục đan xen cả hai mặt đấu tranh và thoả hiệp. Một mặt, vì lợi ích của dân tộc, quốc gia và giai cấp mà họ đại diện, họ tìm cách xoa dịu các mâu thuẫn, tìm những điểm tương đồng để hợp tác tránh đối đầu. Mặt khác, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đơn phương, sự lộng hành của các thế lực hiếu chiến sẽ gia tăng.

Ba là, phong trào nhân dân thế giới chống chiến tranh bảo vệ hoà bình, độc lập dân tộc sẽ tiếp tục phát triển. Cuộc đấu tranh chống mặt trái của toàn cầu hoá do chủ nghĩa tư bản chi phối sẽ tiếp tục dâng cao. Tuy nhiên, các lực lượng đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội hiện nay vẫn chưa có sức mạnh thống nhất.

Bốn là, xu thế toàn cầu hoá về kinh tế sẽ tiếp tục phát triển. Hiện đã có 150 nước tham gia WTO, trong thời gian tới sẽ có thêm nhiều nước tham gia. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực vật liệu, công nghệ sinh học và tin học sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn. Tình hình đó sẽ mở ra những cơ hội mới, đồng thời đặt ra nhiều thách thức mới.

Năm là, tình hình kinh tế thế giới sẽ tiếp tục không ổn định. Cuộc khủng hoảng của các trung tâm kinh tế lớn sẽ tiếp tục trầm trọng thêm gây bất ổn định trên thị trường tài chính. Khoảng cách giữa các nước công nghiệp phát triển và các nước đang phát triển sẽ ngày càng rộng ra. Các cuộc tranh chấp trên biển và tranh chấp về nguồn dầu khí sẽ gay gắt hơn.

Tuy vậy, những diễn biến phức tạp đó chưa làm đảo lộn chiều hướng đã diễn ra sau khi chủ nghĩa xã hội bị sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn của thời đại.

b) Tình hình khu vực Đông Nam Á vẫn còn tiềm ẩn nhiều nhân tố mất ổn định

• Chủ nghĩa khủng bố vẫn hoạt động ở một số nước gây ra những thảm hoạ cho nhân dân và chính quyền ở nơi đó ; mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo làm bùng nổ những cuộc xung đột ở một số khu vực khá nghiêm trọng. Sự tranh chấp giữa các nước lớn ngày càng tăng. Bằng những hiệp định song phương và đa phương về hợp tác chống khủng bố, các thế lực phản động

can thiệp sâu hơn vào khu vực, kích động li khai, lôi kéo các nước kém phát triển vào quỹ đạo của mình, kiểm chế các nước lớn trong khu vực.

- Trước tình hình đó sự gắn kết trong ASEAN và vị trí của Hiệp hội trên trường quốc tế sẽ gặp nhiều thách thức, nhưng ASEAN tiếp tục là nhân tố quan trọng đối với hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực. Cơ chế AFTA của 10 nước ASEAN sẽ được thực hiện triệt để. Các cơ chế hợp tác ASEM (hợp tác Á – Âu), cơ chế thương mại tự do với Trung Quốc đang mở rộng sự tác động trên một quy mô rộng lớn và hiệu quả hơn trước.

c) Những thuận lợi và khó khăn trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ở Việt Nam trong những năm tới

– Thuận lợi

- + Thuận lợi cơ bản là tiềm lực và vị thế quốc tế của nước ta được tăng cường. Sau hơn 20 năm đổi mới, Đảng đã lãnh đạo nhân dân giành được những thành tựu hết sức to lớn. Tăng trưởng kinh tế liên tục trong nhiều năm đạt trên 7%, được xếp vào loại cao của thế giới. Đời sống vật chất được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người năm 2006 đạt 638 USD/người. Nếu tính theo sức mua của đồng tiền thì con số đó lớn hơn nhiều lần. Chỉ số phát triển con người (HDI) đã vươn lên thứ 101/192 quốc gia. Do chính sách ngoại giao cởi mở, trên cơ sở độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, chủ động hội nhập, phương châm "là bạn, là đối tác tin cậy của các nước", chúng ta đã đặt quan hệ ngoại giao với 167 nước và quan hệ thương mại với trên 100 quốc gia, khu vực và vùng lãnh thổ, thu hút đầu tư từ nước ngoài trên 40 tỉ USD. Vị thế quốc tế của Việt Nam được tăng cường.

- + Đảng Cộng sản Việt Nam có bản lĩnh chính trị vững vàng, dày dặn kinh nghiệm ; đường lối đổi mới của Đảng đã được kiểm chứng qua thực tiễn là đúng đắn, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

- + Nhân dân Việt Nam có truyền thống yêu nước, đoàn kết, tin tưởng vào Đảng và chế độ ; ngày càng thể hiện bản lĩnh năng động, sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- + Lực lượng vũ trang cách mạng tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, nhân dân, vươn lên làm tròn nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Với những thuận lợi trên, chúng ta hoàn toàn có khả năng giữ vững hoà bình, ổn định để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

– *Khó khăn*

+ Thách thức lớn nhất đối với an ninh trật tự ở nước ta là các mối đe dọa (các nguy cơ) : tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới ; nạn tham nhũng và tệ quan liêu ; "Diễn biến hoà bình". Các mối đe dọa trên diễn biến đan xen phức tạp, không thể xem nhẹ mối đe dọa nào.

+ Những yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, các vấn đề kinh tế, xã hội bức xúc, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, nếu không được kịp thời khắc phục có hiệu quả sẽ là nguy cơ tiềm ẩn đối với an ninh trật tự của nước ta.

+ Hoạt động "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch sẽ gia tăng. Các thế lực phản động tiếp tục sử dụng chiêu bài dân chủ, nhân quyền để can thiệp vào nội bộ nước ta.

+ Các hành động xâm hại độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ nước ta vẫn sẽ tiếp diễn.

4. Đối tác và đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

Trong tình hình hiện nay, cần có cách nhìn nhận mới và thống nhất về vấn đề đối tác và đối tượng đấu tranh theo nguyên tắc :

– Những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của chúng ta.

– Bất kể thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh.

– Mặt khác, trong tình hình diễn biến mau lẹ và phức tạp hiện nay, cần có cách nhìn nhận biện chứng : trong mỗi đối tượng vẫn có thể có mặt cần tranh thủ, hợp tác ; trong một số đối tác, có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta. Trên cơ sở đó, cần khắc phục cả hai khuynh hướng mơ hồ mất cảnh giác hoặc cứng nhắc trong nhận thức, chủ trương và trong xử lý các tình huống cụ thể.

Trong hoạt động thực tiễn, chúng ta phải thường xuyên đấu tranh với các cơ quan tình báo nước ngoài hoạt động phương hại đến an ninh quốc gia của nước ta ; các trung tâm thông tin chống phá Việt Nam ; các tổ chức và bọn phản động người Việt lưu vong ; các loại phản động ở trong nước và

bọn tội phạm hình sự nguy hiểm. Để xác định đúng các đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh trật tự cần dựa vào các căn cứ sau :

– Căn cứ vào nhiệm vụ và đối tượng đấu tranh của cách mạng trong từng giai đoạn.

– Căn cứ vào nội dung, yêu cầu, nhiệm vụ của công cuộc xây dựng, bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

– Căn cứ vào thực tế hoạt động của các loại đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội từ trước đến nay ở nước ta.

a) Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia

Có nhiều loại cụ thể, trong tình hình hiện nay cần tập trung đấu tranh với các loại sau :

– *Gián điệp* : Gián điệp là người Việt Nam hay người nước ngoài, hoạt động cá nhân hay có tổ chức, chịu sự chỉ huy của nước ngoài để tiến hành các hoạt động điều tra thu thập tình báo, gây cơ sở bí mật và phá hoại nhằm chống lại nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– *Phản động* : Phản động là những cá nhân hay tổ chức có âm mưu và hoạt động phản cách mạng chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa, nhưng không chịu sự chỉ huy của nước ngoài.

Trong tình hình hiện nay cần tập trung đấu tranh với những loại sau :

+ Các tổ chức và cá nhân phản động trong số người Việt Nam ở nước ngoài đang có những hoạt động chống Việt Nam.

+ Bọn phản động lợi dụng tôn giáo.

+ Bọn phản động lợi dụng dân tộc ít người, nhất là bọn có sự câu kết của các lực lượng phản động bên ngoài.

+ Bọn phản động trong nguy quân, nguy quyền, đảng phái phản động cũ không chịu cải tạo.

+ Bọn có tư tưởng, quan điểm sai trái, những phần tử trong nội bộ bất mãn thoái hoá biến chất trở thành phản động, chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội ; số cơ hội chính trị.

b) Đối tượng xâm phạm về trật tự, an toàn xã hội

Đối tượng xâm phạm về trật tự, an toàn xã hội là những người có hành vi phạm tội gây thiệt hại đến tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản của công dân, đến tính mạng sức khỏe và danh dự phẩm giá của con người, đến trật tự an toàn xã hội nhưng không có mục đích chống lại Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong các đối tượng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội hiện nay có những người phạm tội nhất thời, có đối tượng phạm tội chuyên nghiệp, với tính chất và mức độ nguy hiểm khác nhau. Các đối tượng này bao gồm :

- Các đối tượng xâm phạm trật tự xã hội (tội phạm hình sự).
- Các đối tượng xâm phạm trật tự quản lí kinh tế và chức vụ (tội phạm kinh tế).
- Các đối tượng về ma túy (tội phạm ma túy).

Trong số các đối tượng trên cần tập trung vào đấu tranh với các đối tượng sau :

- + Bọn tội phạm kinh tế, nhất là bọn tham nhũng, bọn buôn lậu, bọn sản xuất tàng trữ và tiêu thụ tiền giả.
- + Bọn tội phạm về ma túy.
- + Bọn tội phạm hình sự, tập trung vào bọn hoạt động có tổ chức, bọn lưu manh chuyên nghiệp, sử dụng bạo lực, tội phạm có quan hệ với nước ngoài.

c) Các tai nạn, tệ nạn xã hội

Phòng ngừa và làm giảm đến mức thấp nhất hậu quả thiệt hại do các tai nạn xã hội (tai nạn giao thông, tai nạn do sử dụng bảo quản chất nổ, chất cháy không đúng quy định, tai nạn do sự cố kĩ thuật, do thiên nhiên...) gây ra.

Bài trừ các tệ nạn xã hội. Trước mắt phải đẩy lùi một bước các loại tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, mại dâm.

5. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

a) Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà nước, nhân dân làm chủ, công an là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

– Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, trong đó có công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Chỉ có Đảng lãnh đạo mới có thể huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, của toàn xã hội, bảo đảm

thắng lợi trọn vẹn và triệt để trong cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Đảng lãnh đạo tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt thể hiện : Đảng đề ra đường lối chính sách và phương pháp đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội một cách đúng đắn, đồng thời lãnh đạo chặt chẽ bộ máy Nhà nước và các đoàn thể quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối chính sách đó.

– Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội

Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là sự nghiệp của nhân dân, là nghĩa vụ đồng thời cũng là lợi ích thiết thân của nhân dân. An ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội có được bảo vệ tốt hay không thì vấn đề rất quan trọng là do sự giác ngộ của nhân dân về quyền làm chủ của mình trên lĩnh vực đó. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân thực chất đó là cuộc vận động phong trào cách mạng của quần chúng nhằm xây dựng trật tự an ninh, trật tự nhân dân từ cơ sở. Nhân dân có điều kiện và khả năng để thực hiện quyền làm chủ đó.

Nội dung phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động thể hiện :

Quán triệt sâu sắc và tự giác chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chế độ thể lệ nội quy về bảo vệ an ninh trật tự. Đấu tranh kiên quyết với các thế lực thù địch, bọn phản cách mạng và bọn phạm tội khác, với mọi hành vi vi phạm pháp luật và những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội ; kiên quyết giữ vững an ninh trật tự ở mọi nơi mọi lúc. Tự giác tham gia các tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, tích cực giúp đỡ các cơ quan chuyên trách nhất là lực lượng công an nhân dân, các lực lượng bảo vệ ở địa phương hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tự giác tổ chức, tham gia xây dựng và quản lí cuộc sống mới văn minh trật tự, yên vui lành mạnh ở địa phương, đơn vị công tác, sản xuất, chiến đấu.

– Tăng cường hiệu lực quản lí của Nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước là công cụ sắc bén để nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ của mình trên mọi lĩnh vực, trong đó có công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Nhà nước có mạnh (hiệu lực) thì quyền làm chủ của nhân dân mới được đảm bảo vững chắc.

Nội dung tăng cường hiệu lực quản lí của Nhà nước : Phát huy mạnh mẽ tác dụng của pháp chế xã hội chủ nghĩa làm cho nó trở thành vũ khí sắc bén

để xây dựng và quản lí nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa. Phải thường xuyên quan tâm xây dựng các cơ quan chuyên trách trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Phát huy vai trò tác dụng của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân các cấp trong việc ban hành và đôn đốc tổ chức thực hiện những quy định về công tác bảo vệ ở địa phương. Phối kết hợp chức năng quản lí của các cơ quan Nhà nước với các tổ chức, đoàn thể vào việc bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

– Công an là lực lượng nòng cốt

Lực lượng công an là chỗ dựa trực tiếp và thường xuyên cho các ngành, các cấp và quần chúng trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. Lực lượng công an phải tập trung giải quyết những khâu cơ bản nhất ; tổ chức hướng dẫn các lực lượng khác thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. Qua thực tiễn tiến hành cuộc đấu tranh, lực lượng công an phải làm tham mưu cho Đảng, Nhà nước về những vấn đề có liên quan đến công tác bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

Cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoạt động của xã hội. Do đó để đảm bảo thắng lợi hoàn toàn và triệt để trong cuộc đấu tranh, lực lượng công an phải biết *kết hợp tính tích cực cách mạng của quần chúng với công tác nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn*. Sự kết hợp đó thể hiện : Quần chúng phát hiện cung cấp tình hình, cơ quan chuyên môn thu thập ý kiến đó. Những ý kiến đó phải được tổng hợp, kết hợp với nghiệp vụ chuyên môn của các ngành để tìm ra bản chất của vấn đề và biện pháp xử lí. Phải coi trọng cả hai mặt đó, không được coi nhẹ mặt nào.

b) Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với bảo vệ Tổ quốc

Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là truyền thống của dân tộc ta trong quá trình dựng nước và giữ nước. Đảng, Nhà nước ta đã kế thừa và phát huy truyền thống đó trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Sự ổn định và phát triển về mọi mặt của đời sống xã hội là nền tảng vững chắc của an ninh trật tự và ngược lại an ninh trật tự vững chắc mới có điều kiện ổn định phát triển đất nước về mọi mặt. Can nhận thức an ninh trật tự được giữ vững củng cố và phát triển là dựa trên nền tảng kinh tế, xã hội ổn định và phát triển. Hiện nay kết hợp chặt chẽ giữa an ninh và quốc phòng là một yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Sự kết hợp giữa quốc phòng với an ninh, an ninh

với quốc phòng có nội dung rất rộng, hình thức và cơ chế kết hợp cũng rất phong phú. Một trong những nội dung quan trọng của việc kết hợp giữa an ninh với quốc phòng là kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng trật tự an ninh nhân dân với thể trận quốc phòng toàn dân.

c) Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

An ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội là hai thành phần cấu thành trật tự xã hội. Bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia là bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo ra một trong những điều kiện cơ bản nhất để xây dựng sự vững mạnh về mọi mặt trong xã hội. An ninh quốc gia được bảo vệ vững chắc sẽ tạo điều kiện cơ bản thuận lợi để bảo vệ tốt trật tự an toàn xã hội. Trật tự, an toàn xã hội được giữ vững sẽ tạo điều kiện cho an ninh quốc gia càng được củng cố vững chắc, hiệu lực quản lý của Nhà nước được tăng cường, quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm vững chắc, cuộc sống của mọi người được yên vui, hạnh phúc.

6. Vai trò, trách nhiệm của học sinh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

Học sinh là chủ nhân tương lai của đất nước, với trách nhiệm công dân của người thanh niên trong thời đại mới, chúng ta phải làm gì để góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ? Muốn vậy, mỗi học sinh không những phải nắm vững và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội mà còn vận động mọi người cùng tự giác chấp hành.

a) Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

– Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1992 :

Điều 11. Công dân thực hiện quyền làm chủ của mình ở cơ sở bằng cách tham gia công việc của Nhà nước và xã hội, có trách nhiệm bảo vệ của công, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giữ gìn an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, tổ chức đời sống công cộng.

Điều 44. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân. Nhà nước củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, nòng cốt là các lực lượng vũ trang nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc

Tổ quốc. Cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và công dân phải làm tròn trách nhiệm quốc phòng và an ninh do pháp luật quy định.

Điều 79. Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, giữ gìn bí mật quốc gia, chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng. Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, giữ gìn bí mật quốc gia, chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

– *Luật Thanh niên của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2001 :*

Điều 11. Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của thanh niên. Được huấn luyện chương trình Giáo dục quốc phòng ; thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia các lực lượng vũ trang theo quy định của pháp luật. Tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, giữ gìn bí mật quốc gia, xung kích đấu tranh chống mọi hành vi xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của thanh niên trong quản lí nhà nước và xã hội :

+ Nâng cao ý thức công dân, chấp hành pháp luật, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

+ Được ứng cử, đề cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật ; được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị với cơ quan, tổ chức về những vấn đề mà mình quan tâm ; tham gia góp ý xây dựng các chính sách, pháp luật liên quan đến thanh niên và các chính sách, pháp luật khác.

+ Tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước.

– *Luật về an ninh quốc gia năm 2004*

Điều 4. Trách nhiệm đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm

Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Điều 8. Trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia

Bảo vệ an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân. Cơ quan, tổ chức, công dân có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia

+ Nhà nước bảo vệ, giữ bí mật cho cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia và cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia.

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia có thành tích thì được khen thưởng, bị tổn hại về danh dự thì được khôi phục, bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù ; người bị thương tích, tổn hại về sức khỏe, bị thiệt hại về tính mạng thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia

+ Tham gia lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

+ Tố cáo hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, hành vi lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

+ Phát hiện, kiến nghị với chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia khắc phục sơ hở, thiếu sót trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia.

+ Phát hiện, cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia cho chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia nơi gần nhất.

+ Thực hiện yêu cầu của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

+ Giúp đỡ, tạo điều kiện cho cơ quan và người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

+ Giáo dục bảo vệ an ninh quốc gia là một nội dung giáo dục quốc dân. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo có trách nhiệm đưa nội dung giáo dục bảo vệ an ninh quốc gia vào chương trình dạy học trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác phù hợp với ngành học, cấp học.

– *Bộ Luật Hình sự* được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X, kì họp thứ 6 thông qua ngày 21/12/1999 :

– *Bộ Luật Tổ tụng hình sự* được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kì họp thứ 4 thông qua ngày 26/11/2003 :

Điều 25. Trách nhiệm của các tổ chức và công dân trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm

+ Các tổ chức, công dân có quyền và nghĩa vụ phát hiện, tố giác hành vi phạm tội ; tham gia đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức.

+ Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm tạo điều kiện để các tổ chức và công dân tham gia tố tụng hình sự ; phải trả lời kết quả giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm cho tổ chức đã báo tin, người đã tố giác tội phạm biết.

+ Các tổ chức, công dân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu và tạo điều kiện để cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện nhiệm vụ.

b) Trách nhiệm của học sinh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

Học sinh cần phải nhận thức đúng vai trò trách nhiệm của mình và tham gia trực tiếp vào việc bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, cụ thể là :

– Nhận thức đúng cuộc đấu tranh để bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là một bộ phận của cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra gay go, quyết liệt, phức tạp, lâu dài. Nhất là trong điều kiện hiện nay, khi các thế lực thù địch và các phần tử chống đối Đảng, Nhà nước đang ra sức tiến hành các hoạt động diễn biến hoà bình bằng mọi thủ đoạn. Trong đó, chúng triệt để chú ý địa bàn là các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp ; lợi dụng lừa phỉnh học sinh, sinh viên – những người rất năng động, sáng tạo nhưng chưa có nhiều trải nghiệm trong cuộc sống là địa bàn và đối tượng để thực hiện diễn biến hoà bình. Do vậy, học sinh cần phải cảnh giác, tích cực trong đấu tranh với những hành động sai trái, với các phần tử thoái hoá biến chất trong các tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước nhưng không để các thế lực thù địch, các phần tử chống đối lợi dụng mình để thực hiện diễn biến hoà bình nhằm làm suy yếu, tiến tới xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

– Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động cụ thể để bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội :

+ Phát hiện những tổ chức, người có hành vi tuyên truyền lôi kéo học sinh tham gia các hoạt động trái quy định của pháp luật nhằm chống lại Đảng, Nhà nước để báo cho lãnh đạo của trường, chính quyền và các cơ quan bảo vệ pháp luật biết, có ý thức bảo vệ bí mật nhà nước.

+ Tham gia xây dựng nếp sống văn minh trật tự ngay trong trường học, kí túc xá, khu vực dân cư mà mình sinh sống, bảo vệ môi trường, giúp đỡ các cơ quan chuyên trách trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

+ Tham gia các hoạt động xã hội để góp phần giữ gìn trật tự, an toàn xã hội như : chấp hành nghiêm chỉnh Luật Giao thông đường bộ, giữ gìn trật tự, vệ sinh ở nơi công cộng.

+ Bản thân luôn nhận thức được sự nguy hại của các tệ nạn xã hội để không mắc phải và tuyên truyền vận động cho nhiều người khác thấy được sự nguy hại của các tệ nạn xã hội nhất là tệ nạn ma túy, cờ bạc, mại dâm. Phát hiện những địa điểm tổ chức, đối tượng tham gia các tệ nạn xã hội để báo cáo cho lãnh đạo nhà trường, chính quyền địa phương, các cơ quan bảo vệ pháp luật mà trực tiếp là lực lượng công an nhân dân để có biện pháp đấu tranh kịp thời có hiệu quả.

+ Tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm ; phát hiện, tố giác kịp thời các đối tượng, băng nhóm tổ chức tội phạm để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có biện pháp giải quyết.

+ Tích cực học tập nâng cao trình độ chính trị khoa học kĩ thuật nghiệp vụ chuyên môn có liên quan để có thể cống hiến cao nhất những khả năng của mình góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Tăng cường rèn luyện thể lực, học tập tốt môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh góp phần chuẩn bị cho lực lượng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ an ninh Tổ quốc và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Anh (chị) hãy phân tích quan điểm : "Công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lí thống nhất của Nhà nước, huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc, lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội làm nòng cốt". Ý nghĩa thực tiễn rút ra đối với bản thân ?

2. Tại sao xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội phải đi đôi với bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ?

3. Anh (chị) hãy phân tích nội dung công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở nước ta hiện nay.

4. Trách nhiệm của học sinh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội hiện nay.

Bài 11

XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về công tác vận động quần chúng bảo vệ an ninh trật tự và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giúp người học nhận thức đúng về vai trò của quần chúng nhân dân trong công tác bảo vệ an ninh trật tự ; có ý thức tự giác, tích cực tham gia vào phong trào toàn dân bảo vệ an ninh – trật tự, phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật.

– Nhận thức được vai trò của quần chúng nhân dân trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội ; các hình thức, biện pháp tổ chức vận động nhân dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở.

II - NỘI DUNG

1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

a) Quan điểm về quần chúng nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc

– Một số quan điểm về quần chúng nhân dân

Quần chúng nhân dân là lực lượng đông đảo, là nền tảng cho một nước, là gốc rễ của một dân tộc, là động lực chính để thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Triết học duy tâm có nhận thức sai lạc : Xã hội chia làm hai hạng người "Hạng thượng lưu" và hạng "thứ dân" ; thượng đế, tinh thần là tuyệt đối ; vua là thiên tử, thay trời trị dân.

Các chế độ quân chủ tư sản hiện đại nêu vấn đề "Dân chủ", "Lấy dân làm gốc", nhưng khác nhau về bản chất.

Chủ nghĩa Mác – Lênin lần đầu tiên đã phát hiện và khẳng định vai trò của quần chúng nhân dân quyết định sự phát triển của xã hội, chính nhân dân lao động là người làm nên lịch sử. Đây là một chuyển biến cách mạng

trong nhận thức về lịch sử, là một trong những cơ sở lí luận do chính Đảng của giai cấp vô sản đưa ra.

Thực tiễn lịch sử dựng nước và giữ nước của ông cha ta đã chứng minh từ thời các vua Hùng, Hai Bà Trưng đến Ngô Quyền, Lê Lợi, Quang Trung... đều dựa vào dân, khẳng định dân là gốc, biết sử dụng sức mạnh của dân để đánh tan các đội quân xâm lược hùng mạnh của các triều đại phong kiến Trung Quốc, Mông Cổ.

Kế thừa tư tưởng của ông cha ta về vai trò của nhân dân, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng luôn nêu cao tư tưởng cách mạng là của dân do dân và vì dân. Quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân là nguồn gốc sức mạnh truyền thống vô cùng quý báu của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra những quan điểm về dân "Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân", "Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong"... Dưới ngọn cờ của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh nhân dân ta đã đồng lòng hợp sức làm nên nhiều chiến công vẻ vang trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, đánh thắng hai cường quốc xâm lược là Pháp và Mĩ ; đang từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở đất nước ta. Ngày nay trong giai đoạn đất nước ta chuyển sang thời kì phát triển mới, thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, có những thuận lợi mới, thời cơ mới, song vẫn còn nhiều trở lực và thách thức ; Đảng và Nhà nước ta có nhiều chủ trương quan trọng về đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

–Vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc

Đặc điểm của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh Tổ quốc là diễn ra trên diện rộng, khắp mọi địa bàn, mọi lĩnh vực, là cuộc chiến đấu thường xuyên mang tính gay go, quyết liệt, phức tạp và lâu dài. Bọn gián điệp, phản động và tội phạm khác luôn tìm cách trà trộn trong quần chúng, lợi dụng, lôi kéo, mê hoặc kẻ cả không chế để hoạt động.

+ Quần chúng nhân dân có khả năng phát hiện, quản lí, giáo dục, cải tạo các loại tội phạm để thu hẹp dần đối tượng phạm tội.

+ Khi nào người dân có ý thức tự giác, có tinh thần làm chủ trong việc xây dựng cuộc sống mới lành mạnh, khi đó sẽ khắc phục dần những sơ hở, thiếu sót mà địch và bọn tội phạm có thể lợi dụng.

+ Lực lượng công an có hạn, nên công tác bảo vệ an ninh trật tự không thể thực hiện bằng chuyên môn đơn thuần mà phải làm tốt công tác vận động quần chúng nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói : "Nhân dân

giúp ta nhiều thì thành công nhiều, giúp ta ít thì thành công ít, giúp ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn".

b) Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

– Khái niệm phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một hình thức hoạt động tự giác, có tổ chức của đông đảo nhân dân lao động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm nhằm bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản Nhà nước và tính mạng, tài sản của nhân dân.

– Vị trí, tác dụng của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Trước đây cũng như trong giai đoạn cách mạng hiện nay, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc luôn giữ vị trí quan trọng không thể thiếu được đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng nói chung và sự nghiệp bảo vệ an ninh – trật tự nói riêng.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một bộ phận gắn bó khăng khít, chặt chẽ với các phong trào hành động cách mạng khác của Đảng, Nhà nước ở địa phương, đơn vị.

Trong quá trình lãnh đạo các mạng, Đảng ta tiến hành nhiều cuộc vận động quần chúng khác nhau để giải quyết những nhiệm vụ khác nhau. Trong đó có cuộc vận động nhân dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Giữa các phong trào hành động cách mạng khác của nhân dân với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có mối quan hệ khăng khít, tác động, hỗ trợ lẫn nhau ; các phong trào hành động cách mạng khác của nhân dân giải quyết nhiệm vụ phát triển kinh tế văn hoá, xã hội là nền tảng vững chắc để phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động và duy trì thường xuyên, mạnh mẽ. Ngược lại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được nâng cao góp phần phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh kịp thời với bọn tội phạm, ổn định được tình hình an ninh trật tự, là điều kiện thuận lợi để phát triển các phong trào hành động cách mạng khác của nhân dân đạt kết quả tốt.

+ Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giữ vị trí chiến lược, là một trong những biện pháp công tác cơ bản của lực lượng công an nhân dân, là nền tảng cơ bản trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Nhân dân lao động có khả năng to lớn, là người làm nên lịch sử, từ trước đến nay Đảng ta luôn luôn khẳng định : cách mạng là sự nghiệp của toàn dân,

đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội cũng là sự nghiệp của toàn dân. Mọi vấn đề an ninh trật tự xảy ra khi giải quyết đều phải dựa vào nhân dân. Quán triệt tư tưởng này của Đảng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định về "Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc".

Thực tiễn cho thấy phong trào hành động cách mạng của nhân dân như phong trào "Ba không", "Ngũ gia liên bảo", "Thập gia liên báo" trong thời kì chống Pháp ; Phong trào "Bảo vệ trị an", "Bảo mật phòng gian" trong những năm chống Mỹ cứu nước và hiện nay là phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã thực sự góp phần quan trọng phục vụ đắc lực cho sự nghiệp giải phóng dân tộc cũng như sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một hình thức vận động nhân dân ở mức độ cao, đã trở thành ý thức tự giác cao độ của đông đảo quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà nước, sự tổ chức vận động hướng dẫn nghiệp vụ của lực lượng công an nhân dân.

Đối với công tác công an, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có tác dụng trực tiếp trong phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, ngăn ngừa làm giảm tai nạn, đấu tranh đẩy lùi các tệ nạn xã hội và các hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc còn giúp lực lượng công an có điều kiện để triển khai sâu rộng các mặt công tác nghiệp vụ. Những tin tức tài liệu đa dạng, phong phú thu được từ quần chúng nhân dân cung cấp là cơ sở để lực lượng công an nhân dân đấu tranh, trấn áp bọn tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là động lực quan trọng để nâng cao ý thức tự giác của hàng chục triệu người tham gia vào công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc ở từng đường phố, từng thôn, xóm, phường, xã, cơ quan, xí nghiệp tạo thành thể chủ động trong phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh trấn áp tội phạm tạo thành một thể trận an toàn về an ninh trật tự.

+ Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là hình thức cơ bản để tập hợp thu hút đông đảo quần chúng phát huy quyền làm chủ của quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh trật tự.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc thực chất là hình thức hoạt động có tổ chức, do đông đảo quần chúng nhân dân lao động tham gia ; là điều kiện cơ bản để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trên lĩnh vực bảo vệ an ninh trật tự.

Sức mạnh, khả năng sáng tạo của quần chúng nhân dân là rất to lớn, song sức mạnh và khả năng đó chỉ được phát huy khi quần chúng nhân dân

được tổ chức thành phong trào hành động cách mạng cụ thể. Chính bằng phong trào và thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, quần chúng nhân dân mới có điều kiện tham gia vào công việc xây dựng, quản lí nền an ninh trật tự nhiều hơn, tốt hơn và trực tiếp hơn. Vì vậy phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là hình thức cơ bản để tập hợp thu hút đông đảo nhân dân, phát huy quyền làm chủ của họ trên lĩnh vực bảo vệ an ninh – trật tự.

– Mục đích của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh – trật tự

Huy động sức mạnh của nhân dân để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn đấu tranh với các loại tội phạm, bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và phục vụ đắc lực việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, gắn với các cuộc vận động lớn của Đảng, Nhà nước, của các ban, ngành, đoàn thể, và của địa phương... góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

– Đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

+ Đối tượng tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đa dạng, liên quan đến mọi người, mọi tầng lớp của xã hội.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc mang tính xã hội sâu sắc, bởi đối tượng vận động là tất cả mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội cho nên trình độ hiểu biết về chính sách pháp luật, kiến thức xã hội ; đặc điểm tâm lí, lối sống sinh hoạt của từng tầng lớp nhân dân có khác nhau cho nên nó đã tác động ảnh hưởng lớn đến phong trào của từng địa phương.

+ Nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở các địa bàn, lĩnh vực khác nhau có sự khác nhau.

Do khác nhau về vị trí đặc điểm của từng vùng, phong tục tập quán, điều kiện hoàn cảnh kinh tế của từng địa phương và tình hình hoạt động của bọn tội phạm nên cách thức tổ chức vận động nhân dân, nội dung phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cũng có những điểm khác nhau để phù hợp với tình hình của mỗi nơi, mỗi thời điểm, địa bàn nông thôn khác với thành phố, thị xã ; miền núi khác với miền biển ; vùng đồng bào dân tộc thiểu số khác với vùng đồng bào theo các tôn giáo.

+ Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn liền với các cuộc vận động khác của Đảng và Nhà nước, gắn liền với việc thực hiện các chính sách của địa phương.

Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có liên quan đến việc thực hiện các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước, như :

Chính sách dân vận, chính sách xoá đói giảm nghèo, chính sách với người có công... vì vậy quá trình tổ chức vận động phải chú trọng gắn nghĩa vụ và quyền lợi ; ý thức tự giác của người dân, tạo mọi điều kiện để nâng cao đời sống tinh thần của họ. Thường xuyên bị kiến thức về chính trị, pháp luật, nâng cao cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn hoạt động của tội phạm cho quần chúng nhân dân.

2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

a) Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Để góp phần phục vụ đắc lực sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, chủ động khắc phục, đẩy lùi nguy cơ, đấu tranh làm thất bại hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội phạm, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hoà bình, trong giai đoạn hiện nay công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tập trung vào những nội dung cơ bản sau đây :

– Giáo dục, nâng cao cảnh giác cách mạng, phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân tham gia phòng ngừa đấu tranh chống mọi âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch trong và ngoài nước, bao gồm :

- + Chống chiến tranh tâm lí phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch.
- + Bảo vệ an ninh kinh tế, an ninh xã hội, bảo vệ bí mật quốc gia.
- + Chống địch lợi dụng dân tộc, tôn giáo, lợi dụng dân chủ, nhân quyền để gây mất ổn định chính trị.

+ Giữ vững khối đoàn kết toàn dân, ổn định chính trị, bảo vệ nội bộ, góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch vững mạnh.

– Vận động toàn dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm

+ Vận động nhân dân tích cực tham gia phát hiện, tố giác, đấu tranh chống các loại tội phạm, góp phần giữ vững ổn định an ninh trật tự tại địa bàn.

+ Vận động nhân dân tham gia quản lí, giáo dục, cảm hoá những người cần phải giáo dục tại cộng đồng dân cư, như : các đối tượng có tiền án, tiền sự, đối tượng tù tha, đối tượng đi cơ sở giáo dục, đi cơ sở chữa bệnh tha về còn có biểu hiện hoạt động phạm pháp ; tham gia vận động người phạm tội

đang lẫn trốn ra tự thú ; thực hiện các biện pháp phòng ngừa tình trạng thanh thiếu niên phạm tội ; tham gia quản lí giáo dục trẻ em làm trái pháp luật.

+ Vận động nhân dân chấp hành và tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị, giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng, tham gia phòng chống gây rối trật tự công cộng, ngăn chặn kịp thời các vụ việc lộn xộn xảy ra ở nơi công cộng.

+ Hướng dẫn và vận động nhân dân bài trừ tệ nạn xã hội, bài trừ các hủ tục lạc hậu, đấu tranh bài trừ văn hoá phẩm độc hại.

+ Xây dựng cơ quan đơn vị, cụm dân cư và từng gia đình an toàn, đoàn kết, xây dựng nếp sống văn hoá trong cộng đồng dân cư, giữ vững đạo đức trong sáng lành mạnh, giữ gìn thuần phong mỹ tục, truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam, bảo vệ môi trường sống.

- Xây dựng và mở rộng liên kết phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị xã hội trong các phong trào của địa phương

Kết hợp lồng ghép phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các cuộc vận động cách mạng khác của Đảng, Nhà nước ở địa phương như cuộc vận động xoá đói giảm nghèo, vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hoá mới...

+ Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết liên tịch, thông tư liên ngành, các quy chế phối hợp hoạt động giữa Công an xã với Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, các cơ quan, trường học đóng trên địa bàn.

+ Thường xuyên theo dõi nắm bắt tình hình việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, kịp thời đề xuất lồng ghép nội dung, yêu cầu của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phù hợp, nhằm phát huy vai trò của quần chúng trong việc bảo vệ an ninh – trật tự.

- Tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh.

+ Thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để rèn luyện, thử thách xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức nhà nước ở cơ sở.

+ Thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để thường xuyên đóng góp ý kiến xây dựng cho tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở, lực lượng công an , kịp thời phát hiện đề nghị đưa ra khỏi tổ chức Đảng, chính quyền, lực lượng công an những người không đủ tiêu chuẩn về đạo đức và

năng lực công tác ; đồng thời đề nghị bổ sung những nhân tố tích cực, ưu tú xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc vào cấp uỷ chính quyền cơ sở, để xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, lực lượng công an trong sạch vững mạnh.

Bốn nội dung trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, là những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Khi thực hiện những nội dung trên đây phải căn cứ vào tình hình điều kiện hoàn cảnh cụ thể của từng nơi, đặc biệt, phải căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở từng địa phương, từng cơ sở để đề ra nội dung công tác cho sát hợp, có hiệu quả.

b) Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

– Nắm tình hình và xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

+ *Nắm tình hình* : Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trước hết phải điều tra nghiên cứu nắm vững tình hình mọi mặt liên quan đến an ninh trật tự, đây là công việc đầu tiên làm cơ sở để định ra nội dung, hình thức, phương pháp tiến hành các bước tiếp theo.

Nội dung nắm tình hình bao gồm :

- Vị trí địa lí, đặc điểm địa bàn về phân bố dân cư, phong tục tập quán, nghề nghiệp truyền thống, vấn đề tôn giáo, dân tộc có liên quan đến công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn như : Tình hình âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm ; tình hình tai nạn, tệ nạn xã hội ; tình hình các loại đối tượng cần quản lí giáo dục ở từng cụm dân cư.

- Tình hình quần chúng chấp hành đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương ; những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân ; tâm tư nguyện vọng của đại bộ phận quần chúng nhân dân.

- Tình hình các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng về vai trò lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức động viên quần chúng tham gia phong trào hành động cách mạng của địa phương, sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ những hiện tượng tiêu cực (tham nhũng, cửa quyền, sách nhiễu quần chúng, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân).

- Tình hình diễn biến của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn qua từng thời kì ; chú ý tới những mặt yếu kém, trì trệ, nguyên nhân và những bài học kinh nghiệm rút ra.

- Những sơ hở thiếu sót của ta trong việc thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước mà kẻ xấu có thể lợi dụng để kích động quần chúng, chia rẽ nội bộ nhân dân, chia rẽ nhân dân với Đảng, với Chính quyền, với lực lượng vũ trang ở địa phương.

Trên cơ sở tình hình nắm được để tiến hành phân tích, tổng hợp, đánh giá về những mặt tích cực, những mặt tiêu cực, từ đó xác định đúng tính chất địa bàn, những vấn đề nổi lên có liên quan đến công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để có biện pháp giải quyết hoặc tham mưu cho Đảng, Nhà nước có chủ trương biện pháp giải quyết.

Phương pháp nắm tình hình : Để nắm được tình hình địa bàn một cách sâu sát phải có phương pháp điều tra nắm tình hình một cách khoa học, điều tra một cách chính xác khách quan, toàn diện, sử dụng mọi lực lượng, nhiều biện pháp thông qua nhiều nguồn khác nhau. Đối với cán bộ chủ chốt ở các cấp, trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của mình và nội dung cụ thể cần biết, cần tập trung thực hiện tốt một số công việc để nắm tình hình sau đây :

- Nghiên cứu khai thác các tài liệu sẵn có để nắm tình hình địa bàn như : tài liệu về tình hình an ninh trật tự ở địa phương qua các năm ; báo cáo sơ kết, tổng kết về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc qua từng thời kì ; tài liệu quản lí về nhân khẩu, hộ khẩu, quản lí các nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự, quản lí vũ khí, vật liệu nổ ; tài liệu về tổ chức giữ gìn trật tự công cộng và các tài liệu quản lí hành chính khác mà chính quyền và các cơ quan chức năng đang quản lí.

- Đi sát cơ sở tiếp xúc gặp gỡ, thu thập ý kiến của các tổ chức, các tầng lớp dân cư khác nhau như : Cán bộ công nhân viên đã nghỉ hưu, những người có uy tín trong cộng đồng dân cư, những người biết việc... để nắm tình hình.

- Trực tiếp điều tra khảo sát mọi hoạt động của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và quần chúng nhân dân ở địa phương.

- Ngoài ra còn phải chú ý kết hợp chặt chẽ với việc sử dụng các lực lượng, phương tiện, biện pháp nghiệp vụ khác để nắm tình hình. Kết hợp nắm tình hình chung toàn địa bàn với đi sâu nắm tình hình cụ thể từng khu vực và nắm tình hình toàn diện các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng với đi sâu nắm vững những khía cạnh mà nội dung, yêu cầu của công tác vận động quần chúng đặt ra để rút ra những kết luận sát thực, làm cơ sở tham mưu cho cấp ủy Đảng đề ra chỉ thị, nghị quyết xây dựng và đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ *Xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc* : Căn cứ chỉ thị nghị quyết của cấp ủy Đảng và tình hình thực tế

ở địa phương để chủ động xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Nội dung của kế hoạch thể hiện những vấn đề cơ bản như sau :

- Đánh giá tổng quát tình hình an ninh trật tự, tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức trách nhiệm của quần chúng nhân dân, thực trạng phong trào toàn dân trong thời gian đã qua và xác định sự cần thiết phải tiến hành vận động xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong thời gian tới.

- Xác định mục đích, yêu cầu cụ thể phải đạt được của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Xác định nội dung cụ thể của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và hình thức, biện pháp để thực hiện nội dung cụ thể đó.

- Xác định cách thức tổ chức thực hiện kế hoạch, như : Phân công trách nhiệm và quy định mối quan hệ phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể ; giữa các lực lượng tham gia xây dựng phong trào ; phân chia các bước và thời gian thực hiện từng bước, tiến hành xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ; xác định điều kiện vật chất cần có để bảo đảm xây dựng phong trào đạt kết quả.

Phương pháp xây dựng kế hoạch :

- Trên cơ sở nội dung kế hoạch được xác định, tiến hành viết dự thảo kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đảm bảo đủ về nội dung, đúng về thể thức văn bản quản lí nhà nước quy định.

- Tiến hành gửi bản thảo kế hoạch đến tổ chức cá nhân có liên quan để lấy ý kiến, nhằm phát huy trí tuệ của tập thể, nâng cao tinh thần làm chủ, tính năng động, sáng tạo của từng người trong xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Tiếp thu ý kiến đóng góp của tập thể, tiến hành nghiên cứu bổ sung, xây dựng hoàn chỉnh bản kế hoạch trình Chủ tịch ủy ban nhân dân phường, xã phê duyệt và tổ chức thực hiện.

– *Tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh – trật tự*

+ *Tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân* : Tuyên truyền, giáo dục nhân dân trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giữ vị trí rất quan trọng, làm cho họ nâng cao nhận thức chính trị,

tinh thần cảnh giác cách mạng, vai trò trách nhiệm, quyền lợi, từ đó tích cực tham gia bảo vệ an ninh trật tự.

Nội dung tuyên truyền giáo dục :

- Tuyên truyền để nhân dân nhận thức rõ về âm mưu, phương thức thủ đoạn hoạt động thâm độc, nham hiểm của các thế lực thù địch và các loại tội phạm, nhận thức rõ bản chất sâu xa của chúng, thấy được tầm quan trọng, tính chất phức tạp, quyết liệt và lâu dài của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

- Tuyên truyền giáo dục nhân dân hiểu về đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, các quy định, phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân đối với việc bảo vệ an ninh trật tự. Từ đó quần chúng ý thức rõ được việc tích cực tham gia bảo vệ an ninh trật tự là thiết thực để bảo vệ cuộc sống ấm no, hạnh phúc của bản thân, gia đình, xóm làng cũng như của toàn xã hội.

Ngoài những nội dung trên, tùy theo tình hình cụ thể từng nơi, từng lúc mà lựa chọn, xác định thêm những nội dung khác để tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân cho thích hợp.

Phương pháp tuyên truyền giáo dục :

- Triệt để khai thác sử dụng phương tiện thông tin đại chúng và các loại hình văn hoá, giáo dục, nghệ thuật, áp phích khẩu hiệu, biểu ngữ... để tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân đạt hiệu quả.

- Thông qua các hình thức sinh hoạt, hội họp của các tổ chức chính trị – xã hội và thông qua hệ thống giáo dục các cấp ở địa phương để tuyên truyền giáo dục quần chúng.

- Sử dụng lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên để tuyên truyền giáo dục quần chúng theo từng chuyên đề nổi lên có liên quan trong từng thời gian

- Thường xuyên tiếp xúc, gặp gỡ trực tiếp quần chúng để tọa đàm, trao đổi, giải thích những vấn đề về bảo vệ an ninh trật tự, thuyết phục tranh thủ những người có uy tín trong cộng đồng dân cư để họ đồng tình với chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước từ đó mà tích cực tham gia thuyết phục, giáo dục những người lừng chừng chậm tiến trong gia đình và cộng đồng.

- Để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng trước hết phải tổ chức tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ của các ban trong Đảng, trong chính quyền, cán bộ lãnh đạo các ngành,

các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, sau đó tuyên truyền giáo dục sâu rộng ra trong nhân dân, động viên mọi người cùng có trách nhiệm tuyên truyền giáo dục lẫn nhau, tạo nên sự nhất trí cao về chính trị, tư tưởng trong nhân dân.

- Kết hợp tuyên truyền giáo dục rộng rãi với tuyên truyền giáo dục cá biệt bằng lời lẽ đơn giản và thực tế sinh động. Kết hợp chặt chẽ giữa việc tuyên truyền giáo dục quần chúng thực hiện nội dung nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự với việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và với phong trào lao động sản xuất, xây dựng đời sống hằng ngày của quần chúng nhân dân ở địa phương.

Tuyên truyền giáo dục quần chúng phải bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, tâm tư nguyện vọng của nhân dân. Phải chú ý giải quyết mâu thuẫn trong đời sống xã hội, trong nội bộ nhân dân, kết hợp giải quyết hài hoà giữa lợi ích cá nhân với cộng đồng, đảm bảo thực hiện công bằng xã hội.

Kịp thời biểu dương người tốt việc tốt, khuyến khích các điển hình tiên tiến, đồng thời gây dư luận xã hội nghiêm khắc lên án những hành động tiêu cực, vi phạm pháp luật.

Các nội dung công tác cụ thể phương pháp tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân trên đây có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau và trong từng nội dung của phương pháp đó cũng có ưu điểm, nhược điểm khác nhau, vì vậy phải tùy tình hình cụ thể ở từng nơi, từng lúc để vận dụng linh hoạt, có hiệu quả.

+ Hướng dẫn nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh – trật tự :
Hướng dẫn nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự là chỉ cho họ biết cách phòng ngừa, chủ động phát hiện và giúp đỡ cơ quan chức năng để đấu tranh có hiệu quả những hoạt động phá hoại của các thế lực phản động, hoạt động của các loại tội phạm ; phòng ngừa các tai nạn, bài trừ các tệ nạn xã hội.

Nội dung hướng dẫn quần chúng bao gồm :

- Hướng dẫn quần chúng bảo vệ, thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ; xây dựng và thực hiện các quy định về công tác bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương.

- Hướng dẫn quần chúng nhân dân phòng ngừa tội phạm, tham gia hoà giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân ; quản lí, giáo dục các đối tượng cần phải quản lí giáo dục ở địa phương.

- Hướng dẫn quần chúng nhân dân phát hiện tố giác với công an, chính quyền địa phương những người, sự việc, hiện tượng nghi vấn xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Tích cực tham gia đấu tranh góp phần làm thất bại âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, bọn phản động và các loại tội phạm khác.

- Hướng dẫn quần chúng nhân dân lên án, đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, các lễ thói hủ tục lạc hậu trong đời sống kinh tế xã hội, phòng ngừa và làm giảm các tai nạn, bài trừ các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường.

- Hướng dẫn quần chúng nhân dân tham gia xây dựng các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể cách mạng, tham gia góp ý kiến xây dựng lực lượng công an, dân quân tự vệ trong sạch vững mạnh.

Phương pháp hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự là đi từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ việc bảo vệ những lợi ích cá nhân trước mắt đến lợi ích lâu dài của tập thể ; từ việc bảo vệ lợi ích kinh tế đơn thuần đến bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng ; từ việc bí mật tố giác và cung cấp tài liệu, tin tức về hoạt động của bọn tội phạm đến công tác đấu tranh trực diện với chúng một cách có tổ chức.

– Phối hợp chặt chẽ các lực lượng, các ngành, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa phương để tổ chức vận động toàn dân bảo vệ an ninh trật tự

Để huy động được sức mạnh của toàn dân tham gia nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong quá trình xây dựng phong trào, cần phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa bàn. Nội dung phối hợp cần tập trung vào các vấn đề :

- + Phối hợp chặt chẽ các lực lượng, các tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ an ninh trật tự trên địa bàn xã, phường, các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn để xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng tự quản, Hội đồng an ninh trật tự, Ban bảo vệ dân phố, lực lượng dân phòng và lực lượng bảo vệ chuyên trách của các cơ quan doanh nghiệp.

- + Phối hợp với các lực lượng, cơ quan đơn vị, tổ chức đoàn thể quần chúng để tuyên truyền, vận động, giáo dục, hướng dẫn giác ngộ cho người dân nắm vững những yêu cầu của công tác bảo vệ an ninh – trật tự trên địa bàn, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh – trật tự. Làm cho quần chúng nắm vững đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chế độ, nội quy, quy tắc về an ninh trật tự, âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch,

bọn phản động và bọn tội phạm khác, tình hình các tệ nạn xảy ra trên địa bàn. Trên cơ sở đó nâng cao ý thức tự nguyện, tự giác của người quần chúng trong việc thực hiện các nhiệm vụ đặt ra.

+ Phối hợp với cơ quan đơn vị, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong việc chỉ đạo hướng dẫn thực hiện các mục tiêu yêu cầu đề ra trong công tác tổ chức vận động quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

– Xây dựng các tổ chức, lực lượng quần chúng nông cốt làm hạt nhân để xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Xây dựng cá nhân và các tổ chức quần chúng nông cốt làm hạt nhân để thúc đẩy phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn cơ sở là một nội dung quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến tổ chức vận động nhân dân. Lực lượng quần chúng nông cốt vừa là hạt nhân lãnh đạo phong trào, vừa là cầu nối giữa lực lượng công an với nhân dân vừa là người đi đầu, trực tiếp hướng dẫn nhân dân thực hiện các quy định về an ninh trật tự. Vì vậy việc xây dựng lực lượng quần chúng nông cốt ở cơ sở để duy trì và phát triển, đẩy mạnh phong trào, đây là một nội dung rất quan trọng không thể thiếu.

+ Các tổ chức quần chúng nông cốt làm nhiệm vụ an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở gồm :

Hiện nay ở các cơ sở xã, phường trong toàn quốc thường có 3 loại hình tổ chức quần chúng làm công tác an ninh trật tự là :

- Loại tổ chức quần chúng có chức năng tư vấn : tương ứng với loại hình này là Hội đồng an ninh trật tự ở cơ sở (xã, phường, thị trấn) thành phần gồm Chủ tịch UBND, Chủ tịch UBMTTQ, Trưởng Công an, Bí thư Đoàn thanh niên, Chủ tịch Hội cựu chiến binh, Chủ tịch Hội phụ nữ... đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ, sự quản lý điều hành của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn. Ở cơ quan, doanh nghiệp thành phần gồm : Bí thư Đảng uỷ, Thủ trưởng cơ quan, Trưởng phòng (tổ trưởng) bảo vệ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Phụ nữ.

Hội đồng an ninh trật tự có nhiệm vụ giúp (tư vấn) cho cấp uỷ, chính quyền, thủ trưởng cơ quan doanh nghiệp... để ra chủ trương, quyết định biện pháp và chỉ đạo công tác an ninh trật tự chung trong xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp...

- Loại có chức năng quản lý, điều hành : Tương ứng với loại hình này là Ban an ninh trật tự và Ban bảo vệ dân phố (ở nông thôn : ban an ninh trật tự được thành lập ở thôn, ấp, bản, làng ; ở cơ quan, doanh nghiệp lớn ban an ninh trật tự được thành lập ở phân xưởng, xí nghiệp, công ti... (nếu cơ quan,

doanh nghiệp nhỏ và thôn nhỏ có nơi không cần thiết phải thành lập Ban an ninh trật tự) ; ở thành phố, thị xã Ban bảo vệ dân phố được thành lập theo các khu phố, cụm dân cư.

Ban an ninh trật tự và Ban bảo vệ dân phố là lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và thực hiện một số biện pháp phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm quản lý, điều hành và phối hợp với Công an xã, phường, thị trấn, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp hướng dẫn, hỗ trợ các Tổ An ninh nhân dân, An ninh công nhân, Đội dân phòng tham gia bảo vệ an ninh trật tự.

- Loại có chức năng thực hành : tương ứng với loại hình này là các Tổ An ninh nhân dân, An ninh công nhân, Đội dân phòng, Đội thanh niên xung kích an ninh có nhiệm vụ trực tiếp thực thi các nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở các cơ sở.

Tổ an ninh nhân dân được cơ cấu ở các thôn, xóm, tổ dân phố. Một thôn, xóm, khu phố có thể có nhiều Tổ an ninh nhân dân. Căn cứ đặc điểm thực tế, số lượng dân cư, mối quan hệ ràng buộc của quần chúng ở khu tập thể, khu dân cư để hình thành Tổ an ninh nhân dân cho phù hợp (hiện nay hầu hết các địa phương đều đang duy trì hoạt động của Tổ an ninh nhân dân, tuy nhiên cũng có địa phương gọi là Tổ tự quản, Tổ liên gia an toàn, nhiều nơi lại vừa có Tổ an ninh nhân dân, vừa có Tổ tự quản... nên thống nhất gọi là Tổ an ninh nhân dân là đúng nghĩa nhất, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ là tổ chức của nhân dân làm công tác an ninh trật tự, phù hợp với quy định trước đây của Bộ trưởng Bộ Công an về chức năng, nhiệm vụ của Tổ an ninh nhân dân.

Tổ an ninh công nhân được cơ cấu ở các tổ, đội sản xuất, phân xưởng, phòng, ban trong cơ quan, doanh nghiệp, riêng ở các phân xưởng, phòng, ban lớn có thể có nhiều Tổ an ninh công nhân tùy thuộc phạm vi, quy mô, tính chất công việc chuyên môn và yêu cầu thực tế nhiệm vụ bảo vệ cơ quan, bảo vệ tài sản, bảo vệ an ninh trật tự.

Đội dân phòng là tổ chức chuyên môn của quần chúng được lập ra có nhiệm vụ tuần tra, canh gác bảo vệ an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy hoặc huy động cho các hoạt động đột xuất về an ninh trật tự.

Các Đội thanh niên xung kích an ninh, Đội thiếu niên sao đỏ là tổ chức của Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên lập ra để thu hút thanh thiếu niên vào hoạt động bảo vệ an ninh trật tự, như vậy nó cũng là tổ chức của quần chúng trực tiếp tham gia bảo vệ an ninh trật tự cần được duy trì hoạt động.

Các Đội dân phòng, thanh niên xung kích an ninh, hình thành theo thôn, xóm, khu phố, cụm dân cư hoặc cơ cấu theo tổ chức Đoàn thanh niên (Chi đoàn, Phân đoàn) tùy theo tính chất nhiệm vụ công tác an ninh trật tự ở cơ sở.

+ *Nội dung, yêu cầu xây dựng các tổ chức quần chúng nông cốt làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự :*

- Cần phải lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn có uy tín với quần chúng, được quần chúng tin yêu, có khả năng và điều kiện đảm nhiệm các mặt công tác về an ninh trật tự ở cơ sở.

- Lựa chọn người có khả năng tổ chức, điều hành các hoạt động có liên quan đến an ninh trật tự, bản thân có ý thức tự giác, tự nguyện và trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành các thủ tục báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định giao nhiệm vụ cho họ.

- Bồi dưỡng, hướng dẫn để đội ngũ cán bộ cơ sở nắm vững chức năng nhiệm vụ, quyền hạn lễ lối làm việc, mối quan hệ và phân công đảm nhiệm công việc cụ thể để cán bộ cơ sở có kế hoạch thực hiện.

- Thường xuyên có kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, nghiệp vụ, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn trong từng thời gian và nhiệm vụ đặt ra trong việc giữ gìn an ninh trật tự. Hướng dẫn để họ biết cách tổ chức vận động quần chúng ở địa bàn dân cư.

- Nắm vững những diễn biến hoạt động của đội ngũ cán bộ cơ sở có kế hoạch thăm hỏi động viên kịp thời đối với cán bộ tốt có năng lực, đồng thời uốn nắn các lệch lạc của cán bộ cơ sở ; tạo điều kiện về vật chất và tinh thần, việc làm, đời sống, quan hệ sinh hoạt trong phạm vi điều kiện cho phép, để đội ngũ cán bộ nông cốt ở cơ sở yên tâm phấn khởi công tác, tích cực thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở.

+ *Phương pháp xây dựng các tổ chức quần chúng nông cốt được tiến hành như sau :*

Xác định hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng. Căn cứ tình hình đặc điểm của địa bàn, yêu cầu của công tác phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm ở từng nơi, từng lúc ; căn cứ điều kiện khả năng nhận thức cũng như khả năng đảm nhiệm những phần việc cụ thể của quần chúng và nhu cầu nguyện vọng, lợi ích chính đáng của quần chúng để định ra hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng một cách khoa học và hợp lí.

Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quần chúng được xây dựng.

- Mỗi loại hình tổ chức quần chúng khác nhau có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau. Sau khi đã xác định được hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng, phải xác định một cách cụ thể rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quần chúng, có như vậy mới phát huy được vai trò của tổ chức, tạo điều kiện để tổ chức hoạt động nhịp nhàng, có hiệu quả, không bị mất phương hướng hoặc trùng lắp, chồng chéo, trì trệ.

- Chỉ khi nào và ở nơi nào có yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự đòi hỏi cần phải xây dựng hình thức tổ chức quần chúng nào đó thì mới xây dựng. Nếu không có nhu cầu, nhiệm vụ chưa xuất hiện thì chưa cần phải vội vàng thành lập tổ chức quần chúng, bởi vì thành lập tổ chức mà chưa có chức năng nhiệm vụ thì tổ chức đó sẽ không tồn tại được và dẫn đến tan rã.

- Căn cứ vào pháp luật của Nhà nước, chế độ nội quy quy định của đơn vị, địa phương và yêu cầu của tình hình nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự đặt ra để xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của loại hình tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

Đề xuất cấp ủy, chính quyền ra quyết định thành lập tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

Sau khi xác định rõ sự cần thiết phải thành lập các tổ chức quần chúng, loại hình tổ chức quần chúng và chức năng nhiệm vụ quyền hạn của loại hình tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự đó, với sự hỗ trợ của lãnh đạo chủ chốt của địa phương. Công an cấp cơ sở báo cáo, đề xuất với cấp ủy và chính quyền địa phương và làm thủ tục trình Chủ tịch, Phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã, phường ra quyết định thành lập tổ chức.

Đây là thủ tục cần thiết để đảm bảo tính hợp pháp của loại hình tổ chức quần chúng theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời nâng cao vai trò, vị trí của tổ chức quần chúng, nâng cao trách nhiệm nghĩa vụ của những người tham gia tổ chức cũng như những người khác có liên quan đến hình thức tổ chức quần chúng.

Tuyển chọn những thành viên tham gia tổ chức quần chúng và bồi dưỡng, tập huấn cho các thành viên trong tổ chức quần chúng.

Căn cứ tình hình nắm được về quần chúng, căn cứ vào tiêu chuẩn quy định, tiến hành tuyển chọn, thu nạp các thành viên tham gia tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự đảm bảo đủ về số lượng, đáp ứng về chất lượng. Yêu cầu các thành viên tham gia các tổ chức quần chúng phải là những người có phẩm chất đạo đức tốt nhiệt tình, hăng hái, tự nguyện tự giác và được quần chúng tín nhiệm.

Tiến hành giáo dục, bồi dưỡng, tập huấn cho các thành viên nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn ; chế độ chính sách, lễ lối phương pháp hoạt động của tổ chức ; phương pháp xử lý các tình huống về an ninh trật tự xảy ra ; việc sử dụng các phương tiện cần thiết để bảo vệ an ninh trật tự và các kiến thức cần thiết khác có liên quan đến bảo vệ an ninh trật tự để tổ chức quần chúng triển khai hoạt động tự quản, tự phòng, tự bảo vệ an ninh trật tự có hiệu quả.

Việc xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự là đảm bảo quyền làm chủ quần chúng, đồng thời tạo lập lực lượng nòng cốt cho phong trào, do đó cần có kế hoạch xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng đa dạng, nhưng phải tránh tình trạng hình thức máy móc, chạy theo số lượng, thành lập tổ chức quần chúng không có tác dụng thiết thực. Trong quá trình xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân, từ yêu cầu của công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ở từng địa phương đơn vị. Đồng thời phải phát huy dân chủ, phải tổ chức thảo luận công khai lấy ý kiến của nhân dân về sự cần thiết phải xây dựng hình thức tổ chức quần chúng ; về loại hình tổ chức quần chúng, về các hình thức, thành viên tham gia cũng như về chính sách, khuyến khích vật chất, tinh thần đối với các thành viên tham gia tổ chức quần chúng.

Động viên tích cực các thành viên trong tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự, căn cứ điều kiện hoàn cảnh cụ thể của địa phương, cấp ủy, chính quyền có chế độ chính sách khuyến khích vật chất, tinh thần hợp lý, kịp thời, theo chế độ chung của Nhà nước, của địa phương và nguồn kinh phí đóng góp của nhân dân.

- Xây dựng điển hình và nhân điển hình tiên tiến làm cơ sở để tổ chức vận động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Điển hình tiên tiến là những cá nhân, đơn vị, cơ sở đạt được thành tích xuất sắc nổi trội, có đặc thù chung phổ biến giúp các cá nhân, đơn vị khác học tập, noi theo. Nhân điển hình tiên tiến là việc tổ chức học tập, phát triển những nhân tố tích cực của phong trào toàn dân thành phổ biến rộng khắp. Thực chất của nhân điển hình tiên tiến là việc phổ biến kinh nghiệm điển hình, động viên thúc đẩy phong trào lên một bước mới có chất lượng cao hơn, đồng đều hơn. Để nhân rộng điển hình tiên tiến cần làm tốt các công việc cụ thể sau đây :

+ Lựa chọn điển hình tiên tiến :

- Căn cứ đặc điểm tình hình địa phương, đơn vị ; căn cứ vào kết quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và nhiệm vụ duy trì và phát triển

phong trào ở địa phương để phát hiện, lựa chọn những cá nhân, tập thể tiêu biểu, có thành tích nổi bật, có kinh nghiệm tốt, làm hạt nhân điển hình tiên tiến thúc đẩy phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Việc phát hiện, lựa chọn điển hình tiên tiến được tiến hành thông qua công tác kiểm tra hoạt động của phong trào, thông qua công tác tổ chức cho các cơ sở, đơn vị, quần chúng nhân dân bình chọn hoặc cơ quan chức năng ngay từ đầu có kế hoạch chủ động lựa chọn, cho đăng kí, sau đó tập trung bồi dưỡng một số cá nhân, tập thể đó trở thành điển hình tiên tiến của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Tổ chức rút kinh nghiệm điển hình tiên tiến : Lực lượng công an chủ trì phối hợp với bộ phận chức năng tổ chức hướng dẫn cá nhân, đơn vị tiên tiến liên hệ kiểm điểm, đánh giá kết quả, rút ra những bài học kinh nghiệm và xây dựng hoàn thiện báo cáo điển hình tiên tiến trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến :

- Phương pháp phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến, đẩy mạnh phong trào thi đua bảo vệ an ninh Tổ quốc, được tiến hành bằng cách tổ chức cho các cá nhân đơn vị, địa phương có phong trào ở mức trung bình hoặc yếu kém trực tiếp tiếp xúc, gặp gỡ, tham quan, trao đổi học tập kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến, để áp dụng các kinh nghiệm đó vào phong trào ở địa phương, đơn vị mình.

- Mở hội nghị nhân điển hình tiên tiến : Tổ chức kí kết giao ước thi đua về xây dựng điển hình, tạo thành phong trào thi đua học tập, đua kịp và vượt các điển hình tiên tiến.

- Kết hợp sử dụng, phát huy ưu thế của các phương tiện thông tin đại chúng, các loại hình văn hoá nghệ thuật như : đài phát thanh, truyền hình, tranh ảnh, sách báo... để phổ biến kinh nghiệm của điển hình tiên tiến.

– *Lồng ghép nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các phong trào khác của nhà trường và của địa phương.*

Để thúc đẩy được phong trào và duy trì phong trào được thường xuyên, tránh được sự suy thoái của phong trào sau một thời gian hoạt động, thì việc kết hợp và lồng ghép nội dung của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc tại địa phương với các phong trào khác là một hình thức tốt để duy trì và thúc đẩy phong trào.

+ Nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được kết hợp với các phong trào khác của nhà trường và của địa phương như :

- Lồng ghép trong phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công với nước, nội dung đảm bảo giữ gìn an ninh trật tự là nội dung bảo vệ tài sản công dân phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu, xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của những người được chăm sóc tạo thành một phong trào chung của địa phương.

- Kết hợp đưa nội dung giáo dục những người cần phải giáo dục tại xã phường thị trấn là một nội dung của phong trào xây dựng làng văn hoá, khu phố văn hoá, từ đó tạo thành một nếp sống tốt, lành mạnh phát huy tình làng nghĩa xóm, đoàn kết tương thân, tương ái, hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, xây dựng được tổ dân phố, cụm dân cư, làng xã an toàn.

- Trong phong trào học sinh thanh lịch của nhà trường cần lồng ghép với phong trào chấp hành Luật Giao thông, lấy đây là một nội dung tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá một học sinh thanh lịch...

- Để có phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc sâu rộng thu hút được nhiều tầng lớp tham gia trong đó có tầng lớp học sinh thì nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phải được lồng ghép trong các phong trào khác của Đoàn thanh niên và các phong trào của học sinh trong nhà trường như : "Phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội trong thanh thiếu niên" ; phong trào "Phòng chống ma túy trong học đường", phong trào ngày hè xanh, phong trào đảm bảo vệ sinh môi trường...

+ Để lồng ghép được nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các phong trào khác của nhà trường hoặc của đoàn thanh niên nhà trường, cơ quan công an cơ sở (phường, xã) là chủ thể tiến hành xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, cần phải có kế hoạch, chủ động kết hợp với nhà trường và Đoàn thanh niên của các trường đóng trên địa bàn đưa các nội dung cần thiết phù hợp vào từng phong trào, từng thời điểm thích hợp, tham gia xây dựng các tiêu chuẩn để đánh giá sự hoạt động, tích cực hoặc thiếu tích cực của từng học sinh.

3. Trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc

Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội là trách nhiệm của toàn Đảng toàn dân và cũng là của toàn thể thanh niên Việt Nam. Để góp phần của mình vào sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc học sinh có trách nhiệm thực hiện tốt một số công việc sau đây :

a) Mỗi học sinh phải có nhận thức đúng đắn đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh – trật tự của Tổ quốc. Đây là một nhiệm vụ quan trọng để giữ gìn cuộc sống bình yên cho nhân dân và làm cơ sở nền tảng cho sự phát triển đất nước

Đối với học sinh đang được học tập, rèn luyện trong nhà trường trước hết phải nhận thức được sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc là trách nhiệm của tất cả mọi công dân Việt Nam trong đó lực lượng công an nhân dân làm nòng cốt. Công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm giữ gìn an ninh – trật tự là một cuộc đấu tranh gay go và phức tạp cần phải huy động sức mạnh của tất cả mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội, là thanh niên Việt Nam nói chung và là đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nói riêng lại càng gương mẫu và tích cực tham gia vào các công tác giữ gìn an ninh Tổ quốc, cụ thể là các phong trào giữ gìn an ninh – trật tự của địa phương.

Để quán triệt được quan điểm trên : Mỗi học sinh trong thời gian học tập tại nhà trường phải say mê học tập, chăm rèn luyện, có nhận thức đúng những điều hay, lẽ phải, biết các việc nên làm và không được làm ; nắm vững và chấp hành đầy đủ các nội quy quy định của nhà trường, các quy định của địa phương và pháp luật của nhà nước ; phát hiện và mạnh dạn đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương hoặc ở trong nhà trường. Nhằm phát huy được những mặt tích cực, hạn chế những tồn tại nhược điểm của học sinh, đóng góp tích cực cho công tác bảo vệ an ninh trật tự của địa phương và các phong trào khác của nhà trường, mỗi cá nhân phải học tập, rèn luyện tốt, tu dưỡng phẩm chất đạo đức của người học sinh, kính trọng thầy, cô giáo, tôn trọng các cơ quan chính quyền, tích cực tham gia các phong trào của địa phương.

b) Mỗi học sinh tự giác chấp hành các quy định về đảm bảo an ninh trật tự của nhà trường và của địa phương nơi cư trú

Để đảm bảo an ninh trật tự, mọi công dân phải tự giác chấp hành các quy định của nhà nước và của địa phương về giữ gìn an ninh trật tự như : bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ việc thực hiện các chính sách của nhà nước, bảo vệ chính quyền, bảo vệ sự vững mạnh của các tổ chức đoàn thể xã hội ; chống kẻ địch phá hoại về chính trị tư tưởng, về kinh tế văn hoá xã hội ; xây dựng khối thống nhất toàn dân...

– Mỗi học sinh đều phải tích cực tham gia vào các hoạt động của nhà trường, của đoàn thanh niên hoặc của địa phương tổ chức.

– Không xem, đọc, lưu truyền các văn hoá phẩm độc hại, đồi trụy, không nghe, không bình luận các luận điểm tuyên truyền xuyên tạc nói xấu Nhà nước xã hội chủ nghĩa của các thế lực thù địch, không truy cập vào các Website có nội dung thiếu lành mạnh.

– Không tự ý thành lập, tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị và các tổ chức có tính chất chính trị trái pháp luật Việt Nam.

– Phát hiện và đề nghị với thầy, cô giáo và các cơ quan chính quyền địa phương nơi cư trú, học tập để có biện pháp ngăn chặn các hành vi hoạt động tệ nạn xã hội (cờ bạc, ma túy, mại dâm), các hành vi xâm hại đến an ninh, trật tự an toàn xã hội.

– Tích cực và gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước, các thể lệ hành chính quy định về lĩnh vực an ninh trật tự ; luật lệ an toàn giao thông ; an toàn phòng cháy, chữa cháy ; vệ sinh môi trường và các quy định khác.

– Đối với học sinh lưu trú trong kí túc xá :

+ Giữ gìn và bảo vệ tài sản của nhà trường, không được sử dụng một cách bừa bãi, làm hư hỏng mất mát tài sản và trang thiết bị trong kí túc xá.

+ Chấp hành tốt nội quy của kí túc xá, thực hiện đầy đủ những cam kết được ghi trong hợp đồng với Ban quản lí kí túc xá.

+ Không tàng trữ vũ khí, chất độc, chất nổ, chất dễ cháy, hoá chất độc hoặc hàng cấm khác trong kí túc xá.

– Đối với học sinh tạm trú trong các khu vực dân cư :

+ Thực hiện đầy đủ các quy định về khai báo tạm trú tại khu vực dân cư theo quy định của pháp luật.

+ Chấp hành tốt các quy định của địa phương nơi cư trú như ; vệ sinh môi trường, trật tự đô thị, bảo vệ môi trường.

+ Tích cực tham gia các phong trào giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn như : Phòng chống các âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động lôi kéo học sinh vào các hoạt động chống đối Nhà nước ; phòng ngừa các hoạt động của bọn tội phạm hình sự xâm phạm đến tính mạng và tài sản của học sinh ; ngăn ngừa, đấu tranh với các trường hợp sử dụng các chất ma túy trong học sinh.

c) Tích cực tham gia vào các phong trào bảo vệ an ninh trật tự của địa phương

Phong trào toàn dân ở từng cụm dân cư, từng phường, xã có mạnh hay không là do sự đóng góp chung của tất cả mọi thành viên trong cộng đồng

khu vực, từ trẻ đến già ; từ cán bộ, công nhân, viên chức đến học sinh. Hoạt động này phải trở thành ý thức tự giác và tự quản của từng người dân, trong đó có sự đóng góp tích cực và quan trọng của học sinh.

Với trách nhiệm của người học sinh, là nguồn lực để xây dựng và phát triển đất nước, nhưng mỗi học sinh cũng cần được sự hỗ trợ, định hướng và điều dắt của Đảng, Nhà nước, nhà trường và của toàn xã hội, do đó mỗi học sinh không những chấp hành đúng và đủ các quy định của Nhà nước về đảm bảo an ninh trật tự mà còn phải tham gia tích cực vào các phong trào bảo vệ an ninh – trật tự của địa phương, như : "Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" ; phong trào "Toàn dân phòng chống ma tuý", "Tự phòng, tự quản, tự bảo vệ" ; phong trào "Toàn dân tham gia cảm hoá giáo dục người lầm lỗi" ; cũng như các phong trào bảo vệ an ninh trật tự khác : phong trào xây dựng cụm dân cư an toàn, số nhà an toàn ; tham gia vào các tổ chức quần chúng "Đội thanh niên xung kích an ninh", "Đội thanh niên tự quản"... tích cực tham gia tuần tra canh gác, phòng ngừa các hoạt động tội phạm.

Để thực hiện được các nội dung trên học sinh thông qua các hoạt động của Đoàn thanh niên, các hoạt động khác của nhà trường để lồng ghép các nội dung của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

d) Luôn luôn nêu cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia hoạt động phòng chống tội phạm ở địa phương, phát hiện những hiện tượng tiêu cực, những hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong nhà trường và nơi cư trú kịp thời, cung cấp cho cơ quan công an để có biện pháp ngăn chặn và giải quyết

Để góp phần vào công tác giữ gìn an ninh trật tự, tạo thành phong trào toàn dân phòng chống tội phạm, học sinh cần tích cực tham gia vào các hoạt động giữ gìn an ninh trật tự của địa phương theo khả năng của mình như :

Phát hiện các hành vi tuyên truyền, phát tán các văn hoá phẩm đồi trụy, các tài liệu phản động báo cáo ngay với ban giám hiệu nhà trường, với thầy, cô giáo chủ nhiệm hoặc cơ quan công an để thu giữ kịp thời.

Phát hiện và ngăn chặn các vụ đánh nhau, gây rối trật tự công cộng báo cáo với nhà trường, ban bảo vệ dân phố, cơ quan công an nơi gần nhất để có biện pháp ngăn chặn, tham gia phát hiện truy bắt các đối tượng phạm pháp bỏ trốn.

Phát hiện các hành vi vi phạm các quy định về trật tự an toàn xã hội như mang chất cháy, chất nổ, chất độc, vũ khí thô sơ đến trường.

Phát hiện và báo cáo kịp thời với nhà trường về những người hoặc các hiện tượng học sinh có biểu hiện sử dụng các chất ma túy, đua đòi ăn chơi tụ tập đua xe, đánh bạc ăn tiền...

Thường xuyên giúp đỡ các bạn gặp khó khăn về điều kiện học tập, động viên các bạn vượt khó để học tập tốt.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2. Phương pháp tiến hành xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn cơ sở. Đặc điểm địa lí và văn hoá xã hội của từng vùng miền có ảnh hưởng như thế nào đến phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ?

3. Học sinh có trách nhiệm gì trong việc tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc tại địa phương nơi cư trú.

Bài 12

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

– Trang bị cho học sinh kiến thức cơ bản về tội phạm và các loại tệ nạn xã hội ; nội dung và phương pháp phòng ngừa tội phạm, các loại tệ nạn xã hội cụ thể trong xã hội và trong nhà trường.

– Hiểu được nội dung, nhiệm vụ phòng chống tội phạm và các loại tệ nạn xã hội, tham gia tích cực trong nhiệm vụ phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong nhà trường và khu vực dân cư.

II - NỘI DUNG

1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

a) Khái niệm phòng chống tội phạm

Phòng ngừa tội phạm là việc các cơ quan của Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng nhiều biện pháp nhằm khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm ngăn chặn, hạn chế và làm giảm từng bước, tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

– Phòng ngừa tội phạm là phương hướng chính là tư tưởng chỉ đạo trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, phòng ngừa không để tội phạm xảy ra ; thể hiện bản chất nhân đạo của chế độ xã hội mới, không để người dân bị xử lí trước pháp luật, không bị tước quyền công dân.

– Phòng ngừa mang ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc, làm tốt công tác phòng ngừa giúp giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của xã hội, tính mạng, sức khỏe, danh dự, phẩm giá của mọi người dân.

– Làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm mang ý nghĩa kinh tế sâu sắc, tiết kiệm ngân sách Nhà nước, sức lao động của các nhân viên Nhà nước, của công dân trong các hoạt động điều tra truy tố xét xử và giáo dục cải tạo người phạm tội, cũng như trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến tội phạm.

Phòng chống tội phạm được tiến hành theo hai hướng cơ bản sau :

+ Hướng thứ nhất : Phát hiện, khắc phục, hạn chế và đi đến thủ tiêu các hiện tượng xã hội tiêu cực là những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội và phạm tội cụ thể. Đây là hướng mang tính cơ bản, chiến lược và lâu dài.

+ Hướng thứ hai : Hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả, tác hại khi tội phạm xảy ra. Đây cũng là một hướng quan trọng không thể xem nhẹ, bởi trong thực tế những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh, phát triển tội phạm vẫn tồn tại, hoạt động phòng ngừa tội phạm còn bộc lộ nhiều khiếm khuyết nên tội phạm vẫn xảy ra. Hướng này đòi hỏi các cơ quan chức năng phối hợp kịp thời phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, cải tạo người phạm tội trở thành người công dân lương thiện.

– Phòng chống tội phạm mang tính đồng bộ, hệ thống và có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và các công dân.

Mục đích của công tác phòng ngừa tội phạm là khắc phục, thủ tiêu các nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm ngăn chặn, hạn chế, làm giảm từng bước tiến tới loại trừ tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội.

b) Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

– Nghiên cứu, xác định rõ các nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội

Để phòng ngừa có hiệu quả tội phạm đòi hỏi các cơ quan chức năng phải xác định chính xác những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm, xây dựng chiến lược phòng ngừa phù hợp.

Những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm hiện nay bao gồm :

+ Sự tác động bởi những mặt trái của nền kinh tế thị trường. Nền kinh tế thị trường, bên cạnh những mặt ưu điểm cũng bộc lộ nhiều mặt trái trở thành những nguyên nhân làm phát sinh tội phạm, đó là :

• Mặt trái nền kinh tế thị trường hình thành lối sống hưởng thụ xa hoa, trụy lạc của một bộ phận người trong xã hội.

• Tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường đã làm xuống cấp nhiều mặt về văn hoá, đạo đức, lối sống làm mất đi truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc.

• Nền kinh tế thị trường đẩy mạnh tốc độ phân tầng xã hội, tạo ra sự phân hoá giàu nghèo sâu sắc, một bộ phận giàu lên nhanh chóng trong đó có một số người làm giàu bất chính từ đó dẫn đến phạm tội, mặt khác không ít người không có tư liệu sản xuất phải ra thành phố, thị xã làm thuê kiếm sống bị tác động bởi những hiện tượng tiêu cực dễ dẫn đến phạm tội.

+ Tác động trực tiếp, toàn diện của những hiện tượng xã hội tiêu cực do chế độ cũ để lại.

+ Hậu quả của chế độ thực dân, đế quốc cùng với chiến tranh kéo dài trong nhiều năm đã phá hoại cơ sở vật chất, hình thành lối sống hưởng thụ, tư tưởng tham lam, ích kỉ, sa đoạ trụy lạc trong một bộ phận nhân dân.

+ Tư tưởng trọng nam, coi thường phụ nữ ; những tác động tiêu cực, tàn dư của chế độ xã hội cũ còn tồn tại lâu dài tác động vào đời sống xã hội làm nảy sinh các hiện tượng tiêu cực trong đó có tội phạm.

+ Sự thâm nhập ảnh hưởng của tội phạm, tệ nạn xã hội của các quốc gia khác.

+ Những sơ hở, thiếu sót trong các mặt công tác quản lí của Nhà nước, các cấp, các ngành bao gồm : sơ hở thiếu sót trong quản lí con người, quản lí văn hoá, quản lí nghề nghiệp kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự...

+ Những thiếu sót trong giáo dục đạo đức, lối sống, nâng cao trình độ văn hoá của người dân.

+ Hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, việc thực thi pháp luật kém hiệu quả, một số chính sách về kinh tế, xã hội chậm đổi mới tạo sơ hở cho

tội phạm hoạt động phát triển. Đặc biệt là pháp luật về phòng ngừa tội phạm còn thiếu, sự chưa tương thích của pháp luật Việt Nam với pháp luật Quốc tế và pháp luật của các nước trong khu vực cũng là một kẽ hở để tội phạm lợi dụng hoạt động. Sự chậm đổi mới chủ trương chính sách về kinh tế xã hội và pháp luật đã bộc lộ những sơ hở khiến cho một số đối tượng lợi dụng để hoạt động phạm tội.

+ Công tác đấu tranh chống tội phạm của các cơ quan chức năng nói chung và của ngành công an nói riêng còn bộc lộ nhiều yếu kém, thiếu sót ; thể hiện trên các mặt :

- Trình độ nghiệp vụ, pháp luật của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn dẫn đến hữu khuynh né tránh, thậm chí có một số cán bộ biến chất, tiếp tay cho tội phạm, buông lỏng công tác đấu tranh trấn áp tội phạm.

- Mối quan hệ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa thực sự đồng bộ, thiếu thống nhất trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, giáo dục, cải tạo phạm nhân. Hoạt động trao đổi thông tin giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật còn chưa tốt.

- Số vụ phát hiện, điều tra ít hơn so với thực tế tội phạm xảy ra, tội phạm ẩn còn nhiều.

- Hoạt động điều tra, xử lý tội phạm chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao, xử lý chưa nghiêm minh.

- Hệ thống tổ chức bộ máy, phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật và trong nội bộ từng cơ quan chưa thực sự khoa học, hiệu quả vận hành chưa cao.

+ Công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự còn bộc lộ nhiều sơ hở. Công tác giáo dục cải tạo chưa xoá bỏ được tư tưởng phạm tội của các đối tượng, số đối tượng phạm tội trở lại còn nhiều.

+ Phong trào quần chúng tham gia đấu tranh chống tội phạm ở một số nơi chưa thực sự mạnh mẽ, chưa hiệu quả. Chưa phát huy được sức mạnh của quần chúng trong công tác giáo dục, cải tạo và tái hoà nhập cộng đồng cho người phạm tội.

– *Nghiên cứu, soạn thảo để ra các chủ trương, giải pháp, biện pháp thích hợp nhằm từng bước xoá bỏ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm*

Tuỳ thuộc vào nguyên nhân, điều kiện cụ thể của tình trạng phạm tội trên các lĩnh vực để soạn thảo đề xuất các biện pháp đấu tranh xoá bỏ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm cho phù hợp, bao gồm :

- + Các giải pháp phát triển kinh tế.

- + Các giải pháp về hoàn thiện hệ thống pháp luật.

+ Phòng ngừa tội phạm kết hợp với thực hiện các chính sách xã hội phù hợp với các địa phương cụ thể.

+ Nhà nước phải xây dựng chương trình quốc gia phòng chống tội phạm nói chung, đảm bảo các yêu cầu, nội dung sau :

Xác định rõ mục tiêu, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, sử dụng đồng bộ hệ thống, các biện pháp phòng ngừa, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cấp, các ngành, của công dân.

+ Mỗi cấp, mỗi ngành phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình để xây dựng và tổ chức chương trình hành động cụ thể phòng chống tội phạm.

+ Mỗi công dân phải nhận thức rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong công tác phòng ngừa tội phạm.

+ Nhà nước, chính quyền các cấp phải thường xuyên kiểm tra, tạo điều kiện về vật chất và tinh thần nhằm duy trì và đẩy mạnh công tác phòng chống tội phạm.

– *Tổ chức tiến hành các hoạt động phòng ngừa tội phạm*

Các cấp, các ngành các tổ chức xã hội căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ cụ thể của mình để xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động phòng ngừa tội phạm.

– Chính quyền các cấp tổ chức triển khai thực hiện chương trình phòng ngừa tội phạm nhằm khắc phục nguyên nhân, điều kiện của tội phạm ở mỗi cấp (Trung ương, tỉnh, thành phố, quận huyện, xã phường).

– Các bộ ngành triển khai chương trình phòng ngừa tội phạm nhằm khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm có liên quan đến hoạt động của mình.

– Từng hộ gia đình, mỗi cá nhân trực tiếp tham gia hoạt động phòng ngừa tội phạm.

– *Tổ chức tiến hành các hoạt động phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm*

Các cơ quan chức năng có nhiệm vụ tiến hành phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm theo quy định của pháp luật có trách nhiệm : chủ động phối kết hợp với các lực lượng có liên quan kịp thời phát hiện các thông tin về tội phạm và có liên quan đến tội phạm ; tổ chức điều tra làm rõ các hành vi phạm tội, người phạm tội, làm rõ những vấn đề cần chứng minh theo yêu cầu của pháp luật, phục vụ xử lý tội phạm ; các cơ quan truy tố, xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội để xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật,

đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, không để lọt người phạm tội, không làm oan người vô tội.

c) Chủ thể và những nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

– Chủ thể hoạt động phòng chống tội phạm

+ Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp

Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp tiến hành phòng ngừa tội phạm trên các phương diện sau :

Chủ động, kịp thời ban hành các đạo luật, nghị quyết, các văn bản pháp lí về phòng chống tội phạm, từng bước hoàn thiện pháp luật, làm cơ sở cho các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, mỗi công dân làm tốt công tác phòng chống tội phạm.

Thành lập các uỷ ban, các tiểu ban giúp cho Quốc hội soạn thảo ban hành các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác đấu tranh chống tội phạm nói chung (Ủy ban sửa đổi Hiến pháp, pháp luật, Uỷ ban quốc phòng an ninh).

Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ pháp luật trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói riêng của các cơ quan chức năng, các tổ chức xã hội.

Hội đồng nhân dân địa phương ra các Nghị quyết về phòng chống tội phạm ở địa phương mình.

+ *Chính phủ và Uỷ ban nhân dân các cấp*

Chức năng chính của Chính phủ và Uỷ ban nhân dân các cấp trong phòng chống tội phạm là quản lí, điều hành, phối hợp, đảm bảo các điều kiện cần thiết, thể hiện :

Cụ thể hoá các chỉ thị, nghị quyết của Đảng thành những văn bản pháp quy hướng dẫn, tổ chức các lực lượng phòng chống tội phạm.

Sử dụng các cơ quan chuyên trách của Chính phủ tiến hành hoạt động phòng chống tội phạm : Công an, Toà án, Viện kiểm sát.

Phối hợp tiến hành đồng bộ hoạt động giữa các chủ thể khác nhau thuộc cấp mình quản lí theo kế hoạch thống nhất.

Đảm bảo các điều kiện vật chất cho hoạt động phòng chống tội phạm : ngân sách, phương tiện, điều kiện làm việc.

Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ và phối hợp điều chỉnh hoạt động phòng chống tội phạm đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Đề ra các biện pháp nhằm động viên, huy động sức mạnh của toàn xã hội tham gia hoạt động phòng chống tội phạm : khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

+ Các cơ quan quản lí kinh tế, văn hoá, giáo dục, dịch vụ, du lịch trong phạm vi tổ chức hoạt động chuyên môn.

Phát hiện những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh phát triển tội phạm thuộc lĩnh vực mình quản lí.

Đề ra những quy định thích hợp, tham mưu cho Nhà nước ban hành các chủ trương, chính sách đúng đắn góp phần khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm.

Xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án phòng ngừa tội phạm trong phạm vi cơ quan có hiệu quả.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, làm tốt công tác phòng chống trong nội bộ, ngoài xã hội theo chương trình chung của Chính phủ.

+ *Các tổ chức xã hội, các tổ chức quần chúng tự quản*

Các tổ chức đoàn thể trên giữ vị trí vô cùng quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, cụ thể :

Phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn soạn thảo, tham gia kế hoạch phòng ngừa tội phạm.

Tuyên truyền cho hội viên thấy được tính chất, thủ đoạn hoạt động của tội phạm nâng cao ý thức cảnh giác.

Trực tiếp huy động các hội viên tham gia chương trình phòng chống tội phạm nói chung của Chính phủ trong phạm vi địa phương, nội bộ hiệp hội của mình.

+ *Các cơ quan bảo vệ pháp luật : Công an, Tòa án, Viện kiểm sát*

Nghiên cứu, phân tích tình trạng phạm tội, xác định chính xác những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm, soạn thảo đề xuất các biện pháp phòng chống thích hợp.

Sử dụng các biện pháp luật định và các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn theo chức năng, trực tiếp tiến hành các hoạt động phòng ngừa tội phạm.

Đối với lực lượng công an phải trực tiếp tổ chức, triển khai các hoạt động phòng ngừa tội phạm theo hai hướng : Tham gia phòng ngừa xã hội (phòng ngừa chung) và trực tiếp tiến hành toàn diện hoạt động phòng ngừa nghiệp vụ, điều tra tội phạm.

Viện kiểm sát : Kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các hoạt động điều tra, xét xử, thi hành án, giam giữ, giáo dục, cải tạo phạm nhân, giữ quyền công tố.

Toà án các cấp : Thông qua hoạt động xét xử các vụ án đảm bảo công minh, đúng pháp luật ; phát hiện những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm để Chính phủ, các ngành, các cấp kịp thời có biện pháp ngăn chặn, loại trừ.

Bộ Tư pháp trực tiếp tham gia xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, khắc phục những sơ hở thiếu sót là nguyên nhân, điều kiện của tội phạm.

+ *Công dân*

Công dân có nghĩa vụ và quyền lợi trong sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự. Công dân với tư cách là chủ thể trong phòng chống tội phạm phải quán triệt :

Thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của công dân đã được quy định trong Hiến pháp, tích cực tham gia hoạt động phòng ngừa tội phạm.

Tích cực, chủ động phát hiện mọi hoạt động của tội phạm và thông báo cho các cơ quan chức năng.

Tham gia nhiệt tình vào công tác giáo dục, cảm hoá các đối tượng có liên quan đến hoạt động phạm tội tại cộng đồng dân cư.

Phối hợp tham gia, giúp đỡ các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội thực hiện tốt chương trình "Quốc gia phòng chống tội phạm". Thực hiện tốt các phong trào : "Toàn dân tham gia phòng chống tội phạm, tố giác tội phạm, cảm hoá giáo dục người phạm tội tại gia đình và cộng đồng dân cư", làm tốt công tác tái hoà nhập cộng đồng cho người phạm tội khi trở về địa phương.

Trực tiếp làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm ngay trong phạm vi gia đình (quản lí, giáo dục các thành viên trong gia đình).

– *Nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm.* Nhà nước quản lí ; kết hợp giữa chủ động phòng ngừa với chủ động liên tục tiến công ; tuân thủ pháp luật ; phối hợp và cụ thể ; dân chủ ; nhân đạo ; khoa học và tiến bộ.

d) Phân loại các biện pháp phòng ngừa tội phạm

Hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội phạm được xác định ở hai mức độ khác nhau : Phòng ngừa chung (phòng ngừa xã hội) và phòng chống riêng (chuyên môn).

– Phòng ngừa chung là tổng hợp tất cả các biện pháp về chính trị, kinh tế, văn hoá, pháp luật, giáo dục.

Đây là quá trình toàn xã hội phải tham gia nhằm khắc phục những sơ hở, thiếu sót là nguyên nhân, điều kiện phát sinh, phát triển của tội phạm.

– Phòng chống riêng (phòng và chống của lĩnh vực chuyên môn) là việc áp dụng các biện pháp mang tính đặc trưng, chuyên môn của từng ngành,

từng lực lượng, trong đó có hoạt động của cơ quan công an với vai trò nòng cốt, xung kích.

Khi nghiên cứu các biện pháp phòng chống tội phạm có thể phân loại thành các hệ thống biện pháp phòng chống như sau :

- Theo nội dung tác động của phòng ngừa tội phạm : Biện pháp kinh tế, biện pháp giáo dục, biện pháp tổ chức, biện pháp pháp luật.

- Theo phạm vi, quy mô tác động của các biện pháp phòng chống tội phạm : Có các biện pháp trong một tỉnh, một thành phố, trên phạm vi cả quốc gia.

- Theo phạm vi các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước, xã hội, như : Phòng ngừa trong các khu vực kinh tế, tuyến giao thông trọng điểm.

- Theo phạm vi đối tượng tác động của biện pháp phòng chống tội phạm, có :

- + Các biện pháp phòng chống tội phạm nói chung trong cả nước : Kinh tế, chính trị, giáo dục.

- + Biện pháp phòng chống cá biệt : Đối với từng đối tượng phạm tội cụ thể.

- Theo chủ thể hoạt động phòng chống tội phạm :

- + Biện pháp của các cơ quan trực tiếp chỉ đạo và thực hiện chuyên môn phòng chống tội phạm : Công an, Viện kiểm sát, Tòa án.

- + Biện pháp của các tổ chức xã hội : Đoàn thanh niên, hội phụ nữ.

- + Biện pháp của công dân.

e) Phòng chống tội phạm trong nhà trường

- *Trách nhiệm của nhà trường*

Thực hiện đầy đủ chương trình phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội trong nhà trường ; tuyên truyền giáo dục các chương trình quốc gia phòng chống tội phạm để cho học sinh thấy được trách nhiệm của mình, của nhà trường trong đấu tranh phòng chống tội phạm, từ đó tự giác tham gia.

Xây dựng nhà trường trong sạch, lành mạnh không có các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội và tội phạm. Xây dựng quy chế quản lí học sinh, quản lí kỉ túc xá, các tổ chức học sinh tự quản, tổ thanh niên xung kích để tuần tra kiểm soát trong khu vực trường.

- + Tổ chức cho học sinh kí kết không tham gia tệ nạn xã hội, không có hành vi hoạt động phạm tội. Tổ chức cho học sinh tham gia các cuộc thi tìm hiểu về Luật Hình sự, phòng chống tệ nạn xã hội.

+ Phát động các phong trào trong nhà trường hưởng ứng các cuộc vận động toàn dân tham gia phòng chống tội phạm với nội dung, hình thức phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của nhà trường.

+ Phối hợp với lực lượng công an cơ sở trong rà soát phát hiện, cung cấp thông tin số học sinh có biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội để có biện pháp quản lý, giáo dục ; đấu tranh xoá bỏ các tụ điểm hoạt động tệ nạn xã hội ở khu vực xung quanh trường.

– *Trách nhiệm của học sinh*

+ Không ngừng học tập nâng cao kiến thức, ý thức pháp luật và nội dung cơ bản nhất về phòng ngừa tội phạm. Tuyên truyền phổ biến pháp luật cho mọi người. Chấp hành nghiêm chỉnh những nội quy, quy định của nhà trường trong lĩnh vực học tập, sinh hoạt tập thể.

+ Trực tiếp tham gia các hoạt động phòng ngừa tội phạm, tham gia vào các tổ chức thanh niên xung kích tiến hành tuần tra, kiểm soát bảo vệ an ninh trật tự trong khu vực trường, lớp ; phát hiện các hiện tượng tiêu cực có thể nảy sinh trong trường, lớp ; các quan hệ nam nữ không lành mạnh, các hành vi nghi vấn nghiện ma túy, cờ bạc, chơi lô đề, cá cược bóng đá... có thể dẫn đến tội phạm.

+ Khi có vụ phạm tội xảy ra trong khu vực trường, lớp phát hiện và cung cấp cho cơ quan chức năng những thông tin có liên quan đến vụ việc phạm tội, người phạm tội ; tuân theo từng điều kiện cụ thể của mỗi người mà có thể tham gia cộng tác giúp đỡ lực lượng công an một cách công khai hay bí mật.

2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

a) Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

– *Khái niệm về tệ nạn xã hội* : Tệ nạn xã hội là một hiện tượng xã hội tiêu cực, có tính phổ biến, biểu hiện bằng những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức và gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống cộng đồng. Tệ nạn xã hội là những hành vi sai lệch chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực xã hội, như :

+ Thói hư, tật xấu.

+ Phong tục tập quán cổ hủ, lạc hậu.

+ Nếp sống xa hoa truy lạc, mê tín đồng bóng, bói toán...

Bản chất của tệ nạn xã hội là xấu xa, trái với nếp sống văn minh, trái với đạo đức, bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Tệ nạn xã hội là biểu hiện cụ thể của lối sống thực dụng, coi thường các chuẩn mực đạo đức, xã hội và

pháp luật, làm xói mòn các giá trị đạo đức truyền thống, thuần phong mĩ tục của dân tộc, phá vỡ tình cảm, hạnh phúc gia đình, phá hoại nhân cách, phẩm giá con người, ảnh hưởng đến kinh tế, sức khoẻ, năng suất lao động, làm băng hoại giống nòi dân tộc... là con đường dẫn đến tội phạm.

– *Mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội*

+ Ngăn ngừa chặn đứng không để cho tệ nạn xã hội phát sinh, phát triển, lan rộng trên địa bàn.

+ Từng bước xoá bỏ dần những nguyên nhân điều kiện của tệ nạn xã hội, góp phần xây dựng đời sống văn hoá lành mạnh, bảo vệ thuần phong mĩ tục của dân tộc.

+ Phát hiện, đấu tranh, xử lí nghiêm minh những hành vi hoạt động tệ nạn xã hội góp phần giữ vững an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

– *Đặc điểm của tệ nạn xã hội*

+ Có tính lây lan nhanh trong xã hội.

+ Tồn tại và phát triển dưới nhiều hình thức ; đối tượng tham gia rất đa dạng và phức tạp về thành phần.

+ Các đối tượng hoạt động có nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi để đối phó với lực lượng chức năng và che mắt quần chúng nhân dân thường cấu kết với nhau thành đường dây, ổ nhóm.

+ Tệ nạn xã hội thường có quan hệ chặt chẽ với tội phạm hình sự, các hiện tượng tiêu cực xã hội khác và có sự chuyển hoá lẫn nhau.

+ Địa bàn tập trung hoạt động thường là những nơi tập trung đông người, các khu công nghiệp, du lịch những nơi trình độ của quần chúng nhân dân còn lạc hậu thấp kém và công tác quản lí xã hội còn nhiều sơ hở thiếu sót.

– *Công tác phòng chống tệ nạn xã hội*

Công tác phòng chống tệ nạn xã hội là quá trình Nhà nước cùng các ngành, các cấp các đoàn thể tổ chức xã hội và mọi công dân (trong đó lực lượng công an là nòng cốt) tiến hành đồng bộ các biện pháp nhằm phát hiện, ngăn chặn, loại trừ các tệ nạn xã hội.

Đấu tranh loại trừ tệ nạn ra khỏi đời sống xã hội đòi hỏi phải có sự tham gia của các cấp, các ngành, của toàn thể xã hội. Trong đó, lực lượng cơ sở có một vai trò, vị trí rất quan trọng. Đây là lực lượng chủ công, nòng cốt tuyên truyền, hướng dẫn quần chúng nhân dân và trực tiếp thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các biện pháp theo chức năng, nhiệm vụ của mình để phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn.

b) Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

– Chủ trương, quan điểm

Nghiêm cấm mọi hình thức hoạt động tệ nạn xã hội, xử lý thích đáng những tên hoạt động chuyên nghiệp, hoạt động có tổ nhóm, những tên cầm đầu hoặc tổ chức lôi kéo người khác đi vào con đường hoạt động tệ nạn xã hội. Chủ động phòng ngừa ngăn chặn không để tệ nạn xã hội lây lan phát triển gây tác hại đến đời sống nhân dân và trật tự xã hội. Giáo dục cải tạo những người mắc tệ nạn xã hội làm cho họ trở thành những công dân có ích cho xã hội.

Quan điểm trên được thể hiện trên các mặt cụ thể sau :

+ Phòng ngừa là cơ bản, lồng ghép và kết hợp chặt chẽ công tác phòng chống tệ nạn xã hội với các chương trình phát triển kinh tế – văn hoá – xã hội ở địa phương:

Đây là phương hướng cơ bản nhất, vừa thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, mang ý nghĩa kinh tế, vừa phù hợp với đạo đức, phong tục tập quán của dân tộc.

Để có thể giải quyết, bài trừ triệt để tệ nạn xã hội đòi hỏi phải khắc phục từng bước những yếu kém, tồn tại của nền kinh tế xã hội, phải thực hiện đồng bộ các chính sách phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, lồng ghép, gắn kết công tác phòng chống tệ nạn xã hội với các chương trình phát triển kinh tế – văn hoá – xã hội ở địa phương như chính sách về lao động, việc làm, nâng cao đời sống vật chất cho nhân dân, các chính sách về văn hoá, giáo dục nhằm điều chỉnh việc xây dựng các chuẩn mực xã hội và định hướng giá trị xã hội lành mạnh, phát huy và kế thừa các phẩm chất đạo đức truyền thống tốt đẹp. Đẩy mạnh chương trình "xoá đói giảm nghèo", "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" nhằm từng bước ngăn chặn, loại trừ, xoá bỏ tệ nạn xã hội trên địa bàn.

+ Công tác phòng chống tệ nạn xã hội là trách nhiệm của toàn xã hội, phải được triển khai đồng bộ ở các cấp, các ngành, trong đó lấy phòng chống từ gia đình, cơ quan, đơn vị, trường học làm cơ sở.

Trong công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội thì chính quyền, các cơ quan, tổ chức, đoàn thể ở cơ sở và gia đình giữ một vai trò rất quan trọng. Đây là lực lượng trực tiếp thực hiện, biến những chủ trương, chính sách, quy định của Đảng và Nhà nước về phòng chống tệ nạn xã hội thành hiện thực. Là nơi thực hiện các cuộc vận động của Đảng và Nhà nước về xây dựng đời sống văn hoá mới ở khu dân cư, góp phần đẩy lùi và bài trừ tệ nạn

xã hội. Do đó cần xác định đúng vai trò của nhà trường trong đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội.

+ *Kết hợp chặt chẽ giữa việc xử lý nghiêm khắc với việc cảm hoá, giáo dục, cải tạo đối với những đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội.*

Xử lý nghiêm minh những đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội chuyên nghiệp, những đối tượng chủ chứa, tổ chức, môi giới, cầm đầu trong các đường dây, ổ nhóm hoạt động tệ nạn xã hội, cần tích cực, kiên trì cũng như quan tâm tạo các điều kiện thuận lợi về vật chất và tinh thần để động viên, giáo dục, cảm hoá đối tượng là nạn nhân của tệ nạn xã hội để họ yên tâm rèn luyện để trở thành công dân có ích cho xã hội.

– *Các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội*

Trong quá trình đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội, Nhà nước ta luôn chú trọng đến việc nâng cao vai trò, hiệu quả của pháp luật và đã ban hành nhiều văn bản pháp luật để điều chỉnh công tác này, như : tội hành nghề mê tín dị đoan ; tội chứa mại dâm ; tội môi giới mại dâm ; tội mua dâm người chưa thành niên ; tội đánh bạc ; tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc ; các tội phạm về ma tuý...

c) Các loại tệ nạn xã hội phổ biến và phương pháp phòng chống

– *Tệ nạn nghiện ma tuý*

Là một loại tệ nạn xã hội mà nạn nhân có thói quen sử dụng chất ma tuý dẫn đến tình trạng lệ thuộc vào ma tuý khó có thể bỏ được. Nghiện ma tuý gây hậu quả tác hại lớn cho bản thân người nghiện và cho xã hội.

Hình thức sử dụng ma tuý chủ yếu là hút, hít, tiêm chích thuốc phiện, heroine. Hiện nay, hình thức sử dụng ma tuý tổng hợp, thuốc lắc đang có xu hướng phát triển mạnh trong thanh niên và học sinh.

Nguyên nhân của tình trạng nghiện ma tuý rất đa dạng : do hậu quả của lối sống đua đòi, lười lao động, ăn chơi với nhu cầu khoái cảm cao chọn ma tuý để mua vui ; do gia đình có hoàn cảnh đặc biệt, bị lôi kéo, rủ rê hoặc bị khống chế... Quản lý học sinh ngoại trú còn có nhiều bất cập ; một số học sinh nghiện ma tuý nhưng không được phát hiện, giúp đỡ kịp thời nên càng lún sâu vào con đường nghiện ngập.

Nội dung, yêu cầu phòng chống tệ nạn ma tuý : Phải từng bước kiểm chế, ngăn chặn không để tệ nạn ma tuý lây lan phát triển, đặc biệt trong các trường học, trong học sinh và giáo viên. Không để có thêm học sinh mắc nghiện ma tuý trong các trường học. Phát hiện, xoá bỏ nguyên nhân, điều kiện hình thành tệ nạn ma tuý. Có các hình thức xử lý nghiêm minh

các đối tượng có liên quan đến ma túy, các đối tượng hoạt động có tính chất chuyên nghiệp.

– *Tệ nạn mại dâm*

Mại dâm là một loại tệ nạn xã hội bao gồm những hành vi nhằm thực hiện các dịch vụ quan hệ tình dục có tính chất mua bán trên cơ sở một giá trị vật chất nhất định ngoài phạm vi hôn nhân.

Tệ nạn mại dâm bao gồm các hành vi : bán dâm, mua dâm, chứa mại dâm, tổ chức hoạt động mại dâm, cưỡng bức bán dâm, môi giới mại dâm, bảo kê mại dâm và các hành vi khác liên quan đến tệ nạn mại dâm. Căn cứ vào tính chất của các hành vi, đối tượng tham gia tệ nạn mại dâm bao gồm các loại đối tượng chủ yếu : người bán dâm, người mua dâm, người chứa mại dâm, người môi giới mại dâm.

Trong những năm qua tình hình mại dâm có nhiều diễn biến phức tạp, có xu hướng tăng lên cả về số vụ và tính chất mức độ nghiêm trọng, thủ đoạn hoạt động ngày càng tinh vi, xảo quyệt, có nhiều thủ đoạn đối phó lại sự phát hiện của quần chúng nhân dân và hoạt động điều tra của cơ quan công an. Đối tượng tham gia tệ nạn mại dâm thuộc nhiều thành phần xã hội khác nhau, ở nhiều độ tuổi khác nhau và có các quốc tịch khác nhau.

+ Đặc điểm đối tượng chủ chứa mại dâm : Chủ yếu là nữ, số đối tượng là nam giới chiếm tỉ lệ nhỏ hơn và tập trung ở độ tuổi từ 30 trở lên. Đa số chủ chứa mại dâm là người có quốc tịch Việt Nam, một số ít có quốc tịch nước ngoài. Các đối tượng chủ chứa mại dâm có tiền án, tiền sự chiếm khoảng trên 20%. Các chủ chứa mại dâm có trình độ văn hoá thấp kém, số chủ chứa có trình độ văn hoá trung học trở lên chiếm tỉ lệ không đáng kể.

+ Đặc điểm đối tượng môi giới mại dâm : Đa số đối tượng môi giới mại dâm là nam giới và có độ tuổi từ 18 đến 30 chiếm tỉ lệ trên 50% ; phần lớn là làm các nghề có điều kiện để môi giới mại dâm như : xe ôm, xích lô, bảo vệ... Các đối tượng môi giới mại dâm có tiền án, tiền sự chiếm tỉ lệ khoảng gần 20% ; phần lớn các đối tượng có trình độ văn hoá thấp, có khoảng trên 20% có trình độ trung học trở lên.

+ Đặc điểm của đối tượng bán dâm : Hầu hết các đối tượng bán dâm là nữ, số đối tượng bán dâm là nam giới chiếm tỉ lệ không đáng kể và có độ tuổi chủ yếu là từ 18 đến 30. Điều đáng quan tâm hiện nay là tình trạng trẻ hoá đội ngũ gái bán dâm đang ngày càng gia tăng. Đa số đối tượng bán dâm không có nghề hoặc nghề tự do chiếm tỉ lệ cao, trình độ văn hoá thấp kém, một số ít đang là học sinh, sinh viên... Đa số gái mại dâm có điều kiện kinh tế khó khăn chiếm tỉ lệ trên 50%, chưa có chồng chiếm tỉ lệ cao, sống li thân

hoặc li hôn chiếm tỉ lệ trên 30%, số có chồng làm gái mại dâm chiếm tỉ lệ nhỏ.

+ Đặc điểm đối tượng mua dâm : Phần lớn các đối tượng mua dâm là nam giới (tỉ lệ nữ không đáng kể) ; độ tuổi 30 trở lên chiếm tỉ lệ cao, khách mua dâm là người nước ngoài đang có xu hướng gia tăng. Các đối tượng mua dâm có nhiều thành phần nghề nghiệp khác nhau, song chủ yếu tập trung ở những nghề buôn bán dịch vụ, tiểu thương và có cả cán bộ công chức nhà nước.

+ Đặc điểm về phương thức, thủ đoạn hoạt động : Các đối tượng tổ chức hoạt động mại dâm ngày càng có nhiều thủ đoạn hoạt động tinh vi xảo quyệt và có sự liên kết chặt chẽ giữa các nhà hàng, khách sạn vũ trường, nhà nghỉ... hình thành các ổ nhóm, đường dây hoạt động, có sự ăn chia về "quyền lợi". Hoạt động núp dưới các danh nghĩa nhà hàng, khách sạn, các dịch vụ xã hội như massage, karaoke, giải khát...

Các đối tượng hoạt động tệ nạn mại dâm theo phương thức gái gọi và thông qua gái mại dâm là một phương thức phổ biến trong giai đoạn hiện nay. Hoạt động này có mối quan hệ chặt chẽ với các đối tượng buôn bán phụ nữ trẻ em vì mục đích mại dâm ; có sự liên kết với các đối tượng tội phạm là người nước ngoài.

+ Đặc điểm về địa bàn hoạt động : Địa bàn hoạt động của tệ nạn mại dâm có ở khắp mọi nơi, song chủ yếu hoạt động của tệ nạn mại dâm là thành phố, thị xã, các khu công nghiệp, du lịch, nghỉ mát, những nơi có đông người nước ngoài cư trú...

+ Về hậu quả tác hại : Tệ nạn mại dâm làm xói mòn đạo đức dân tộc, là một trong những nguyên nhân dẫn đến căn bệnh thế kỉ HIV/AIDS.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do một bộ phận nhân dân chưa được giáo dục đầy đủ về pháp luật, nếp sống lành mạnh, chạy theo lối sống xa hoa hưởng lạc. Mặt khác công tác quản lí, xử lí đối tượng trên chưa kiên quyết, triệt để, nhiều nơi còn bị buông lỏng. Một số đối tượng còn có điều kiện dụ dỗ, rủ rê, lừa đảo, thậm chí ép buộc, cưỡng bức phụ nữ đi vào con đường mại dâm.

+ Nội dung, yêu cầu phòng chống tệ nạn mại dâm : Kịp thời phát hiện và ngăn chặn không để tệ nạn mại dâm lây lan phát triển, đặc biệt giữ gìn môi trường lành mạnh trong nhà trường. Từng bước xoá bỏ nguyên nhân, điều kiện của tệ nạn mại dâm tiến tới đẩy lùi tệ nạn mại dâm ra khỏi đời sống xã hội ; phát hiện, điều tra xử lí theo quy định của pháp luật

- *Tệ nạn cờ bạc* : Tệ nạn cờ bạc là một loại tệ nạn xã hội bao gồm các hành vi lợi dụng các hình thức vui chơi giải trí để cá cược, sát phạt nhau bằng tiền hoặc vật chất.

+ Tệ nạn cờ bạc bao gồm các hành vi :

- Đánh bạc : là hành vi dùng tiền hoặc lợi ích vật chất khác để sát phạt được thua thông qua các trò chơi.

- Tổ chức đánh bạc : là hành vi rủ rê, lôi kéo, tập hợp người khác cùng đánh bạc, người tổ chức cũng có thể cùng tham gia đánh bạc.

- Gá bạc : là hành vi dùng nhà ở của mình hoặc địa điểm khác để chứa các đám bạc từ đó trục lợi cho mình qua những người đánh bạc.

+ Đối tượng tham gia tệ nạn cờ bạc bao gồm : đối tượng tổ chức đánh bạc, đối tượng gá bạc và đối tượng đánh bạc.

Tệ nạn cờ bạc trong những năm qua có những diễn biến hết sức phức tạp, có xu hướng tăng cả về số vụ và tính chất nghiêm trọng, xuất hiện nhiều hình thức mới trong hoạt động, thủ đoạn hoạt động ngày càng tinh vi xảo quyệt, hoạt động có sự câu kết với các đối tượng là người nước ngoài, hoạt động xuyên quốc gia.

+ Đặc điểm của tệ nạn cờ bạc : Tệ nạn cờ bạc được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như : tổ tôm, chắn cạ, xóc đĩa, tam cúc, xì tố, xập xám, tá lả... và các hình thức cá cược khác. Tệ nạn cờ bạc có nhiều người mắc phải và có tính lây lan phát triển nhanh, rất đa dạng bao gồm nhiều thành phần có nghề nghiệp, độ tuổi, trình độ văn hoá khác nhau (cán bộ công nhân viên chức nhà nước, học sinh, đối tượng thất nghiệp, nghề nghiệp không ổn định, lưu manh...).

- Các đối tượng đánh bạc, tổ chức đánh bạc, chứa bạc có nhiều thủ đoạn hoạt động tinh vi xảo quyệt để đối phó lại sự phát hiện của quần chúng nhân dân và hoạt động điều tra của cơ quan công an. Chúng hình thành các ổ nhóm, đường dây để hoạt động, thường xuyên thay đổi địa bàn, nhiều tổ chức đường dây hoạt động liên địa bàn, xuyên quốc gia.

- Tệ nạn cờ bạc có quan hệ chặt chẽ với tội phạm hình sự và các hiện tượng tiêu cực khác như mại dâm, ma tuý ; gây ra hậu quả tác hại lớn cho đời sống xã hội và gây khó khăn cho công tác giữ gìn trật tự xã hội.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do bản chất ăn bám, bóc lột, lười lao động, thích hưởng thụ cuộc sống cao sang của một số người ; do cuộc sống gia đình gặp khó khăn, bế tắc trong cuộc sống... cùng với sự thiếu sót trong quản lý kinh tế, xã hội của Nhà nước.

+ Nội dung, yêu cầu phòng chống tệ nạn cờ bạc : Kịp thời phát hiện không để tệ nạn cờ bạc lây lan phát triển gây hậu quả tác hại, đặc biệt trong học sinh và nhà trường. Tiến hành đồng bộ các biện pháp để đấu tranh xoá bỏ nguyên nhân, điều kiện của tệ nạn cờ bạc. Phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương, các cơ quan để đấu tranh triệt phá các ổ nhóm, đường dây tổ chức hoạt động ; xử lý nghiêm minh các đối tượng hoạt động cờ bạc.

– *Tệ nạn mê tín dị đoan* : Mê tín dị đoan là tệ nạn xã hội bao gồm các hành vi biểu hiện thái quá lòng tin mù quáng vào những điều huyền bí không có thật, từ đó có những suy đoán khác thường, dẫn đến cách ứng xử mang tính chất cuồng tín, hành động trái với những chuẩn mực của xã hội, gây hậu quả xấu đến sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần của người dân, đến an ninh trật tự.

+ Đặc điểm của tệ nạn mê tín dị đoan :

- Là một biểu hiện của các hủ tục lạc hậu, tàn dư của xã hội cũ còn sót lại trong xã hội hiện nay ; nó kích thích và phù hợp với tâm lí của một bộ phận người trong xã hội có trình độ nhận thức thấp kém.

- Tệ nạn mê tín dị đoan được biểu hiện dưới nhiều hình thức đa dạng và có xu hướng lây lan phát triển nhanh nhất là ở những vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc ít người, nhận thức của quần chúng còn lạc hậu. Đối tượng tham gia tệ nạn mê tín dị đoan phần lớn là phụ nữ, những người có trình độ nhận thức thấp kém, hoàn cảnh gia đình gặp nhiều trắc trở, cuộc sống éo le... ngoài ra còn có một số cán bộ công nhân viên chức, một số có học thức cao và một bộ phận nhỏ học sinh cũng mắc phải tệ nạn này.

- Đối tượng reo rắc mê tín dị đoan : lợi dụng lòng tin, lợi dụng thần thánh, trời phật, may rủi có hành vi cầu cúng, đồng bóng, bói toán nhằm buôn bán thần thánh để kiếm lời hoặc tuyên truyền, reo rắc mê tín dị đoan gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội.

- Địa bàn xảy ra có ở khắp mọi nơi song chủ yếu tập trung ở những nơi công tác quản lí xã hội, quản lí văn hoá còn bộc lộ nhiều yếu kém, trình độ nhận thức của quần chúng còn lạc hậu.

- Tệ nạn mê tín dị đoan hiện đang được các đối tượng phản động và các thế lực phản cách mạng triệt để lợi dụng để chống phá cách mạng Việt Nam, nhất là ở vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc ít người trình độ nhận thức còn lạc hậu, thấp kém.

- Tệ nạn mê tín dị đoan gây nên những hậu quả xấu cho xã hội như làm tan vỡ hạnh phúc nhiều gia đình, ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe con người, gây thiệt hại đến tài sản của quần chúng, ảnh hưởng xấu tới an ninh trật tự.

+ Nội dung, yêu cầu phòng chống tệ nạn mê tín dị đoan : Nâng cao trình độ nhận thức cho toàn dân và học sinh để họ tự giác đấu tranh với tệ nạn mê tín dị đoan ; phân biệt được những hành vi mê tín dị đoan với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong quần chúng nhân dân, với những hoạt động lễ hội truyền thống văn hoá dân tộc. Kịp thời phát hiện các hình thức hoạt động mê tín dị đoan để có biện pháp ngăn chặn.

d) Trách nhiệm của nhà trường và học sinh trong phòng chống tệ nạn xã hội

– Đối với nhà trường :

Thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục trong nhà trường về phòng chống tệ nạn xã hội ; tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức pháp luật cho học sinh trong phòng chống các tệ nạn nghiện ma túy, mại dâm, cờ bạc ; phân định rõ mê tín dị đoan với các hoạt động tôn giáo, tự do tín ngưỡng của quần chúng nhân dân ; giáo dục lối sống lành mạnh, đấu tranh chống lối sống buông thả, lối sống trụy lạc, sống gấp.

Xác định rõ hậu quả tác hại từng loại tệ nạn xã hội, nguyên nhân và con đường lây lan ; phối hợp với các cơ quan chức năng, lãnh đạo chỉ đạo các tổ chức Đoàn, Hội phụ nữ... trong đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội ; phối kết hợp với lực lượng công an cơ sở, chính quyền địa phương và gia đình quản lí chặt chẽ học sinh ngoại trú để chủ động phát hiện các hành vi hoạt động ma túy, mại dâm, cờ bạc, đồng bóng bói toán... có biện pháp ngăn chặn kịp thời.

Nắm chắc tình hình học sinh có hành vi hoạt động các tệ nạn xã hội, cung cấp cho lực lượng bảo vệ, cơ quan công an những tụ điểm, tổ chức, đường dây hoạt động tệ nạn xã hội, phối hợp xử lí theo quy định của pháp luật. Phối hợp cùng chính quyền địa phương, lực lượng bảo vệ văn hoá làm trong sạch địa bàn trong trường và khu vực xung quanh.

Giúp cho học sinh hiểu rõ các âm mưu của các thế lực phản động trong việc lợi dụng tự do tín ngưỡng để chống phá cách mạng Việt Nam. Phát hiện các trường hợp rủ rờ lôi kéo học sinh tham gia vào các tà đạo, các hoạt động tệ nạn xã hội.

Tổ chức cho học sinh các lớp kí cam kết không tham gia các hoạt động tệ nạn xã hội ; xây dựng các nội quy, quy chế quản lí kỉ túc xá, xây dựng các tổ tự quản trong học tập, rèn luyện, vui chơi. Tổ chức các hoạt động thi tìm hiểu luật, pháp lệnh, các văn bản của Đảng, Nhà nước về phòng chống tệ nạn xã hội, đặc biệt tệ nạn ma túy, mại dâm, cờ bạc đang có dấu hiệu tăng nhanh trong giới trẻ. Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao để thu hút học sinh tham gia.

– Đối với học sinh :

Nhận thức rõ hậu quả của tệ nạn xã hội, con đường dẫn đến tội phạm ; không tham gia các tệ nạn xã hội dưới bất kì hình thức nào ; không bị lôi kéo cám dỗ bởi những khoái cảm, những lối sống trụy lạc, coi trọng đồng tiền, chà đạp lên đạo đức, pháp luật, bán rẻ sự nghiệp của bản thân.

Có trách nhiệm phát hiện các hành vi hoạt động tệ nạn xã hội, các con đường dẫn đến tệ nạn, đường dây hoạt động ma túy, mại dâm, cờ bạc... báo cáo kịp thời cho nhà trường hoặc lực lượng công an cơ sở.

Không có các hành vi mê tín dị đoan hoặc tham gia vào các hủ tục lạc hậu khác. Bằng kiến thức đã được học phân biệt được các trường hợp tự do tín ngưỡng, các trường hợp tham quan di tích văn hoá với việc lợi dụng để hoạt động mê tín dị đoan. Cảnh giác trước các hành vi của các đối tượng "buôn thần bán thánh" và âm mưu chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực phản động ; phát hiện các hình thức biểu hiện mới của tệ nạn mê tín, của các loại tà đạo nảy sinh trong lớp, trong trường báo cáo với nhà trường, chính quyền địa phương để có biện pháp ngăn chặn kịp thời.

Chủ động phát hiện các trường hợp học sinh trong lớp có những dấu hiệu khác thường, những hoàn cảnh éo le, gặp trắc trở trong học tập, trong tình yêu để có biện pháp động viên, giúp đỡ không để họ bị sa ngã vào các tệ nạn xã hội, tin vào cầu cúng, bói toán ; đam mê, khoái cảm... gặp gỡ, động viên những học sinh lầm lỗi, cảm hoá, giáo dục họ tiến bộ trở thành người có ích.

Kí cam kết không tham gia vào các hoạt động tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm... Có thái độ học tập nghiêm túc, có lối sống lành mạnh, tích cực tham gia các tổ tự quản, thanh niên xung kích tuần tra kiểm soát bảo vệ kí túc xá, bảo vệ nhà trường.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu những nội dung của công tác phòng ngừa tội phạm, mối quan hệ giữa các nội dung của hoạt động phòng ngừa tội phạm.

2. Nêu và phân tích mối quan hệ giữa các chủ thể trong tổ chức hoạt động phòng ngừa tội phạm, liên hệ với thực tế môi trường học tập, công tác.

3. Vai trò của học sinh trong công tác phòng chống tội phạm, liên hệ với môi trường học tập của bản thân.

4. Nêu và phân tích các chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước trong đấu tranh, phòng chống tệ nạn xã hội. Để công tác phòng chống tệ nạn xã hội đạt hiệu quả tốt cần chú ý gì về lĩnh vực pháp luật ?

5. Nêu nội dung, phương pháp phòng chống tệ nạn xã hội. Để làm tốt công tác phòng chống tệ nạn xã hội nói chung cần có những giải pháp nào (về pháp luật, về tổ chức thực hiện, về xây dựng môi trường sống...) ?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chỉ thị 12-CT/TW* ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, X*; Nghị quyết Trung ương 8/Khóa IX, NXB Chính trị Quốc gia.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991.
4. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992* (sửa đổi, bổ sung năm 2001).
5. *Luật về An ninh quốc gia*, 2004; *Luật Biên giới Quốc gia*, 2003; *Luật Công an nhân dân*, 2005; *Luật Giáo dục*, 2005; *Bộ Luật Hình sự*, 1999; *Luật Nghĩa vụ quân sự*, 1981 (sửa đổi, bổ sung năm 1990, 1994, 2005); *Luật Phòng chống ma túy*, 2003; *Luật Phòng chống mại dâm*, 2003; *Luật Quốc phòng*, 2005; *Bộ Luật Tố tụng hình sự*, 2003; *Luật Thanh niên*, 2001.
6. *Pháp lệnh Động viên công nghiệp quốc phòng*, 2003; *Nghị định số 219/CP* ngày 28/12/1961 của Hội đồng Chính phủ (nay là CP); *Nghị định Giáo dục quốc phòng - an ninh số 116/2007/NĐ-CP* ngày 10/7/2007.
7. *Chỉ thị số 18/2000/CT-TTg* ngày 21 tháng 9 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về *Tăng cường công tác dân vận*.
8. *Nghị quyết 05; 06* của Chính phủ về *Đấu tranh phòng chống tệ nạn mại dâm và tệ nạn ma túy*, 1993.
9. *Nghị quyết 87/CP* năm 1995 về *Đấu tranh phòng chống một số loại tệ nạn xã hội nguy hiểm*.
10. *Nghị quyết 09/CP* của Chính phủ về *Tăng cường công tác đấu tranh chống tội phạm trong tình hình mới*; *Quyết định 138* của Thủ tướng Chính phủ về *Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm*.
11. *Các văn bản hiện hành về giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
12. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức - *Lí luận dạy học đại học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2005.
13. *Giáo trình Những vấn đề cơ bản trong phòng, chống tội phạm về ma túy*, Học viện Cảnh sát nhân dân, 2005.
14. *Giáo trình Tổ chức phòng, chống nghiện ma túy*, Học viện Cảnh sát nhân dân, 2002.
15. *Các loại ma túy thường gặp*, NXB Công an nhân dân, 2001.

16. *Giáo trình Quản lý nhà nước về an ninh trật tự*, Học viện Cảnh sát nhân dân, 2007.
17. *Giáo trình Lịch sử quân sự*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997.
18. *Giáo trình tội phạm học*, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1995.
19. Bộ Tổng tham mưu, *Một số văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp*, 2006.
20. Bộ Tổng tham mưu, *Hướng dẫn một số nội dung về công tác Động viên quân đội và Động viên công nghiệp*, 2005, 2006.
21. Bộ Tổng tham mưu, *Công tác động viên quân đội*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001.
22. Bộ Tổng tham mưu, *Một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về Luật Nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh về Lực lượng dân quân tự vệ*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003.
23. Bộ Quốc phòng, *Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam*, 1990.
24. Lênin, Toàn tập, tập 17, về *Thái độ của Đảng công nhân đối với tôn giáo*, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1979.
25. Bộ Quốc phòng, Trung tâm Từ điển bách khoa quân sự, *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.
26. Phạm Quang Định, *"Diễn biến hoà bình" và cuộc đấu tranh chống "Diễn biến hoà bình" ở Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
27. Bộ Tổng tham mưu, *Từ điển Thuật ngữ quân sự*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2007.
28. Tạp chí Quốc phòng toàn dân, *Công nghệ quân sự thế kỉ XX và xu hướng phát triển đầu thế kỉ XXI*, 9/2000.
29. Tạp chí Khoa học quân sự, *Phòng thủ dân sự trong phòng chống vũ khí công nghệ cao*, 7/2003.
30. Tạp chí Khoa học quân sự, *Một số biện pháp phòng chống tiến công đường không bằng vũ khí công nghệ cao*, 4/2004.
31. Học viện Quốc phòng, *Tài liệu nghiên cứu, tham khảo về phòng tránh, đánh trả*.
32. Phan Xuân Sơn, Lưu Văn Quảng (đồng chủ biên), *Những vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
33. Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Quốc phòng Việt Nam* (Sách trắng Quốc phòng Việt Nam), NXB Thế giới, Hà Nội, 2004.
34. GS.TS Nguyễn Xuân Yêm cùng tập thể tác giả. *Mại dâm, ma túy, cờ bạc, tội phạm thời hiện đại*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2003.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
Bài 1. TRUYỀN THỐNG ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM	5
Bài 2. LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THANH NIÊN	15
Bài 3. XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN	22
Bài 4. TÁC HẠI CỦA MA TUÝ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH TRONG PHÒNG, CHỐNG MA TUÝ	30
Bài 5. PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM	45
Bài 6. PHÒNG CHỐNG ĐỊCH TIẾN CÔNG HOẢ LỰC BẰNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO	56
Bài 7. XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG	68
Bài 8. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA	82
Bài 9. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG ĐỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM	95
Bài 10. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ GIỮ GÌN TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI	111
Bài 11. XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC	135
● Bài 12. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI	158
TÀI LIỆU THAM KHẢO	177

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Chịu trách nhiệm nội dung :

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Sách ĐH – DN
TRẦN NHẬT TÂN

Biên tập nội dung :

PHẠM VĨNH THÔNG – LÊ DOÃN THUẬT

Sửa bản in :

PHẠM VĨNH THÔNG

Trình bày bìa :

BÙI QUANG TUẤN

Thiết kế sách và chế bản :

THÁI SƠN

GIÁO TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH – TẬP MỘT

(Dùng cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp)

Mã số : 6G138Y8 – DAI

In 10.000 cuốn (QĐ : 38), khổ 16 x 24cm. In tại Xí nghiệp in – NXB Lao động xã hội. ●

Địa chỉ : Ngõ Hoà Bình 4, phố Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Số ĐKKH xuất bản : 412 – 2008/CXB/5 – 869/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2008.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ

HEVOBCO

25 HÀN THUYỀN – HÀ NỘI

Website : www.hevobco.com.vn



VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

TÌM ĐỌC SÁCH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

1. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 10 (sách học sinh và sách giáo viên)
2. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 11 (sách học sinh và sách giáo viên)
3. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 12 (sách học sinh và sách giáo viên)
4. Giáo trình giáo dục Quốc phòng – An ninh
(Dùng cho học sinh các trường Trung cấp chuyên nghiệp), tập một và tập hai
5. Giáo trình giáo dục Quốc phòng – An ninh
(Dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng), tập một và tập hai

Bạn đọc có thể mua tại các Công ty Sách – Thiết bị trường học ở các địa phương hoặc các Cửa hàng sách của Nhà xuất bản Giáo dục :

Tại Hà Nội : 25 Hàn Thuyên ; 187B Giảng Võ ; 232 Tây Sơn ; 23 Tràng Tiền ;

Tại Đà Nẵng : Số 15 Nguyễn Chí Thanh ; Số 62 Nguyễn Chí Thanh ;

Tại Thành phố Hồ Chí Minh : Cửa hàng 451B – 453, Hai Bà Trưng, Quận 3 ;
240 Trần Bình Trọng – Quận 5.

Tại Thành phố Cần Thơ : Số 5/5, đường 30/4 ;

Website : www.nxbgd.com.vn



6G138Y8



Giá : 20.000 đ